LUẬN GIẢI VỀ TÂM
TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

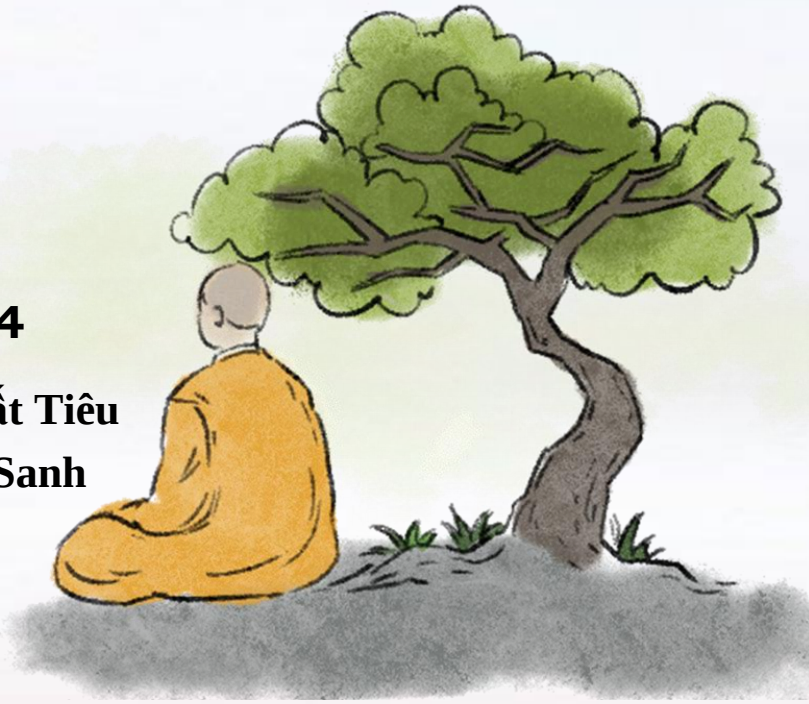

Quyển 4

Giới Tịnh Nhất Tiêu
Vạn Xứ Vô Sanh

Bhikkhu Visuddhamma

MỤC LỤC

Lời phi lộ 1

Bài 16: Lục nhập vô sanh 2

Bài 17: Thập nhị xứ - Thập bát giới vô sanh..... 36

Bài 18: Diệu tâm thực tướng 69

Bài 19: Lục mở nhất tiêu 91

Bài 20: Giới tịnh lục căn 104

LỜI PHI LỘ

Diệu Tánh Chơn Như vô xuất vô sanh vô diệt. Sáu cửa vào động thiếu thất của Tổ Đạt Ma hay là phẩm Gò Mối (Kinh Trung Bộ) cũng là thế đấy. Thế nên từ khởi thuỷ vẫn mang theo cái hình tướng giả định tuỳ hành. Gió không có tướng không tánh nhưng đi ngang khu vực lúa thơm thì có mùi lúa. Phải chăng mùi do gió hay do lúa hay do mũi hay do thức. Khi chết thì cái gì còn mang theo? Biết thì ngộ. Ngộ thì vào trong sanh tử làm đủ mọi việc mà không dính mắc thị phi thế gian. Có sanh tử thì sao nhỉ? Có cần thoát ly sinh tử không nhỉ? Thoát như thế nào? Biết lối vào thì có thể tự ra hay không?

Muôn vàn kính lạy ân Đức Từ Phụ từ bi.

BÀI 16: LỤC NHẬP VÔ SANH

Nếu nói rằng "Lục Nhập Vô Sanh" thì cũng có nghĩa là Diệu Tánh Chơn Như; Lục nhập ấy vốn là Như Lai tạng; cho nên, cũng là Diệu Tánh Chơn Như.

Nói có "vô sanh" hay "có sanh" cũng không thể nói được ý ở trong ấy. Nói rằng có cái Diệt - hay cái Bất diệt cũng chỉ là phương tiện để nói ra cái ý mà thôi. Cũng như Đức Thế Tôn, lúc đầu Ngài nói "*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*"; đến cuối cùng thì nói là "*Kiến tính - cái tánh thấy*" của các pháp là không có sanh, cũng không có diệt. Thế thì, "vạn pháp do duyên sanh" mà lúc sau thì lại là "không sanh - không diệt", thì là phương tiện để phá những cái chấp.

Tại sao nói rằng Lục nhập cũng là Diệu Tánh Chơn Như?

(1) Trước hết chúng ta đi tìm cái Nhãn, Nhãn nhập vốn là vô sanh. Ví dụ như chúng ta dùng mắt để nhìn một chỗ, nhìn lâu thì tự nhiên con mắt mỏi, rồi vì nhìn lâu mỏi mệt cho nên thấy; cái tướng mà nhìn lâu mỏi mệt đó là tánh của Bồ Đề và do hai thứ Vọng trần sáng - tối hiện ra cái thấy; thu nạp được cái Trần; cho nên, gọi là Tánh Thấy. Cái thấy này lìa sáng và tối; tự không có Tự Thể, do 2 thứ vọng

trần hiện ra mà thôi, cho nên mới thu nhập cái Cảnh.

Nếu bạn bước vào một căn phòng tối thì bạn không nhìn thấy được gì hết; có mắt có vật nhưng không thể nhìn thấy gì. Nhưng nếu có ánh sáng - tức là khi đó mở đèn sáng lên thì bạn sẽ thấy được hết tất cả mọi vật; cho nên, chúng ta nói rằng: đèn sáng phải không thưa bạn? Thế thì, cái đèn sáng ấy là do điện, do cái vật chúng ta thấy hay do con mắt chúng ta thấy? Nếu do vật và con mắt thấy thì hồi lúc chưa mở đèn sáng lên, tại sao chúng ta lại không thấy; mà phải đợi khi bật đèn sáng lên thì chúng ta mới thấy. Như thế thì cái Tánh Thấy ấy nằm ở nơi vật hay là nơi con mắt hay là ở đèn? Nếu nhờ chỗ sáng và chỗ tối thì mới thấy được cái Tánh Thấy; cho nên cái ấy gọi là không có Tự Thể; chẳng phải từ con mắt, cũng chẳng phải tự hư không.

Nếu từ chỗ sáng mà ra thì khi tối, cái Tánh Thấy đã theo cái sáng nó mất đi, lẽ ra chẳng thể thấy cái tối. Nếu từ cái chỗ tối mà ra thì khi sáng, cái Tánh Thấy nó phải theo cái tối nó mất đi, lẽ nào chẳng thấy sáng? Nếu Tánh Thấy này từ con mắt ra thì chẳng thể nào có sáng - tối; tại vì nằm trong con

mắt nó thấy thì không liên can đến chuyện sáng - tối. Bởi thế, biết rằng cái Tánh Thấy vốn chẳng có Tự Tánh: Nếu từ hư không ra thì nhìn ra ngoài thấy cảnh trần; mà xoay về phải thấy con mắt. Hư không tự thấy, có liên quan gì đến chỗ nhập; bởi vậy cho nên Nhãn Nhập gọi là Hư vọng; vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên. Tại vì con mắt phải có sáng - tối với Cảnh Trần, nó mới thu nạp được cái Tánh Thấy, thu nạp được hình ảnh. Nếu bạn bước vào căn phòng tối mà không mở đèn thì có con mắt cũng như không; chẳng thấy được vật gì trong căn phòng. Nhưng khi mở đèn sáng lên, bạn thấy được vật này - vật kia trong căn phòng ấy; rồi như thế thì đèn thấy, hay là mắt thấy, hay là vật thấy? Cho nên nói là Nhãn Nhập, thực sự ra nó là Hư Vọng; nó không phải do nhân duyên, mà cũng chẳng phải Tự Tánh.

(2) Cũng như thế, Nhĩ Nhập như Đức Thế Tôn dạy ngài Anan: Giống như người lấy một ngón tay bịt chặt hai lỗ tai lại, thì do bịt lâu cái lỗ tai mỏi mệt nên trong đầu hóa ra có tiếng; hai lỗ tai cùng mỏi mệt đó đều là do tướng lâu mỏi mệt của Tánh Bồ Đề; do hai thứ vọng trần động và tịnh hiện ra cái nghe, thu nạp cảnh trần gọi là Tánh Nghe. Cái

Tánh Nghe này thực ra nó lìa cả động và tịnh, nó chẳng có Tự thể, nó chẳng từ tai ra cũng chẳng từ hư không ra.

Nếu cái nghe từ chỗ tịnh ra thì khi động, cái nghe theo cái tịnh mất, lẽ ra chẳng thể nghe động. Nếu từ chỗ động ra thì khi tịnh, cái nghe đã theo động mất. Tức là, nếu không có âm thanh thì cái Tánh Nghe ấy, nó đi theo một là động, hai là tịnh; có âm thanh hoặc không có âm thanh; nếu có cái này thì mất cái kia. Hoặc theo được cái này thì không thể theo được cái kia; mà cái này xuất hiện thì cái kia mất. Nếu Nhĩ Nhập vốn là theo cái động thì khi tịnh thì phải mất; hoặc nếu gốc của nó vốn từ là tịnh khi có động thì cái Nhĩ Nhập cũng mất. Đằng này, nó không lệ thuộc vào hai cái ấy; có nghĩa là động hay tịnh không có liên quan; cái Tánh Nghe này lìa động - tịnh, tự nó không có Tự thể. Cho nên nói rằng: Nhĩ Nhập hư vọng vốn chẳng có nhân duyên cũng chẳng phải Tánh tự nhiên. Nếu nó tự nhiên thì phải dính tới động hoặc tịnh hoặc cái lỗ tai; mà nó không dính tới cái nào hết thì cái ấy chẳng phải là tự nhiên. Mà nếu nói rằng, cái Nhĩ Nhập do nhân duyên thì khi có cảnh - tức là có âm thanh, lỗ tai, có cái tánh nghe tức là có động có

tịnh; nhưng mà thực sự ra, nó lìa cả động và tịnh. Ví dụ như chúng ta đã lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do cái lỗ tai mỏi mệt; cho nên trong đầu hóa ra tiếng uu...uuu...uuu. Cả hai tai cùng mỏi mệt ấy đều là tướng mỏi mệt của tánh Bồ Đề.

(3) Cũng như thế - Tỷ Nhập vốn là vô sanh. Ví dụ như có người nào hít mạnh hai lỗ mũi, hít lâu thì đâm ra mỏi mệt; mà hễ mỏi mệt thì lỗ mũi có xúc giác thấy là mát. Do xúc giác phân biệt thông - nghẽn, hư - thực, thơm - thối cùng với cái lỗ mũi, cái hít lâu mỏi mệt ấy đều là tướng ngó lâu mỏi mệt của Tánh Bồ Đề. Do đó, hai cái gọi là Thông và Nghẽn; tức là Vọng trần hiện ra cái ngửi, thu nạp cảnh trần thì gọi là Tánh Ngửi. Tánh ngửi này, lìa sự thông - nghẽn, không có tự thể. Cái ngửi này chẳng từ thông - nghẽn; cũng chẳng từ mũi, cũng chẳng từ hư không ra. Nếu từ chỗ thông ra thì khi nghẽn, tánh ngửi đã mất. Nếu từ nghẽn ra thì khi thông, chẳng còn cái ngửi thì làm sao biết các mùi hôi thối. Nếu từ lỗ mũi ra thì làm gì có dính mắc tới cái thông - nghẽn; vậy biết cái Ngửi vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra thì hư không phải là lỗ mũi của ngươi; Đức Phật dạy ngài Anan như thế. Lại hư không tự ngửi thì có liên quan gì đến

chỗ nhập; cho nên phải biết rằng: Cái Tỷ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, nhưng cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

(4) Thiệt Nhập cũng thế: Ví như có người dùng cái lưỡi liếm mép, liếm đến khi cái lưỡi mỏi mệt. Với người có bệnh thì thấy nó đắng đắng; người không bệnh thì thấy có chút ngọt ngọt; do cái vị giác thấy ngọt - thấy đắng, tỏ rõ cái lưỡi lúc chưa phát dục vốn chẳng có vị giác. Tức là lúc mà chưa dùng cái lưỡi để liếm mép thì không có vị gì hết; nhưng khi liếm thì lại thấy có vị: Với người bệnh thì thấy đắng đắng, người không bệnh thì thấy nó ngọt ngọt; cái đắng - cái ngọt ấy cũng chẳng do cái lưỡi; nó do cái tướng ngó lâu mỏi mệt của Tánh Bồ Đề; hai vọng trần ngọt và đắng, hiện ra vị giác, thu nạp cái cảnh trần gọi là Tánh Nếm. Tánh Nếm này lìa ngọt - đắng, vốn chẳng có tự thể. Bởi thế, Đức Thế Tôn mới dạy ngài Anan cái biết đắng - biết ngọt, chẳng từ ngọt - đắng ra, chẳng từ lưỡi ra cũng chẳng từ hư không ra. Tại vì nếu từ đắng ra thì khi cái ngọt nó xuất hiện thì cái Tánh Nếm mất đi hay sao, thì làm sao nó biết được cái ngọt. Tại vì nó biết được từ theo đắng, nếu tánh biết của cái lưỡi từ ở trong cái đắng ra thì làm sao nó biết ngọt; còn

nếu từ ngọt ra thì khi đắng xuất hiện, cái tánh nếm ấy nó đã mất rồi, làm sao nó biết được cái đắng. Nếu từ Lưỡi ra thì nó chẳng có dính mắc gì tới cái ngọt và cái đắng, thì làm sao cái đắng và cái ngọt có dính gì tới cái lưỡi. Bởi vậy, vị giác vốn chẳng có Tự Tánh; còn nếu từ hư không ra thì hư không tự nếm chứ chẳng phải từ lưỡi nếm, thì cái ấy đâu có liên quan gì tới Thiệt Nhập; cho nên, Thiệt Nhập là hư vọng, chẳng phải do nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

(5) Thân Nhập cũng như thế: Đức Phật dạy ngài Anan: Ví như có người dùng bàn tay lạnh tiếp xúc với bàn tay nóng; nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng cũng thành lạnh theo; nếu bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh cũng thành nóng theo. Tức là sự giao thoa, giao cảm giữa 2 bàn tay sẽ làm cho cái năng lượng nó chia, nó hòa đồng. Xúc giác của 2 bàn tay hợp lại là nhờ cái BIẾT RÕ, sở dĩ thế là cái nóng liền theo nóng, thế lạnh nhiều liền theo lạnh; là do nơi xúc giác mỏi mệt mà thành. Cả cái thân và cái mỏi mệt đó đều là tướng ngó lâu mỏi mệt của Tánh Bồ Đề; do 2 thứ vọng trần ly và hợp, hiện ra xúc giác rồi thu nạp cảnh trần; gọi là Tánh Xúc Giác, chứ Tánh Xúc Giác này lìa sự ly-hợp, thuận-

nghịch, vốn chẳng có tự thể. Tánh biết của xúc (va chạm) không có dính mắc gì tới trần, tới không gian hoặc là da hay cái thân. Nó chẳng từ thuận-nghịch, cũng chẳng từ hư không. Nếu nó từ hợp (tức là sự va chạm) mà có, thì khi không va chạm thì cái Tánh Xúc Giác này, cái Tánh Biết của sự va chạm đã mất, thì làm sao biết được sự không va chạm. Đối với hai tướng thuận-nghịch thì cũng như thế; nếu từ thân thể mà ra thì chẳng có ly-hợp, thuận-nghịch; vậy biết cái xúc giác đó chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không thì hư không tự hay biết cái xúc chạm, chẳng liên quan gì đến cái thân, cái da của ta. Nếu biết rằng thân nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên. Nếu nói rằng nó tự nhiên thì đâu có dính mắc gì tới những cảnh trần; mà nếu nói rằng do nhân duyên thì khi nhân duyên hết thì tại sao cái Tánh biết ấy nó vẫn còn?

(6) Cũng như thế, Ý Nhập vô sanh: Như có người mỏi mệt thì ngủ, ngủ thật đã rồi thức; hễ gặp thì nhớ, không nhớ thì là quên; giống như cảnh mộng giả dối cho là chân thật. Các tướng sanh-trụ-dị-diệt, tùy duyên thay đổi từng sát-na chẳng vượt khỏi nhau, gom những sự hiểu biết đó thành ra cái

tướng mỏi mệt. Ý căn cùng cái mỏi mệt đều là tướng ngó lâu mỏi mệt của Bồ Đề; do hai thứ vọng trần sanh và diệt; vọng khởi phát trần bên trong thành biết cái Ý căn.

Ý căn thì giống như dòng nước; sự trước mắt nhờ tai, mắt, thấy, nghe... tiền trần bên ngoài gọi là thuận lưu - tức là Ý thức; sự tưởng nhớ chẳng nhờ tai, mắt được thấy, nghe phát trần bên trong gọi là nghịch lưu (tức là chảy ngược). Nhờ tai, mắt, thấy, nghe cái vật bên ngoài cho nên gọi là thuận lưu; còn nhờ sự tưởng nhớ mà nghe, thấy cái phát trần bên trong thì gọi là nghịch lưu. Khi chảy ngược vào chỗ tai, mắt chẳng thể đến; ví dụ như những sự kiện đã xảy ra hoặc ở xa quá, thì tai, mắt không thể nào có thể nghe hay nhìn thấy được; thì lúc bấy giờ chỉ có Ý căn mới biết; gọi là Tánh Biết của Ý căn. Cái Tánh Biết này nó lìa cái sự Thức - Ngủ - Sanh - Diệt vốn chẳng có tự thể. Cái căn của ta, lúc ngủ không có đóng. Nó lìa cái sự ngủ, cho nên lúc ngủ; cái Căn nó vẫn thức. Thế thì tại sao trong lúc ngủ, chúng ta lại như xác chết, chúng ta không biết. Tức là sự huân tập lâu ngày, vọng tưởng điên đảo nên nghiệp thức che mờ; nên cái Tánh Thấy của các Căn không biết. Cái hay biết của Ý căn

chẳng từ nơi cái thức - ngủ mà ra, cũng chẳng từ nơi sanh-diệt mà ra, chẳng từ nơi Ý căn, cũng chẳng từ nơi hư không. Nếu từ Thức mà ra thì khi ta đi ngủ; cái Ý căn nó đã mất rồi, tại vì nó từ Thức (khi ngủ thì đâu còn thức nữa); mà đã không còn thức thì Ý căn đó sẽ phải theo cái Thức mà nó mất, thì làm sao biết rằng ta đang ngủ, phải không?

Nếu cái Biết - Ý căn mà theo sự Thức - Ngủ mà có, thì khi Thức là biết mà khi ngủ thì cái biết ấy nó phải theo cái Thức mà nó mất; tại vì nó trong trạng thái đang ngủ. Và nếu nó đã theo trạng thái Thức mà mất, thì làm sao nó biết rằng ta đang ngủ? Còn nếu nó từ Sanh mà ra thì khi diệt đồng như không; ai biết là cái sự diệt. Nếu từ diệt mà ra thì khi sanh ra đã không có, ai biết đó là sự sanh? Ý của ta nếu từ nơi cái Sanh mà nó ra thì lúc diệt thì làm sao biết được rằng là diệt; tại vì cái Ý đấy không còn nữa. Nếu từ Ý căn ra thì chẳng có Tưởng Thức - Ngủ; tưởng thức - ngủ chẳng dính mắc gì nơi Ý căn; vậy cái hay biết của Ý căn đồng như hoa đốm trên hư không: Không có tự tánh. Nếu từ hư không ra thì từ hư không tự biết; nó có liên quan gì đến chỗ gọi là Ý nhập, cho nên phải

biết rằng: Ý nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Đức Thế Tôn nói rằng lục nhập là vô sanh nhưng tại sao lại nói là vô sanh? Tại vì chẳng qua là phương tiện; chúng sanh mê mờ, có 2 thứ vọng kiến: (1) Biệt nghiệp vọng kiến của chúng sanh; (2) Đồng phận vọng kiến của chúng sanh; vì 2 thứ này mà phải lăn trôi trong 3 cõi 6 đường, sinh tử không thể nào thoát hẳn.

Vọng kiến do nghiệp riêng của chúng sanh gọi là biệt nghiệp vọng kiến.

Vọng kiến đồng phận thì gọi là vọng kiến cộng nghiệp.

Biệt nghiệp là gì? Biệt nghiệp là những thứ gì làm cho bạn khác hẳn nhau. Ví dụ như cách hành xử, cách suy nghĩ của bạn cũng khác biệt; cho nên, nghiệp của từng bạn tạo tác cũng khác nhau. Biệt nghiệp vọng kiến của con người khiến cho họ kiêu kỳ, lập dị; có nghĩa là họ tự nghĩ rằng ta không giống người khác, họ luôn luôn thấy ta khác hơn những người khác. Những điều mà ta nghĩ rằng: Ta khác hơn người khác là do chỗ này đây: Nhãn nhập - Nhĩ nhập ... nhưng thực sự ra những thứ ấy là Diệu Tánh Chơn Như. Nếu lấy văn tự mà nói thì chơn như là chơn như; mà diệu là diệu, diệu là cái biến tướng

của chơn như; chẳng hạn như chơn tâm thì thường trụ; mà diệu tâm là biến tướng của chơn tâm. Nhưng nếu xét cho kỹ; thì chơn tâm và diệu tâm, bản thể của 2 cái này vốn là một, nó vốn là Như Lai Tạng. Như Lai Tạng vốn như tấm gương; đi ngang thì nhìn thấy các sự vật, sự kiện xảy ra trước tấm gương nhưng không lưu trữ và cũng không phân biệt. Chơn như thì thường trụ, giống như mặt trăng; có ánh sáng. Nhưng tùy theo mặt thể ghi nhận: Nếu là mặt sông thì chúng ta sẽ thấy bóng trăng ở dưới mặt sông; chúng ta có thể nói đó là cái bóng của mặt trăng. Nhưng nếu khi nhìn kỹ thì cái ấy cũng là mặt trăng vậy; tại vì nó cũng có ánh sáng vậy; cho nên, cái mặt trăng thì có thể tượng trưng cho chơn tâm hoặc chơn như. Và cái mặt trăng thứ 2 hoặc hình/bóng mà ta thấy trong dòng sông thì nó là diệu tâm, nó rất là sáng, nương nhờ theo cái này mà thấy cái kia; mất cái này thì cái kia cũng mất.

Tại sao nói lục nhập vốn là Như Lai Tạng? Tại vì 6 cái tánh thấy này; nó không phải do nhân duyên; tại vì nếu do nhân duyên thì duyên sanh - duyên diệt, như vậy cái tánh biết của 6 cái này cũng theo nhân duyên mà sanh mà diệt hay sao? Thực sự ra, nó không có sanh diệt, nó không có lệ thuộc nơi cái tánh nhân duyên. Có phải nó tự nhiên mà có không? Nếu nó do tự nhiên mà

có thì tại sao các trần, các điều kiện biến mất thì nó vẫn không còn? Ví dụ như: Chúng ta đã học về nhãn nhập - nhĩ nhập hay ý nhập; Ý nhập là 1 cái rất là hay vì thức - ngủ thì cái ý căn nó cũng chẳng lệ thuộc nơi thức - ngủ; mà nó cũng chẳng lệ thuộc nơi sự sanh - diệt; nó không từ hư không, mà nó cũng chẳng từ nơi Ý căn. Cái hay biết của Ý căn, không từ những chỗ ấy ra; cũng không từ hư không ra; cho nên, cái Ý nhập là hư vọng, vốn chẳng tánh nhân duyên và cũng chẳng phải tánh tự nhiên. Tất cả đều do tướng mỏi mệt của tánh Bồ Đề.

Con mắt - nhãn nhập vốn là vô sanh; con mắt nếu khi nhìn chăm chăm vào 1 chỗ thì sẽ mỏi mệt; cả con mắt và sự mỏi mệt đều là tướng lâu mỏi mệt của tánh Bồ Đề. Và nếu chúng ta dùng tay dụi con mắt, tùy theo

chúng ta dụi mạnh hay nhẹ; thì lập tức, chúng ta thấy hoa đốm trên hư không nhiều hay ít. Hoa đốm trên hư không ấy là do con mắt nó bị mỏi mệt và khi dụi vào đấy thì chúng ta mới thấy hoa đốm trên hư không. Thế thì, cái tánh thấy của con mắt - tánh biết của mắt khi nhìn thấy hoa đốm trên hư không: chẳng liên can gì đến tới hoa đốm; cũng chẳng liên can gì tới cái dụi; chẳng liên can gì tới cái mỏi mệt; chẳng qua là hễ nhìn lâu 1 chỗ thì con mắt bị mỏi mệt; giống như những bạn thường xuyên làm việc trên máy vi tính cũng vậy. Nhìn mãi 1 chỗ thì cũng đâm ra mỏi. Và con mắt và sự mỏi mệt ấy đều là tướng lâu mỏi mệt của tánh Bồ Đề, chẳng liên quan gì tới sáng - tối. Có khi đang nhìn thì thấy mờ đi, là vì con mắt mỏi mệt; chứ cái tánh thấy của con mắt không dính mắc gì tới sáng - tối.

Bài trước, chúng ta đã học về ngũ ấm: Chúng ta biết rằng ngũ ấm là vô sanh. Trong bài này, chúng ta biết thêm rằng lục nhập - Lục nhập cũng là vô sanh. Chúng ta cứ học "vô sanh" trước; rồi từ từ chúng ta sẽ học thêm để biết rằng cái "Vô sanh" ấy là có hay không.

Tất cả các bài giảng trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm; chúng tôi cố gắng mượn lời để diễn tả; ngôn ngữ thì có giới hạn, rất mong bạn lấy ý mà bỏ lời. Như việc chúng tôi đã đưa ví dụ: Lấy 2 ngón tay để bịt chặt lỗ tai lại,

một lúc sau thì chúng ta nghe tiếng uu...uuh..ở trong tai. Thế thì, cái Biết của Tánh nghe của Nhĩ (của lỗ tai) ấy có lệ thuộc nơi không gian bên ngoài không, nó có lệ thuộc nơi cảnh bên ngoài không? Khi ta đã biết lỗ tai rồi, tại sao ta nghe tiếng uu...uuh...không có âm thanh nào lọt vào lỗ tại cả, vậy tại sao còn nghe tiếng uu...uuh… Thế thì, tiếng uu...uuh..ấy từ đâu mà ra? Mà nếu nói rằng cái Tánh biết do cái lỗ tai thì nó đâu có dính mắc gì tới không gian: Nếu nó từ không gian thì nó đâu có dính mắc gì tới cái tai; cho nên, cuối cùng Đức Thế Tôn mới kết luận: *Nhĩ nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.*

Chúng ta đã học tới ngũ ấm vô sanh; hôm nay là Lục Nhập vô sanh, rồi bạn sẽ thấy những thứ ấy là những thứ gì? Học đạo thì cũng cần học từ từ, thong thả thì nó mới thâm nhập. Cũng như thế; trong cuộc đời, chúng ta nói 1 người có thể ăn 10 tấn gạo: Nghe thì rất là vô lý nhưng nếu mỗi ngày cứ ăn 3 chén cơm, khi ăn tới 10 năm thì cũng có thể hết 10 tấn gạo thôi. Cũng như thế, việc học đạo không thể nào nói 1 sát-na, rồi nhảy từ bên bờ sông bên này sang bờ sông bên kia - gọi là “hoát nhiên đại ngộ”.

Vào thời Đức Thế Tôn, có 1 ông nài ngựa đến gặp Đức Thế Tôn; thì Ngài hỏi ông nài ngựa: Ông có mấy loại ngựa? Người này đáp: "*Bạch Ngài, con có 4 loại ngựa"*. Đức Thế Tôn hỏi: "*Thế 4 loại này là gì?"* Người nài ngựa đáp: "*Loại 1 - là chiến mã, cho nên chỉ cần giơ bóng roi thì nó đã biết hướng đi, nó đi rất nhanh và đi đến nơi đến chốn. Loại 2 - Là loại ngựa còn phải huấn luyện nó; tức là vỗ bên trái thì nó chạy bên phải; vỗ bên phải thì nó chạy bên trái. Loại 3 - Là loại mà nhiều lúc phải dùng đến cây nhọn để chích vào mông nó thì nó mới chịu chạy tới và Loại 4 - Là loại không thể huấn luyện/không thể làm gì được với nó cả: Cho dù có dành nhiều thời gian huấn luyện, đánh đập thì nó vẫn không chịu đi tới, nó cũng không đi theo ý của người hướng dẫn"*. Đức Thế Tôn hỏi: "*Vậy với loại thứ 4 này, ông phải làm sao?*" Người nài ngựa trả lời: "*Với loại ngựa thứ 4 này, thì chỉ có thể giết bỏ thôi. Tại vì nó không làm được gì hết"*.

Người nài ngựa cũng hỏi lại Đức Thế Tôn: "*Vậy Tăng đoàn của Ngài thì sao?"* Đức Thế Tôn nói: "*Cũng như thế. Có 1 loại, chưa cần nói; chỉ cần đưa cái tay lên hoặc là nhìn bằng mắt là bước 1 bước đi là đã hiểu ý, là đã ngộ"*. Giống như Ma-ha-Ca-Diếp; khi Đức Thế Tôn giơ cành hoa sen lên thì ngài Ca-Diếp tâm thông

tâm, liễu tri; cho nên Đức Thế Tôn truyền lại y bát cho ngài. Tại sao ngài Ca-diếp chỉ trong 1 thoáng lại hiểu được ý của Đức Thế Tôn? Điều ấy không phải tự nhiên; mà vì ngài Ma-ha-Ca-diếp đã tu vô lượng kiếp; do tu vô lượng kiếp rồi, có đủ năng lực, cái công năng; cho nên mới hội nhập được cái ý của Đức Từ Phụ, mà không cần phải nói ra. Cho nên, nhiều lúc chúng ta nghe nói ở trong các câu chuyện về thiền; có 1 vị Thiền sư nào đấy "Hoát nhiên đại ngộ" hay do bị đánh cho 1 cái hoặc là do cái này cái kia mà "hoát nhiên đại ngộ"; thì không phải tự nhiên các vị ấy ở trong giây phút ấy đại ngộ đâu; mà đó là do công phu tu học từ vô lượng kiếp.

Lục Nhập cũng thế; thấy đơn giản nhưng không hề đơn giản. Nếu chúng ta chịu khó học, thì chúng ta sẽ không đưa tới kết luận "Vạn pháp do duyên sanh" hay là "Vạn pháp vô sanh". Nếu nói rằng "Vạn pháp do duyên sanh" thì khi ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh nói câu ấy mà ngài Xá Lợi Phất chứng Tư-đà-hoàn là tại sao? Là tại vì ngay lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất còn mơ màng; lúc chưa gặp Đức Thế Tôn, ngài vẫn nghĩ rằng: Trên thế gian này, vạn pháp phải có 1 lý do nào đó để nó sanh ra và ai sanh ra cái pháp ấy; nhưng khi nghe được 4 câu của ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh thì ngài Xá Lợi Phất bừng tỉnh và đi vào dòng Thánh.

Lúc mới đi chuyển luân, Đức Từ Phụ nói Khổ-Tập-Diệt-Đạo (Tứ Diệu Đế) cho 5 anh em của ngài Kiều Trần Như. Đức Thế Tôn nói có cái Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Nhưng khi tới kinh Đại Bát Niết Bàn thì Đức Thế Tôn lại nói: "Thường, lạc, ngã, tịnh". Thế thì, ý nghĩa là sao? Là tùy theo căn cơ chúng sanh mà Đức Thế Tôn nói. Cũng như thế, ngũ ấm vô sanh hoặc ngũ ấm do duyên sanh thì cũng chỉ là phương tiện để nói thôi. Pháp của Đức Từ Phụ là ngón tay và bè; ngón tay đã được Đức Thế Tôn nói để chỉ cho mặt trăng; theo kinh điển để tìm thấy chân lý và bè để giúp cho người hành giả sang sông. Sang sông gì? Sang sông mê; từ bờ bên đây là bờ mê; nương theo giáo lý của Đức Từ Phụ để tìm ra

chân lý, để vượt qua sông mê, để vượt qua tới bên bờ bên kia; bờ bên kia ấy là bờ giác ngộ. Có bờ bên đây - bờ bên kia là đã khởi tâm có sự phân biệt; nhưng trong các chùa, chúng ta đều thấy câu kệ "*Hồi đầu bỉ ngạn - Quay đầu thấy bờ*". Thế thì cái bờ ấy theo như ngài lục Tổ Huệ Năng đã nói: *Bờ ấy ngay dưới chân*. Vậy nên, nếu nói bờ bên đây - bờ bên kia chẳng qua là dẫn dụ cho những người hành giả căn cơ còn thấp kém; chưa nhận chân ra được chân lý; đơn giản thế thôi. Thực sự ra, chẳng có bờ bên đây và bờ bên kia. Nếu có thì là đối đãi hay sao, mà có đối đãi thì là pháp nhị. Ở trong Kinh Duy Ma Cật; ngài Duy Ma Cật khi được ngài Đại Trí Văn Thù hỏi về pháp bất nhị, đã trả lời bằng sự "Im Lặng". Ngài Duy Ma Cật im lặng không trả lời là sao thưa bạn? Có nghĩa là ngay ở nơi ngôn ngữ cũng phải vắng bặt.

Trong kinh Pháp Hoa - Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát; có 1 vị gặp ai cũng đều nói: Con không dám khinh thường các vị; các vị rồi đây ai cũng sẽ thành Phật. Kinh Pháp Hoa là lấy hoa sen để ẩn dụ cho Pháp; cho nên, nhìn - đọc - suy nghĩ; chúng ta cần suy tư sâu để hiểu được cái ý của Pháp ấy. Nếu chúng ta chấp vào trong những hành xử của thế gian thì chúng ta sẽ không thể nào hiểu được có những Bồ Tát thị hiện.

Điều mà trong đạo tràng này quan tâm là giúp cho bạn nhận chân ra được cái bản tâm; tức là cái chơn như tam muội, cái bản thể thanh tịnh. Và khi có người nói là có âm thanh - tức là trần và lỗ tai nghe/con mắt của bạn nhìn; thì cái ấy gọi là nhĩ/nhãn, những cái ấy nó va chạm, lập tức có khởi tâm lên hay không? Nếu có khởi tâm lên, trong cái tâm có khởi 1 niệm thì cái niệm ấy là gì và từ đâu mà ra? Ngay lập tức, nếu bạn quay trở lại quán chiếu hiện tượng ấy; bạn sẽ thấy vô cùng thù thắng. Khi biết rằng, các niệm sanh - các niệm diệt mà thường xuyên quán chiếu; thì Đức Thế Tôn đã dạy cho ngài Anan: Ấy là pháp tu thù thắng nhất, không có pháp nào tu thù thắng cho bằng. Trong từng sát-na luôn luôn quán chiếu các niệm sanh - niệm diệt ở trong tâm của ta; và cho tới 1 lúc, ta quán chiếu chặt chẽ trong từng sát-na thì tự nhiên 1 niệm không sanh; tại vì nó đều vắng bặt hết. Nếu 1 niệm không sanh thì trong kinh Bát Nhã Ba La Mật nói rất rõ, nhất là trong kinh A Di Đà cũng có nói: Là ở nơi 1 niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh và các chư Phật đều từ nơi trí tuệ sanh ra, trưởng dưỡng và thành tựu.

Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: Nếu nói sự mỏi mệt là tánh Bồ Đề thì đâu là lục nhập vô sanh?

Trả lời: Cái này không phải sự mỏi mệt là tánh Bồ Đề; mà tánh Bồ Đề ấy do sự mỏi mệt. Tánh Bồ Đề là nơi cái sự Biết - cái Tánh Biết nhưng nếu khi mỏi mệt thì nó mới sanh ra; cho nên, khi 2 con mắt nhìn vào 1 chỗ lâu thì thấy có hoa đốm; hoa đốm ấy từ trong chân không có hay không; hay do từ con mắt hay từ cảnh mà có? Nếu nói rằng nó do duyên sanh thì không đúng; mà nếu nói rằng tự nhiên thì cũng không đúng. Tại sao lại nói rằng tự nhiên, tự nó phải dính mắc tới 1 trong những điều kiện, có nghĩa là hoặc là từ mắt, hoặc từ chân không ... thì những cái ấy đều không đúng. Tất cả những lời lẽ ở trong kinh điển chỉ là ngón tay; cho nên nói rằng cái Tánh Biết của con mắt, nó không lệ thuộc nơi không gian, không lệ thuộc nơi trần (cái vật), cũng không lệ thuộc nơi con mắt.

Ví dụ chúng ta thấy 1 bông hồng trước mắt; thế thì vì đâu chúng ta thấy? Con mắt thấy hay không? Nếu cái Tánh Thấy nằm ở nơi con mắt thì người mù có thấy không? Rồi nếu cái Tánh Thấy ở nơi con mắt thì người chết, con mắt vẫn còn thì có thấy không? Nếu nói rằng, cái Tánh Thấy nằm ở nơi cái vật thì nó lìa con mắt; thế

thì con mắt có tác dụng gì trên cái Tánh Thấy? Nếu nói rằng, con mắt, bông hồng cũng không có Tánh Thấy thì khi bước vào 1 căn phòng tối cũng không thấy gì hết. Và khi bật đèn sáng lên thì thấy bông hồng. Như vậy là cái đèn thấy hay sao; ánh sáng thấy hay sao? Mà nếu nói rằng: Vì các nhân duyên đầy đủ, tức là các điều kiện ắt có và đủ để cho cái Tánh Thấy nó xuất hiện; tức là do ánh sáng, do bông hồng, do con mắt... thì chẳng hóa ra, cái tánh thấy ấy là do duyên sanh. Duyên sanh thì như huyễn; tức là không thực; vậy tánh thấy ấy là không thực hay sao? Ngũ ấm cũng là Như Lai Tạng, mà lục nhập cũng là Như Lai Tạng; vậy cái gì gọi là thường trụ, cái gì gọi là sanh diệt. Nếu không thấy cái gì thường trụ thì làm sao quán chiếu được cái tâm của ta. Cái nào là chơn tâm, cái nào là diệu tâm, cái nào là tâm phan duyên. Ví dụ tâm tham từ đâu mà có. Ví dụ đang đi giữa đêm 12 giờ khuya, đi ngoài đường vắng, không có ai hết thì gặp túi vàng 10kg; thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu được tâm tham này từ đâu phát sinh. Hằng ngày chúng ta được giáo dục; biết rằng thân ta là giả, của ta chưa chắc đã là của ta; nay còn mai mất, thì làm sao chúng ta khởi tâm tham cái của người khác? Nhưng 12 giờ khuya đi trên khúc đường vắng, thấy có 1 túi vàng 10kg thì lúc bấy giờ có khởi tâm hay không? Túi vàng 10kg đó có

trị giá khoảng vài ba triệu đô thì có khởi tâm lên hay không? Mọi cái đều có cái giá của nó; khi ở vào điều kiện ấy thì mới biết. Điều kiện ấy là gì? Điều kiện ấy là duyên sanh, mà nếu cái nào thuộc về duyên sanh thì như huyễn, nó là không thực; vậy thì cái tánh mà chúng ta nói như Tánh Thấy - Tánh Nghe... là duyên sanh là không thực thì làm sao chúng ta tu? Chúng ta đi tìm cái gọi là Vọng hay là Chơn; chúng ta đi tìm cái gọi là Diệu Tâm hay là Chơn Tâm? Những cái ấy nó có ý nghĩa gì với chúng ta không? Ở trong Chứng Đạo Ca, ngài Huyền Giác đã nói rằng: Chẳng trừ vọng, chẳng cầu chơn. Tại sao thế? Vì Vọng và Chơn như sóng với nước; bản thể vốn là nước, mà hễ đã là nước thì là H_2O; H_2O thì chẳng có cái gì mà khác biệt hết. Chỉ khi nào có gió thì lập tức có sóng, nhưng mà nhìn cho kỹ thì trong sóng ấy chính là nước và trong nước ấy là rõ ràng. Khi nào không có sóng là tại vì tiền trần thanh tịnh nên chưa hẳn là đã sống được trong bản thể thanh tịnh, chưa thấy được Tánh đâu; chẳng qua là vì Tiền Trần thanh tịnh. Người ngồi thiền thường thường đi vào Sơ Thiền khi đã ly dục, ly các ác pháp. Khi được ly dục, ly các ác pháp rồi thì lập tức sanh ra hỷ lạc; và khi có hỷ lạc thì lại chấp rằng cái hỷ lạc ấy là Sơ Thiền. Tức là; nó có cái tướng, cái tánh như thế. Nhưng vì có điều kiện là ly dục, ly các

ác pháp cho nên hỷ lạc mới sanh ra; thì tất cả cái gì dựa theo điều kiện để sanh ra thì cái ấy là duyên sanh; mà duyên sanh như huyễn. Cho nên, cái hỷ lạc trong Sơ Thiền cũng là huyễn, cũng là không thực; nó không phải là cái định mà chúng ta có thể đứng ở tại đấy được. Bởi vậy cho nên, ly dục ly các ác pháp là điều kiện để sinh ra hỷ lạc của Sơ Thiền. Khi đã nắm rõ được như vậy rồi, thì không an trú ở trong ấy, thấy tướng - tánh của nó rất rõ ràng mà không có dính mắc.

Câu hỏi: Lục Nhập chia riêng ra cho từng căn, sao có trường hợp người mù có thể phân biệt màu sắc qua tay sờ; người điếc có thể cảm nhận được khi ta vỗ vào cái ghế họ ngồi?

Trả lời: Điều này khá dài và chúng tôi đã những buổi pháp thoại chia sẻ chủ đề này. Ở đây, sư chỉ nói rất ngắn gọn để giúp bạn có khái niệm cơ bản về chủ đề này. Khi đã luôn luôn quán chiếu, huân tập thì lục căn này, 6 cơ quan này không có khả năng riêng biệt; mỗi cơ quan đều có chức năng thay thế những cơ quan khác. Vào thời Đức Thế Tôn có 1 vị ham ngủ, khi bị Đức Thế Tôn quở thì vị này buồn rầu, hối hận vì biết ham ngủ như vậy là không tốt; thế là vị này cương quyết không ngủ nữa và vì không ngủ cho nên con mắt chịu không nổi nên mắt của vị này bị mù. Vì con mắt bị mù, cho nên

Đức Thế Tôn dạy cho vị này 1 pháp tu: Pháp tu này giúp cho nhận rõ các chơn tướng của các pháp và vị này chứng đắc A La Hán. Đây chỉ là 1 ví dụ để biết rằng các căn của chúng ta có thể thay thế các chức năng của nhau. Tại sao ta thấy nó riêng rẻ? Vì ta đang bị vướng mắc vào trong cái tiền trần; cho nên ta thấy nó chia nhưng trên thực chất thì nó có thể thay thế được.

Ngũ Ấm thực sự là Như Lai Tạng; rồi lục nhập cũng là Như Lai Tạng. Không có sự phân biệt, nó giống như 2 ống nước thông với nhau ở dưới đáy; hễ mà mực nước ống bên đây cao thì chạy qua ống bên kia và ngược lại, như thế mực nước ở 2 ống nước được cân bằng. Nếu 1 cơ quan của chúng ta bị mất đi, thì 5 cơ quan còn lại sẽ phát triển và có sự thay thế. Cũng có những người mù, không thể phân biệt được bằng con mắt nhưng họ có thể phân biệt ra được bằng 1 giác quan khác. Có nghĩa là sao? Có nghĩa là con mắt chỉ là cửa sổ thôi; đằng sau con mắt nó còn có võng mạc; sau võng mạc có 1 chùm dây thần kinh, chùm dây thần kinh này kết nối với não; cho nên chúng ta mới cái thức, gọi là nhãn thức - cái biết của vật thông qua con mắt. Thức không phải là cái tánh biết của cái thấy. Nhưng nếu nói rằng nó không phải là tánh biết của cái thấy thì cũng không đúng. Cái

thức tức là cái chơn tâm của cái biết và cũng là cái Vọng của cái Biết.

Ở vào thời Tổ thứ 4 - Ngài Đạo Tín, ngài có phép thần thông thu nhập được con ma và con ma này có đưa xâu chuỗi cho Ngài; thì Ngài cũng đưa lại 1 xâu chuỗi khác cho nó. Con ma bị xâu chuỗi này dính vào, bị thối quá nó chịu không nổi, chỉ khi nào quy y Tam Bảo thì mới giải trừ việc này cho nó. Sau khi Ngài thu nhận con ma làm đệ tử và nói với nó: *Ta không có duyên sanh ra vào thời Đức Phật, cho nên không thể thấy được Đức Phật; mà tâm ta rất là ao ước có thể thấy được Đức Phật và Tăng đoàn. Ngươi là con ma, nhà ngươi đã từng sanh ra vào thời Đức Phật, ngươi đã thấy Đức Phật và Tăng đoàn như thế nào rồi. Vậy bây giờ, ngươi hãy hiện ra cho ta thấy được không?* Con ma đáp: *Dạ được, nếu Tổ dạy thì con làm; chuyện ấy thì đơn giản, con làm được; nhưng mà con xin Tổ 1 điều: Là khi con hóa phép thành Đức Phật và Tăng đoàn; xin Tổ đừng đảnh lễ.* Tổ đáp: *Ta đâu phải là vô minh đâu mà ngươi dặn dò như thế.* Sau cuộc nói chuyện, con ma biến mất và đi vào rừng. Rồi từ trong rừng; có Đức Phật và 500 vị Tỳ-kheo đều nghiêm trang, thanh tịnh đi ra. Ngay lập tức khi thấy cảnh ấy; Tổ thứ 4 - ngài Đạo Tín quỳ xuống đảnh lễ. Con ma hết hồn, sợ quá biến mất và quay lại nói: *Bạch*

Tổ, Tổ có hứa với con là Ngài không đảnh lễ khi con hóa phép vì Tổ làm như thế là con bị tội chết, con bị giảm phước. Đã được báo trước; đó là do ma hóa phép và Tổ vẫn đảnh lễ khi thấy Đức Phật và Tăng đoàn được ma dùng phép hóa ra. Cái gì làm cho Tổ phải đảnh lễ vậy? Tại sao Tổ đã được báo trước, Tổ đã đầy đủ trí tuệ, đạt được mức đại Định rồi; mà tại sao khi thấy Đức Phật từ trong rừng đi ra cùng 500 vị đại Thánh Tăng, là lập tức quỳ xuống đảnh lễ. Phản xạ ấy là tự nơi cái phản xạ hay tự nơi cái thức hay cái tánh gì ... mà làm cho Tổ phải quỳ xuống đảnh lễ? Đấy là cái mà chúng tôi muốn nói: Ngũ ấm hoặc Lục nhập hay là 1 thứ gì nằm ở đâu; nó do trần, căn hay là thức, hay 1 thứ gì khác ... hoặc nó gồm tất cả những cái vừa nêu? Tùy theo căn cơ của chúng sanh mà mỗi người có sự tiếp nhận, thấu đạt khác nhau; kinh điển đều là ẩn dụ ở trong ấy. Ngũ Ấm là vô sanh, Ngũ Ấm là huyễn, Ngũ Ấm là Như Lai Tạng ... không dễ để hiểu, không dễ thấu triệt đâu bạn; cứ từ từ học để rồi chúng ta sẽ được lợi lạc.

Câu hỏi: Gia đình có 4 người anh em trai đều bị tai biến, như vậy có phải là nghiệp hay không; nên làm gì?

Trả lời: Nghiệp thì có biệt nghiệp và cộng nghiệp. Bệnh tai biến có thể là do di truyền; mà cũng có thể là do từng cá nhân; hoặc do hoàn cảnh, sinh kế trong gia đình ...

nó có nhiều yếu tố sinh ra tai biến. Nếu nó là di truyền thì nó là cộng nghiệp; nếu nó là điều kiện sinh kế trong gia đình thì nó cũng là cộng nghiệp. Nhưng bây giờ thử cùng nhau quán chiếu xem: Là cái ấy từ đâu mà ra; nó ảnh hưởng cho ai? Nếu nói rằng: Mỗi cá nhân đều có cái nghiệp riêng và những cái ấy nó cùng đến 1 lúc thì cái nghiệp ấy là mỗi một người đều phải chịu. Bốn người anh em trai này, mặc dù đều bị tai biến nhưng mà có phải cả 4 người cùng 1 mức độ tai biến; cùng 1 mức độ đau khổ như nhau không? Có người nặng có người nhẹ; thế thì nó tùy theo cái biệt nghiệp của từng người. Bốn người này đều bị tai biến ở trong 1 gia đình, để làm chi? Để ảnh hưởng cho cha mẹ hay người nào đang quản lý; ví dụ cha mẹ khi thấy 4 đứa con của ta đều bị tai biến, thì cái tâm buồn phiền như thế nào? Rất buồn phiền phải không? Thế thì tất cả những cái ấy như là phương tiện giúp cho cha mẹ thấy rất rõ cái nào là nhân - quả; cái nào là nghiệp.

Ngày xưa có 02 vợ chồng đi buôn bán, họ có làm 1 cái cân có hòn thủy ngân để khi dốc cái hòn thủy ngân này chạy trong ruột cái cán cân, thì nó sẽ làm cho nặng hơn, như vậy là ăn gian. Trọng lượng đồ thực tế thì ít mà cân thì nặng; bởi thế cho nên làm giàu rất mau, tức là ăn cắp của khách hàng bằng cách là cân gian dối. Sau 1 thời

gian làm giàu, vì 2 vợ chồng chưa có con nên người vợ đi lên chùa, khấn xin với Đức Quán Thế Âm, xin cho vợ chồng có được đứa con và thệ nguyện là sẽ ăn hiền ở lành, làm việc đúng. Thế thì, sau đó người vợ sinh ra được 2 đứa con trai rất dễ thương. Khi sinh ra được 2 đứa con trai thì giác ngộ; hiểu được rằng việc cân gian dối, ăn bớt đồ của khách hàng là sai và có tội; cho nên đã chẻ bỏ cái cân đó đi và quyết định không làm nữa, rất sám hối. Khi chẻ cái cân ra thì thấy hòn thủy ngân trong đó đã đổi thành màu đỏ, nó không còn màu thủy ngân nữa và từ đó trở đi, 2 vợ chồng ăn hiền ở lành, chăm chỉ làm các thiện nguyện, bố thí ... Khoảng 2 năm sau, thì 2 đứa con chết ... xót xa và cả 02 vợ chồng cùng nhau lên chùa lễ Đức Quán Thế Âm, khóc và nói rằng: *Chúng con đã quy đầu bỏ ác hướng thiện, mà nay tại sao Ngài lại cho cướp đi 2 đứa con của chúng con? Hai đứa con của chúng con rất ngoan ngoãn, thông minh và mà tại sao Ngài lại bắt nó chết; trong khi chúng ta đã hối hận, đã biết sám hối ăn năn và làm tất cả những việc gì để chuộc lại lỗi xưa, chúng con đều đã làm*. Thế thì, sau khi lên chùa khấn vậy thì về nằm chiêm bao; thấy Đức Quán Thế Âm đến và nói rằng: *Này 2 kẻ ngu si kia ơi, 2 cái con quỷ ấy ta sai nó xuống để phá hại tài sản của ngươi, làm cho ngươi phải điêu đứng, đau khổ.*

Nhưng vì thấy 2 ngươi đã chuyển tâm tu học tinh tấn, cho nên Ta bảo 2 con quỷ đó đi về; mà nay nhà ngươi lại muốn 2 con quỷ đó ở lại phải hay không? Theo con mắt trần tục; tức là Căn - Trần - Thức, rồi chúng ta nghĩ rằng 2 đứa bé ấy là 2 đứa con thương yêu, 2 đứa bé ấy là tài sản của chúng ta; cả cuộc đời sám hối rồi khi được 2 đứa bé thì mừng lắm. Nhưng đâu ngờ rằng 2 đứa bé ấy thực sự là 2 con quỷ, được sai xuống để phá tan cái sự nghiệp ấy, làm cho 2 vợ chồng này đau khổ. Nhưng vì 2 vợ chồng này đã biết ăn năn, sám hối và 2 con quỷ này phải đi về. Tuy nhiên, 2 vợ chồng lại thương tiếc vì thấy 2 đứa bé nó thông minh, bụ bẫm, dễ thương mà chết khi còn nhỏ nên rất thương xót. Vậy nên, thấy là quỷ hay là ma hay nó là con thực ... thì tự ta biết.

Trong Kinh Phạm Võng; Đức Thế Tôn đã nói: 62 luận chứng của 62 vị Bà-la-môn thượng thủ cũng không thể vượt ra khỏi cái lưới Phạm Võng là tại sao? Tại vì các luận thuyết nói rằng: Có trời có đất, tội, nghiệp, nhân, quả ... vẫn không đưa cái người biết các Pháp ấy ra khỏi luân hồi. Tại sao thế? Tại vì các vị hiền giả ấy đều vướng mắc vào cái pháp; tức là Thọ - Cảm thọ là 01 cái nguy hiểm, cảm thọ làm cho người hành giả ấy vướng mắc và vì cảm thọ cho nên dính mắc, thì làm sao thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Cho nên, 62 cái luận thuyết dù

siêu việt tới đâu đi nữa; các nhà hành giả, các nhà Bà-la-môn luận thuyết vào thời ấy vẫn không thoát ra khỏi sanh tử là ở chính chỗ này - Cảm thọ. Nói rằng, cái thuyết ấy là của Ta, cái thuyết ấy là tuyệt vời, cái thuyết ấy là hiện hữu, cái thuyết ấy là siêu việt và chính cảm thọ về những vấn đề như thế, đã làm cho người hành giả dính mắc và chính cái dính mắc này là đã không thể thoát ra khỏi cái lưới - gọi là lưới sanh tử luân hồi. Cho nên, trong Kinh Phạm Võng, Đức Thế Tôn nói những người ấy đều bị kẹt vào chỗ gọi là Cảm Thọ.

Khi có vị hỏi về Biệt nghiệp và Cộng nghiệp; cách giải trừ như thế nào thì chúng tôi nghĩ vị ấy đã biết rồi; tuy nhiên hỏi là nhằm giúp cho Đạo tràng chúng ta có thêm lợi lạc.

Thưa bạn, trong kinh có dạy như thế này:

"Có thì có cả mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không"

Đức Thế Tôn trước khi thị hiện vào kiếp cuối cùng; Ngài đã tu từ vô lượng kiếp; Ngài đã trôi lăn trong vô lượng kiếp với nhiều hình tướng khác nhau, có thể là hoàng tử, có thể là thương gia, có thể là con khỉ ... đủ các thứ; điều này đã được nói trong kinh như thế. Mỗi một kiếp, ắt hẳn đều có tạo ra nhân và tạo ra quả; quả

này của nhân kia; nhân kia rồi tạo ra quả ... cứ thế mà trùng trùng điệp điệp; cái gì làm cho cái sanh tử luân hồi trùng trùng điệp điệp? Nếu nói theo Thập Nhị Nhân Duyên, cái chính là do Ngã, rồi Ái Ngã, Tham Ái; mà Tham Ái là do Vô minh không thấy được cái Ái ngã là không thực, nó là Vô Ngã. Đức Thế Tôn sau 49 ngày ngồi dưới gốc cây bồ đề; Ngài chứng đắc thì việc đầu tiên mà Ngài nói là: *Từ nay Ta đã thấy mặt mũi của cái nghiệp; từ nay cái nghiệp không thể xây cái nhà được nữa; cột kèo, đòn dông đều bị gãy đổ, nhà ngươi không thể tiếp tục xây cái nhà nghiệp được nữa; đây là kiếp cuối cùng của Ta*.

Tại sao trong vô lượng kiếp; Đức Thế Tôn sanh tử bao nhiêu kiếp, làm bao nhiêu việc, chắc chắn phải có nhân - có quả - có nghiệp? Thế thì tại làm sao, tới giờ phút cuối; Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây Bồ Đề 49 ngày, rồi Ngài lại nói là cái nghiệp đã sụp đổ, nhà ngươi không thể xây cột kèo, đòn dông được nữa? Trong 1 sát-na; nếu quán chiếu hiểu rõ được thực tướng của các Pháp như thế, thì tất cả những cái gọi là vọng tưởng điên đảo sẽ biến mất và khi các vọng tưởng điên đảo biến mất thì nơi nào không có Vô minh thì nơi ấy có Trí tuệ; nơi nào không có bóng tối thì có ánh sáng; nơi nào 1 niệm không sanh thì có Trí tuệ; mà Trí tuệ là nơi Mười Phương Chư

Phật ba đời sanh ra, trưởng dưỡng thành tựu. Nếu nói rằng, cái nghiệp có tướng và khi quán chiếu cho kỹ thì tự tánh nó vốn là thanh tịnh, là huyễn vì đều do duyên sanh; mà hễ do duyên sanh thì không thực, nó như huyễn. Thế nhưng, tại sao lại vướng mắc với cái huyễn ấy? Hỏi như thế thì chắc bạn cũng đã rõ rồi?

Thường thường theo thế gian pháp; người ta đều nói rằng: Lấy cái thiện để giảm bớt cái ác; điều này cũng đúng, giống như cục muối và ly nước: Nếu cục muối lớn quá mà bỏ vào ly nước thì không uống được; có nghĩa là nếu cái nghiệp nó lớn quá, mà không có thiện nghiệp để giúp giải trừ, để cân đối thì sẽ khó khăn trong việc trả nghiệp. Nghiệp thì vẫn phải trả nhưng không có điều kiện để trả 1 cách dễ dàng; ngược lại nếu cố gắng làm các điều thiện, nghĩ thiện, nói thiện, làm thiện; thân - khẩu - ý đều thiện thì thanh tịnh; từ chỗ thanh tịnh ấy nếu có phải trả nghiệp thì điều kiện giúp trả nghiệp cũng có và giúp dễ dàng để trả nghiệp hơn. Bởi vậy, trong kinh có dạy chúng ta:

“Năng làm các điều thiện
Luôn tránh các điều ác
Giữ tâm ý thanh tịnh
Đó là lời Chư Phật dạy”.

Nhưng xét về cái lý thì nghiệp đều do duyên sanh; mà duyên sanh thì như huyễn nên nếu đầy đủ trí tuệ, 1 phút ngộ thì nghiệp nó cũng là không; nếu nó đã là không thì đâu có gì vướng mắc; nếu không còn vướng mắc thì đã bước qua bên kia sông.

Nếu bạn muốn hiểu 2 vấn đề: (1) Nghiệp là gì; (2) Lấy cái gì để tu cái nghiệp - tức là lấy huyễn tu huyễn; thì hoan hỷ vào Youtube: daophatvaodoi để tìm hiểu thêm.

Phần Pháp Đàm của chúng ta đã viên mãn; chúng tôi xin chúc phúc cho tất cả bạn luôn luôn sống trong ánh sáng hào quang từ bi của Chư Phật Mười Phương; tâm từ - tâm bi - tâm hỷ - tâm xả luôn luôn sung mãn; nhìn thấy rõ được thực tướng của các pháp như thị, không có mà cũng không không, vạn pháp đều là như thế và ở trong ấy các hành xử, suy nghĩ đều theo chánh pháp; tức là không chấp có mà cũng không chấp không, luôn luôn được an lạc, lục căn không nghỉ mặc dù có ngủ.

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 17: THẬP NHỊ XỨ - THẬP BÁT GIỚI VÔ SANH

Nếu nói rằng ngũ ấm ma ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, chúng ta lại học là ngũ ấm vô sanh mà ngũ ấm cũng là Như Lai tạng cũng là diệu tánh chơn như. Tức là văn tư tu nếu văn mà không tư tức là không lấy cái tâm ra để suy nghĩ, nghiên cứu coi nó là cái gì thì e rằng mất luôn cả dấu ngón tay và mặt trăng, ngón tay cũng không thấy mà mặt trăng cũng không thấy luôn. Tại sao nói rằng ngũ ấm vô sanh, là chơn như, diệu tánh của chơn như? Tại sao nói rằng ngũ ấm là Như Lai tạng mà ở trong kinh điển bàn bạc đều nói tới ngũ ấm ma?

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói ngũ ấm thực tướng là Như Lai tạng thì làm sao là ngũ ấm ma? Mâu thuẫn hay sao? Tại sao ở kinh điển nào cũng mở đầu bốn câu cố làm mọi việc lành, cố tránh mọi việc ác, luôn giữ tâm thanh tịnh, đó là lời chư Phật dạy. Tại sao mà bất cứ kinh điển nào cũng đều nói một cái quan trọng nhất là cố làm mọi điều thiện, cái điều kiên quyết là phải cố làm mọi điều thiện thế thì đó là cái gì? Ai làm các điều thiện, làm như thế nào, như thế nào gọi là điều thiện?

Nếu chúng ta không hiểu thì tất cả những việc chúng ta làm mà chúng ta nghĩ rằng ấy là điều thiện thì thực chất đang là ma sự. Thí dụ lấy của cải đem đi bố thí cho người nghèo rồi đi khoe hết hàng xóm tôi thấy bà đó nghèo tôi cho 5kg gạo kể tới kể lui rồi khi nào bà ấy bả đi ngang bả vô tình bả không chào thì lại nói với hàng xóm con người ấy vô ơn, tôi cho lúc nó đói mà nó chẳng biết chào hỏi gì tôi hết. Thực sự ra là có bố thí nhưng nó chẳng được lợi lạc một chút nào vì bố thí trong sự mong cầu để người ta nhớ ơn, bố thí vì thấy có ngã, ngã sở. Bố thí là cho của cải thì được phước nhưng mà phước chưa thấy được một thì tội lên tới một ngàn.

Tại sao nói rằng bố thí mà lại có tội? Tội ở cái chỗ ngũ ấm ma mê mẩn trong danh sắc không biết thực chất của các pháp và những việc ta làm nếu không làm trong cái tâm thanh tịnh thì nó rớt vào trong mảnh đất tâm mà nếu chúng ta trồng cỏ trong mảnh đất tâm thì trong ấy là cỏ dại. Bởi thế cho nên ngũ ấm là Như Lai tạng, lục nhập cũng là Như Lai tạng và nó cũng đều là diệu tánh của chơn như tức là diệu tâm cái tánh thứ nhì của cái chơn tánh, nó biểu hiện ra của chơn tánh.

Quý vị có nhớ câu chuyện con kiến ở cánh cổng vườn Kỳ Viên không? Khi ngài Xá Lợi Phất bước đến để nhận tịnh xá mà ngài Cấp Cô Độc dâng trước khi Đức

Phật đến ngự thì ngài Xá Lợi Phất khóc, ngài Cấp Cô Độc mới hỏi ở đó có gì dơ bê bối để Ngài sửa chứ Đức Phật tới ngự thì mang tội chết, ngài Xá Lợi Phất nói rằng: *không, cái tòa này ông xây là tuyệt vời, tôi khóc là vì ngay cái cổng tôi dùng con mắt tuệ nhãn tôi quán chiếu thấy có một con kiến và con kiến này trong vô lượng kiếp chỗ nào có Đức Phật ra đời thì nó đều đến để mà nghe và xem tướng của Phật. Xem nhưng mà nó không chịu tư tu nó chỉ nghe thôi nên trong vô lượng kiếp nó mãi mãi làm con kiến*. Ngài Xá Lợi Phất khóc là vì ngài khởi tâm từ bi thương con kiến này, chỗ nào có Đức Phật thì hiện ra thì ngay lập tức là đầu thai thành con kiến để đến nghe và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của vị Phật đó nhưng vẫn là con kiến hoài tại vì không có tư tu, không lấy tâm suy nghĩ lời Đức Thế Tôn dạy rồi cũng không hành trì lời Đức Phật dạy cho nên trong vô lượng kiếp cũng chỉ là con kiến thôi, chính vì thấy được như thế nên ngài Xá Lợi Phất rớt nước mắt.

Thập nhị xứ và thập bát giới cũng đều là Như Lai tạng, cũng là diệu tánh chơn như. Tại sao cái gọi là huyễn mà lại thành Như Lai tạng? Đức Thế Tôn 45 năm đi hoằng pháp, sau đó ngài nói rằng pháp của ta ví như ngón tay và như bè, ngón tay chỉ cho thấy mặt trăng và bè đưa người hành giả qua sông, nếu đưa ngón tay mà

tìm thấy mặt trăng thì ấy là Phật tử, con Phật. Còn ai bám cứng vào cái lý cái lẽ cái lời của những kinh điển Đức Thế Tôn để lại thì lạc vào trong rừng rậm chẳng được lợi lạc gì.

Trong các pháp hành trì thì Đức Thế Tôn vì chúng sanh bá nhân bá tánh một ngàn người thì có một ngàn cái tánh sáng nắng chiều mưa cho nên tạo ra 8 vạn bốn ngàn phiền não, từ 8 vạn bốn ngàn pháp uẩn tạo ra 8 vạn bốn ngàn phiền não. Bởi vì căn cơ chúng sanh mà nói pháp làm sao có lợi lạc cho chúng sanh, không phải cái nào cũng giống cái nào, không phải nói cái nào cũng cho một người nói y như thế. Nói cho năm anh em Kiều Trần Như nghe, thì Đức Thế Tôn nói khổ tập diệt đạo,

tứ diệu đế, sanh lão bệnh tử, cầu bất đất khổ. Nói cho một cô bé tám tuổi thì Đức Thế Tôn phải nói một cách khác về tứ diệu đế để cô bé này ngộ ra, Đức Thế Tôn chỉ nói hai thôi, nói có cái khổ và cái diệt khổ. Nếu mà Đức Phật nói hai cái thôi.

Bởi thế cho nên pháp Phật rất là vi diệu, hành giả phải hiểu được cái lý để hành trì thì mới có lợi lạc, chấp cứng vào văn tự là kẹt. Thập nhị xứ nói là Như Lai tạng cũng là diệu tánh chơn như tức là cái diệu tâm thế thì cái thập nhị xứ là gì? Đức Thế Tôn đã nói đạo Phật là đạo dành cho người có trí tuệ, nếu muốn chứng đắc Tư Đà Hoàn, Tư Đà hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì không khó mấy nhưng muốn liễu tri thực tướng của các pháp biết cái lẽ sanh lẽ diệt như thế nào mà đi vào cái thể chơn như tức là Phật tánh thì hiếm lắm.

Nhãn căn với sắc trần vốn là vô sanh. Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan hãy xem các rừng cây các suối ao ở trong vườn Kì Đà, việc ấy là sắc trần sanh ra nhãn căn hay nhãn căn sanh ra sắc tướng. Nghĩa là từ vật bên ngoài nó sanh ra cái gọi là nhãn căn hay là nhãn căn nó lại sanh ra vật bên ngoài. Nếu mà nhãn căn sanh ra sắc tướng thì khi nhìn hư không chẳng phải sắc tướng thì cái tánh ấy phải mất, hễ mất thì là không có, mà sắc tướng không có thì làm sao rõ được tánh không. Nếu

con mắt, nếu cái nhãn căn mà sinh ra cái sắc tướng bên ngoài, cái cảnh bên ngoài, thì khi nhìn vào hư không tức là không có sắc tướng, mà nếu không có sắc tướng thì cái tánh sắc phải mất, mà hễ mất thì tất cả chẳng có mà sắc tướng không có thì làm sao rõ được cái tánh không. Tức là cái biết về sắc tướng mà không có làm sao rõ được tánh không, nếu sắc trần sanh ra nhãn căn tức là khi thấy cái vật thì mới phát hiện ra cái nhãn căn thì khi nhìn hư không chẳng phải là sắc, nhãn căn liền mất, mà nhãn căn đã mất thì lấy gì để phân biệt sắc không.

Nên biết sự thấy và sắc không có xứ sở, tức là cái sắc trần và sự thấy hai cái xứ này đều là hư vọng, nó không phải là do duyên mà nó cũng không phải tự nhiên. Nếu nói rằng cái sự thấy và cái sắc không ấy có xứ sở thì nó phải có trụ một cái và mất một cái. Nếu biết rằng ***cái sự thấy và cái sắc không đều không có xứ sở tức là không có trụ xứ, không có ở cái chỗ nào hết tức là sắc trần và sự thấy đều là hư vọng***. Là cái bên ngoài cái cảnh và cái tánh thấy đều là hư vọng vốn chẳng phải nhân duyên, mượn cái chữ tánh ấy nhưng mà thực sự ra nó là sự thấy.

Thế thì hai cái thấy và cái bị thấy đều chẳng phải do nhân duyên mà cũng chẳng phải tự nhiên do nhân duyên là sao? Do sự hòa hợp có trong có ngoài mà sinh ra thì

không đúng mà cũng chẳng phải tự nhiên tức là không phải tự một cái không ở ngoài hẳn mà cũng không phải ở trong hẳn, không từ nơi sắc mà cũng không từ nơi cái sự thấy. Cho nên nói rằng nó chẳng phải tự nhiên, nhĩ căn với thanh trần cũng thế, tỷ căn với hương trần cũng thế, thiệt căn với vị trần cũng thế nó vốn là vô sanh. Nghĩa là cái lưỡi với cái vị, thiệt căn với cái vị trần, thân căn với xúc trần cũng thế.

Tâm viên ý mã, tức là cái ý chạy lăng xăng và không thể nào kiểm soát được, cũng chẳng biết nó chạy đi đâu, một sát-na này nó ở đây, một sát-na sau nó ở chỗ khác, nó biến hiện. Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan: "N*gươi thường dùng ý thức duyên theo ba tánh thiện ác và vô trí sanh khởi ra pháp trần, vậy pháp trần này từ nơi tâm ra hay lìa tâm"*.

Đức Thế Tôn nói người tu phải quán chiếu ba điều thứ nhất là thiện, thứ nhì là ác, thứ ba là vô trí tức là không thiện không ác, thì ngài A Nan đã được Phật dạy là thường dùng ý thức để mà chuyên theo ba cái tánh là thiện ác và vô trí và vì duyên theo ba cái tánh này cho nên sanh khởi ra pháp trần, vậy thì pháp trần từ nơi tâm ra hay là lìa tâm?

Đức Thế Tôn hỏi nó có riêng phương sở hay không A Nan, nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần. Nghĩa là nếu nó từ tâm ra thì làm sao nó ở ngoài cảnh được. Tại vì nó chỉ có một thôi mà nếu chẳng phải là cái sở duyên của tâm thì sao thành xứ được. Nếu lìa tâm mà có phương sở thì tự tánh pháp trần là biết hay chẳng biết tự tánh của nó, nếu biết thì gọi là tâm thì tâm này lìa tâm ngươi chẳng phải pháp trần của ngươi biết đồng như tâm của người khác, nếu lìa tâm ngươi mà lại còn có tâm biết thì tâm ngươi thành ra hai sao? Có một cái ở trong cái ngoài hay sao? Nếu chẳng biết thì pháp trần này đã chẳng phải sắc thinh hương vị, ly hợp lạnh nóng và tướng hư không ở chỗ nào phải tìm cho nó ra, hiện nay nơi sắc không đều chẳng thể nêu ra, chẳng lẽ trong thế gian lại có cái ở ngoài hư không ư? Lại tâm chẳng phải sở duyên thì xứ từ đâu mà an lạc, nếu tâm không có sở duyên thì cái xứ từ đâu mà có.

Nên biết pháp trần và tâm chẳng có xứ sở, tức là ý căn và pháp trần hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên. Tánh nhân duyên tức là do duyên sanh, các điều kiện rồi ý căn nó không phải do các điều kiện mà nói rằng tự nhiên, nghĩa là nó phải ở một chỗ hoặc là ở trong hoặc là ở ngoài, là ở trong tâm hoặc là ở ngoài trần. Mà thực

sự ra nó không phải ở cái nào hết, nếu nó ở trong thì làm sao cái ý đấy nó lại dính mắc về các vật khác, nó không chia sẻ với người khác, mà nếu nó ở ngoài thì cái người này biết mà người kia không biết hay sao?

Nói tới sự hòa hợp giữa căn và trần thì nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý với các trần cảnh nhưng thật sự ra thì tất cả cái ấy cũng chỉ quay lại có một cái duy nhất đó là Như Lai tạng, tất cả những cái này đều là biến tướng của chơn như, nó gọi là diệu tâm tự nhiên. Nếu người đã thanh tịnh thì diệu tâm biến tướng từ cái chơn như ra, nó hoạt động rất vi diệu, tự nhiên làm mà đúng, tức là hành xử đều đúng theo chánh pháp.

Thập bát giới cũng là Như Lai tạng, cũng là cái diệu tánh chơn như. Thí dụ nhãn căn sắc trần, nhãn thức căn trần thức vốn là vô sanh. Tại vì nó duyên với nhau sanh

ra, hễ căn và trần duyên với nhau thì sanh ra thức; nhãn căn và sắc trần duyên với nhau thì sanh ra nhãn thức; vậy thức này Đức Thế Tôn hỏi A Nan là từ nhãn căn ra hay từ sắc trần ra; nếu mà từ nhãn căn ra thì lấy nhãn căn làm giới, mà nếu sắc trần ra thì lấy sắc trần làm giới, nếu từ nhãn căn ra mà chẳng có sắc không thì không thể phân biệt được, dẫu cho có thức cũng không dùng được, sự thấy chẳng phải xanh vàng đỏ trắng chẳng thể nêu ra thì từ đâu để lập ra giới; nếu từ sắc trần ra nhưng không phải sắc trần thì thức diệt, nếu từ sắc trần ra thì hư không không phải là cảnh, thì khi mà thấy hư không thì sắc trần phải diệt; thức về sắc trần phải diệt mà nếu thức không có thì làm sao biết được có hư không và tánh hư không như thế nào? Nó sẽ không biết nếu lúc sắc trần biến đổi thì thức cũng phải biết rằng sắc trần đang biến đổi, mà thức chẳng biết vậy thì giới ở đâu mà an lạc theo sự biến đổi, là biến đổi giới tướng, vốn chẳng có biến đổi thì thường, còn nếu nói rằng thức đã từ sắc trần ra thì lẽ nào không biết được hư không. Tại vì hư không cũng là một loại sắc trần, nhưng mà hễ có sắc trần tức là có cảnh có vật thì không thể nào thấy được hư không, mà hễ không có sắc trần thì cái gọi là thức, nhãn thức lại đi theo sắc trần, mà chỗ nào sắc trần không có nữa thì làm sao nhãn thức ấy có thể biết được hư không và

biết được tánh của hư không nếu do căn trần cộng giới ở giữa thì khi căn trần hợp lại chẳng thể lập giới tức là lìa trung, khi lìa căn thì phải hợp trần, lìa trần thì phải hợp căn, vậy thể tánh lẫn lộn làm sao thành giới.

Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan nhãn căn và sắc trần duyên với nhau sanh nhãn thức, giới ba chỗ đều không, tức nhãn căn sắc trần và nhãn giới vốn chẳng phải do duyên mà cũng chẳng phải tự nhiên. Nếu nó tự nhiên thì nó nằm một trong ba cái đấy, mà có cái nào biến đổi thì cái khác nó không dính mắc. Thí dụ nếu nhãn thức nằm ở nơi sắc thì nhãn căn chẳng dính gì, mà nếu nằm nơi nhãn căn thì nhãn sắc trần thay đổi cũng không có gì. Cho nên không phải do duyên sanh mà cũng chẳng phải tự nhiên có.

Thập bát giới nói ra để phá lục thức, nếu nói thức chẳng từ nhãn ra để làm giới vì thức chủ phân biệt, nếu có sắc không nếu chẳng có sắc không thì có phân biệt hoặc không có phân biệt, nếu có sắc không thì có phân biệt mà nếu không có sắc không thì cũng không thể phân biệt, cũng chẳng từ sắc ra để làm giới vì sắc thì nó luôn luôn biến đổi nhưng mà thức (cái từ nơi căn và trần cộng lại) thì không biến đổi. Chẳng hạn như nhãn thức (tạm gọi là cái biết của thấy) thì cái ấy không biến đổi,

nhìn một vật gì đấy hai năm trước và hai năm sau cái vật ấy cũng thế, tánh biết về cái nhìn không thay đổi.

Vua Ba Tư Nặc nhìn dòng sông Hằng lúc hai ba tuổi cho tới lúc sáu mươi tuổi thì dòng sông Hằng có thay đổi, vua Ba Tư Nặc cũng có thay đổi da nhăn, lưng còng nhưng cái biết của tánh thấy ấy nó không có thay đổi, biết về dòng sông là đều y như thế, nó không từ nhãn và sắc cộng lại sanh ra làm giới, vì nếu nhãn có biết thì sắc vô tri, tri và vô tri là hai cái đối nghịch thì làm sao hợp được, nếu hợp thì từ đâu mà lập giới, giới chính giữa đã chẳng có nên nói là lìa trung, tất cả đều là phương tiện.

Nếu nói lìa căn trần sanh thức thì lìa căn phải hợp với trần, lìa trần thì phải hợp với căn vậy thức thuộc cái nào? Căn với trần cộng lại mới ra thức, mà nay nói lìa căn sanh ra được thức là chuyện không có được, mà lìa trần thì cũng không có được, cho nên mới nói là trung nhưng mà nếu nói là trung thì nó lại kẹt tại vì hai cái cộng lại sanh ra làm giới hay sao? Nhãn căn và sắc trần cộng lại mới được giới hay sao? Cũng không đúng, tại vì nếu từ nhãn và sắc cộng sanh làm giới thì nhãn có biết sắc thì vô tri mà giữa hai cái tri và vô tri là hai cái đối đãi thì làm sao nó hợp với nhau, tại vì cảnh trần bên ngoài là vô tri mà trong khi nhãn tức là con mắt là có biết, thế thì hai cái vô tri và tri cộng lại ra cái gì?

Chẳng ra cái gì cả, bởi thế cho nên tự tánh là không có, mà nhân duyên cũng không đúng. Ý căn pháp trần và ý thức giới cũng là Như Lai tạng và là vô sanh, ý căn pháp trần duyên với nhau thì sanh ra ý thức, tức là căn trần thì ra thức (căn+trần=thức) vậy thức này từ ý căn ra, nó lấy ý căn làm giới hay là nó từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới. Đó là câu hỏi Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan. Nếu nói rằng ý căn và pháp trần duyên với nhau sanh ra ý thức (căn+trần=thức) vậy thì thức này từ ý căn ra thì lấy ý căn làm giới mà nếu nó từ pháp trần ra thì nó lấy pháp trần làm giới.

Đức Thế Tôn chỉ rõ, nếu từ ý căn ra thì trong ý hẳn phải suy tư thì mới phát minh ra cái ý, nếu không suy tư thì không thể sanh ra cái ý ấy, không thể tự nhiên mà nó sanh ra được cái ý, lìa duyên thì chẳng có hình tướng, vậy thì thức để làm gì? Thức với sự suy tư, tánh hiểu biết giống nhau hay khác? Thức và sự suy tư và tánh hiểu biết của cái ý đó giống nhau hay là khác, nếu đồng với ý tức là ý căn nếu nó giống nhau thì tại sao nói nó từ ý căn mà ra, mà nếu nó khác nó không có cái năng biết áp sở không, nếu nó không phải từ ý căn thì nó không có cái năng biết, mà nếu năng đã không có thì sở cũng không, thì làm sao dám nói rằng nó từ ý căn mà phải có sở, nếu có sở thì làm sao biết được cái ý căn,

vậy hai cái tánh đồng dị này đã chẳng có, thì giới ở đâu mà lập duyên.

Nếu từ pháp trần ra thì các pháp trong thế gian chẳng hoài là ngũ trần, hãy xem sắc, thinh, hương, vị, xúc đều có tướng rõ ràng để đối với ngũ căn, chẳng thuộc phạm vi của ý căn, sắc thinh hương nó đều có tướng và ngũ căn nó đối lại. Thí dụ sắc đối với mắt, thanh thì đối với nhĩ. Nếu mà từ pháp trần ra thì các pháp trong thế gian chẳng ngoài ngũ trần sắc, thinh, hương, vị, xúc đều có tướng rõ ràng cho nên mới đối lại ngũ căn của ta, của cơ thể con người ta. Chẳng hạn như sắc đối với mắt, thanh thì đối với nhĩ, nếu lìa sắc không thông nhãn ly hợp sanh diệt thì ngoài các tướng này chẳng có cái sở đắc sanh thì các pháp sắc không cùng sanh diệt, đã như thế thì sanh đã không thì làm sao có thức, nếu lìa sắc ra (lìa sắc thinh hương vị xúc ra) thì ngũ căn không thuộc phạm vi của ý căn, vậy thì cái nhân sanh đã không thì làm sao có thức, mà thức đã không thì giới từ đâu lập.

Cho nên biết rằng ý căn pháp trần duyên với nhau sanh ra ý thức, ba cái chỗ này đều không. Ý căn không, pháp trần không, ý thức giới cũng không, ý thức giới đó không có phải do tánh nhân duyên cũng không phải tự nhiên, nếu có nhân duyên thì cái ý thức giới ấy là huyễn, mà nếu nó là tự nhiên thì không dính mắc tới căn trần.

Nếu thức là tự nhiên thì phải độc lập, không dính tới căn trần hoặc là dính tới căn trần thì mất trần thì làm sao sanh ra thức.

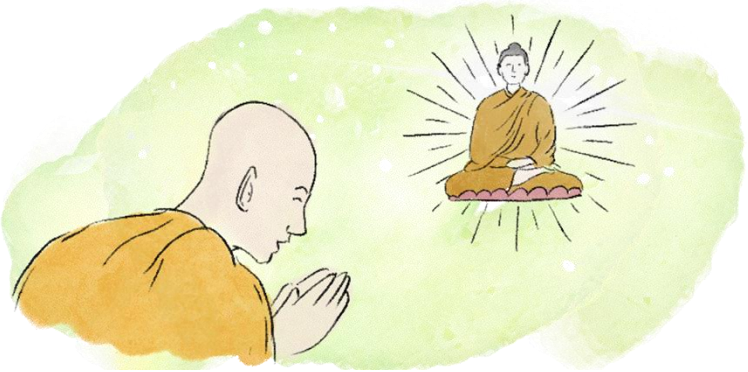

Ngài A Nan mới bạch Phật: *Như Lai thường giảng về nhân duyên hòa hợp rằng tất cả các thứ biến hóa trên thế gian đều do tứ đại hòa hợp mà sanh ra, sao Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên?*

Tự nhiên là dính mắc, tự sanh ra, là chính nó, còn nhân duyên là do các điều kiện khác mà tạo thành, cho nên ngài A Nan mới hỏi chẳng biết nghĩa xin Phật thương xót khai thị pháp liễu nghĩa của trung đạo cho chúng sanh được rõ. Ngài A Nan là đại diện cho chúng ta, Ngài rất là từ bi, Ngài biết rằng chúng sanh sau này mê mờ, nói mãi cũng không hiểu cho nên ngài A Nan đứng ra nói chưa chắc chúng sanh đã tin, cho nên mới thưa thỉnh Phật để nói ra cho chúng sanh tin hơn.

Ngài vẫn hỏi, Ngài vẫn thị hiện ra là một người đa văn nhưng lại không có biết gì, đa văn tức là biết về chữ nghĩa nhưng mà không có liễu nghĩa, không biết được thực tướng của các pháp.

Chúng sanh đời Mạt Pháp này đều ưa thích nghe những văn chương, chữ nghĩa mà không biết rằng ý của Đức Từ Phụ là nương theo kinh điển để tìm ra chơn tâm thường trụ của chính bản thân ta, tất cả chỉ đều là phương tiện nhưng người ta lại chấp cứng ngắc cái phương tiện làm cứu cánh, chấp chân lý.

Chấp ở đấy là lỗi lầm cho nên ngài A Nan mới nói rằng Như Lai thường giảng về nhân duyên hòa hợp các thứ biến hóa trên thế gian đều do cái nhân duyên tứ đại hòa hợp mà thành, thế thì nay lại nói rằng không phải nhân duyên cũng không phải tự nhiên cho nên rất là hoang mang. Đức Thế Tôn mới bảo ngài A Nan: "*Trước đây ngươi nhàm chán pháp Tiểu Thừa thanh văn duyên giác phát tâm cầu đạo vô thượng Bồ-đề nên ta vì ngươi khai thị đệ nhất nghĩa để cho ngươi, sao ngươi còn đem hý luận của thế gian vọng tưởng cho là nhân duyên mà tự ràng buộc, người học rộng nghe nhiều như ngươi chỉ truyền miệng nói thuốc, khi thuốc thật hiện tiền thì lại chẳng biết, Như Lai gọi là thật đáng thương xót, nay ngươi hãy nghe kĩ Ta vì ngươi khai thị cho từng lớp một,*

khiến cho những người tu đại thừa sau này thông đạt được thực tướng”.

Trước kia ngài A Nan khi nghe Đức Thế Tôn giảng thì nhàm chán thanh văn, duyên giác mà phát tâm cầu vô thượng Bồ-đề. Thanh văn duyên giác là gì? Thanh văn là nghe âm thanh mà vào đạo, duyên giác là nhờ cái duyên vào đạo. Ví dụ ở trong đạo tràng có anh nào bị vợ đánh đuổi ly dị bỏ ra khỏi nhà bụi trần, lúc đầu đi vào chùa để tá túc nương vào ấy mong có chỗ sống, nhưng khi vào chùa rồi lại ưa thích dưa muối, ưa thích kinh kệ rồi tự nhiên nhàm chán cảnh đời, thế thì nhờ cái duyên bị vợ đánh đuổi rồi vào chùa một cách cưỡng bức, rồi ưa thích kinh sách rồi đi tu mà từ cái duyên ấy ngộ ra đạo thì ấy gọi là duyên giác, nhờ duyên mà giác ngộ, thanh văn nhờ nghe mà giác ngộ.

Cũng như ngài Huệ Năng nghe người ta tụng có mấy câu ưng vô sở trụ thì giác ngộ, cũng có những vị nghe giảng rồi cũng giác ngộ. Đức Thế Tôn dạy là vì hành giả phát tâm cầu đạo vô thượng Bồ-đề cho nên Đức Thế Tôn mới khai thị đệ nhất. Muốn hiểu được tất cả các điều Thế Tôn dạy hay có thể thực hiện được thì chúng ta phải phát tâm cầu vô thượng Bồ-đề, bồ đề là trí tuệ, vô thượng là tối chân tối thượng tối mĩ, không có gì cao hơn nữa, tức là trí tuệ cao nhất chúng ta phải phát tâm

cầu trí tuệ ấy. Phải phát tâm cầu, tức là có cái mong mỏi, có cái sung mãn thì mới dám xả thân vì chánh pháp, cho nên khi nói tới vô thượng Bồ-đề có nghĩa là ở nơi trí tuệ ấy không có ngăn ngại, ở nơi trí tuệ ấy không có đối đãi, ở nơi trí tuệ ấy không có chấp. Có nghĩa là không có nhân duyên hay là tự nhiên.

Tại sao Đức Thế Tôn nói không phải tự nhiên không phải nhân duyên, nhãn căn nhãn trần sanh nhãn thức? Tại sao Đức Thế Tôn lại nói nhãn căn, nhãn trần, nhãn thức không phải tự nhiên mà cũng không phải là duyên sanh? Thật sự ra ngài A Nan chấp có cái căn trần. Ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già về Đức Thế Tôn mới hỏi: *Hà duyên cớ gì ông đi tu?* Thì ngài A Nan nói rằng: *Con vì ba hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp của Đức Thế Tôn, con thấy rồi con khởi tâm ưa thích cho nên con đi tu.* Có nghĩa là đi tu không phải muốn liễu đoạn sanh tử, không phải cầu vô thượng Bồ-đề mà đi tu vì mê ba hai tướng tốt tám mươi hai vẻ đẹp. Cho nên phải phát tâm cầu vô thượng Bồ-đề tức là cầu trí tuệ không phân biệt, trí tuệ không ngăn ngại và chơn lý thì nó bất nhì.

Thế thì hành trì để thấy được căn trần thức? Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan: như ngươi đã nói tứ đại hòa hợp sanh ra các thứ biến hóa thế gian, nếu thể tánh của tứ đại chẳng phải hòa hợp thì không thể lẫn lộn, cũng như

hư không chẳng thể hòa hợp với sắc tướng, nếu hòa hợp thì đầu đuôi biến hóa, nếu đầu đuôi duyên nhau thì sanh rồi diệt tương tục, diệt rồi sanh, sanh rồi diệt, sanh sanh diệt diệt xoay tròn. A Nan cũng như nước thành băng, băng thành nước, chẳng hề ngừng nghỉ. Nếu nói rằng tứ đại hòa hợp mà sanh ra các thứ biến hóa trên thế gian, thì thể tánh của tứ đại chẳng phải hòa hợp thì không thể trộn lẫn được, cái nào nó ra cái đó, cũng như hư không không thể hòa hợp với sắc tướng, bất cứ chỗ nào có sắc tướng thì chỗ ấy không có hư không, bạn thấy cái bàn thì bạn không thể nói là hư không là cái bàn, bạn thấy cái xe thì đó là cái xe là sắc tướng không thể nào nói rằng cái xe là hư không. Cho nên giữa hư không và sắc tướng thì không thể hòa hợp, nếu hòa hợp thì nó đồng như biến hóa sanh diệt tương tục, vì mê lầm cho nên không thấy được cái chơn tướng của các pháp mà chấp vào cái biến đổi của nó, khí băng và lỏng, thể rắn thể khí thể lỏng của nước đều tương tục với nhau sanh diệt, hễ nước lạnh thì đóng thành băng mà hễ băng gặp nóng thì chảy ra thành nước, nước gặp nóng quá thì bốc hơi thành hơi, tức là khí, tức là ba cái dạng mà cứng, khí, lỏng đều tương tục xoay vòng với nhau, điều đó nói ra cái thức, cái hiểu biết như thế, nó cũng xoay vòng vòng như thế, sanh diệt như thế, mà vì chúng ta không nắm

bắt được cho nên chúng ta mê mờ ở trong sanh diệt ấy, bị trôi trong ba cõi 6 đường, tưởng rằng sắc là có thực, chấp rằng sắc là có thực cho nên chạy đi tìm sắc, không hiểu rõ thực tướng của nó cho nên hành xử đều bị tác ý theo nó, tạo ra nghiệp, khi chết thì lập tức thân trung ấm mang những nghiệp ấy, cho nên vì đang khao khát có một cái nhà thì phải đi tìm cái nhà khác, lập tức chỗ nào có thì gá vào, có thể là nhà giàu nhà nghèo, chó mèo gì đó, gá vào cho nên trôi mãi trong sanh tử luân hồi.

Cái tưởng là biết nhưng thật ra những cái ấy đều là những cái không biết, cũng như thế Đức Thế Tôn lấy thí dụ là nước để cho thấy là cái sự sanh diệt ấy nó thật sự ra không có sanh diệt. Nó chỉ biến tướng cái bề ngoài, nhìn thấy nó là cục đá đóng băng hay là nước lỏng hay nước ở thể hơi, tức là cái tướng có biến dạng nhưng nếu chúng ta chấp thì đó là cái này cái kia, nhưng nếu nhìn thấy rõ cái thể, tức là bản tánh của nước là gì, là hai hidrô + với một oxi, dẫu là đóng băng hay là bốc hơi, thể lỏng. Hai hidrô + với một oxi cấu tạo bởi electron, proton và notron có nghĩa là năng lượng, nước cũng là năng lượng, chất nóng không phải lạnh.

Ông Bahiya trong phẩm Ngàn của kinh Pháp Cú đến hỏi Đức Thế Tôn là: "*Lạy Phật chỉ cho con một điều để con tu học"* thì Đức Thế Tôn dạy rằng: *"Này hiền giả,*

nếu ông muốn quán chiếu tu học thì ta nói ông điều này cho ông nghe, ông cố gắng quán chiếu trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong cái nghe chỉ có cái nghe, trong cái sự hiểu biết chỉ có cái hiểu biết". Ông Bahiya quán chiếu và chứng đắc A La Hán ngay lập tức.

Tại sao nói rằng trong cái thấy chỉ có cái thấy, mà kinh Thủ Lăng Nghiêm lại nói: nhãn thức nhãn căn sắc trần không có phải là nhân duyên mà nó cũng không phải là tự nhiên. Nếu cái biết của con mắt tức là cái nhìn, cái biết là do căn+trần=thức mà nói rằng cái thức chính là cái biết tức là chúng ta chạy theo cái sự điên đảo của căn trần, hễ trần biến thì cái thức cũng biến hay sao? Nếu nói rằng cái thức ấy nó nằm ở trong căn thì khi nằm trong căn thì nó không nằm trong trần, khi cái trần nó biến thì cái thức nằm trong căn nó không thay đổi, như vậy làm sao biết được sự biến đổi của trần nếu cái trần ấy là từ vật chất biến trở thành chơn không, làm sao biết có chơn không.

Vì ngài A Nan chấp rằng có cái này cái kia, cái biết là cái thức, vì có thấy có căn có trần cho nên mới có cái thức và vì chấp như thế cho nên Đức Phật nói ra cái pháp này để phá cái chấp. Cho nên Đức Thế Tôn tránh trường hợp chấp, Ngài mới nói rằng những cái ấy đều là Như Lai tạng, đều là diệu tánh của chơn như, không

phải do duyên sanh, không phải do hòa hợp, không phải do tự nhiên, nếu tự nhiên tức là dính mắc tới một cái mà nếu dính mắc tới cái này thì không dính mắc tới cái kia, nếu từ cái này ra thì không từ nơi cái kia ra, nếu từ căn thì không thể nào từ trần ra được và nếu không từ trần mà trần biến đổi thì cái biết ấy không theo trần được, sẽ bị tiêu diệt. Như vậy chỉ là phương tiện để nhìn vào cái tâm của ta.

Những người nào học pháp môn niệm Phật thì phải niệm Phật, bạn cứ niệm Phật, cứ tụng kinh tới lúc nào bạn sẽ phát hiện ra tiếng niệm Phật đó là ai niệm, rồi khi gõ chuông gõ mõ thì cái âm thanh ấy từ đâu mà ra, cái niệm hỷ phát sinh khi nghe tiếng chuông thì niệm hỷ đó từ đâu ra? Nếu nói rằng từ cái lỗ tai ra thì cái tiếng chuông có dính gì tới cái lỗ tai, mà nếu từ cái chuông thì lỗ tai có ăn thua gì tới cái chuông, cho nên khi nghe tiếng chuông khởi lên cái niệm hoan hỷ thì niệm hoan hỷ ấy từ đâu ra và khi luôn luôn quán chiếu như vậy thì không chạy theo cái chuông, không chạy theo cái lỗ tai, mà biết rõ như vậy thì cũng không theo thức. Tại vì thức cũng không phải là thực, ba cái ấy nó đều là vọng hết. Thức do căn trần, do chuông và lỗ tai, thức ấy là tưởng thực sự ra là trung khu thần kinh nghe.

Ở trên não có một khu gọi là dữ liệu các thông tin, nối với cái màng nhĩ và màng nhĩ nghe âm thanh thì là trung khu thần kinh hoạt động, thế thì làm sao biết tiếng chuông? Con nít mới đẻ ra thì đâu biết tiếng chuông, nghe cũng như nghe vậy thôi, chẳng biết cái gì, nghe cái boong thì boong chứ không biết là chuông nhưng khi lớn lên được bạn bè, bố mẹ nói cái đó là cái chuông, đi tới chùa ông thầy nói đó là cái chuông. Đó là huân tập nhiều lần, tức là nó bị nhồi sọ mà nó không biết, nó cứ ngỡ rằng là biết, nghe cái chuông là biết là cái chuông, nhưng thật sự ra bị nhồi sọ từ nhỏ tới lớn cái đó gọi là tạp khí.

Chúng ta cũng thế, từ nhỏ tới lớn bị nhồi sọ mà không biết thực tế tánh biết nằm ở chỗ nào, cố gắng huân tập thì sẽ thấy được chân lý này. Huân tập nhiều lần, tụng kinh cũng vậy, phải siêng năng tụng kinh để tới một lúc nào đó bạn sẽ tự nhiên bật ra ai đang tụng đây, tụng cho ai nghe đây? Đức Phật có cần bạn tụng cho nghe không? Chúng ta tụng cho cái tâm nghe.

Thế thì tiếng tụng bên ngoài và tâm bên trong là một hay hai? Hay là cái bên trong chạy theo cái bên ngoài? Hay là ngược lại? Khi tụng kinh là hoan hỷ, mà khi tâm buồn tụng kinh cũng buồn, thế thì cái nào chạy theo cái nào? Chúng ta phải hiểu rõ, khi chúng ta hiểu rõ rồi thì

đi đứng nằm ngồi đều thong dong tự tại và ở ngay nơi ấy thì được an lạc và khi được an lạc, biết như thế rồi thì không bao giờ thối lui, tại vì đã nắm được cái bản tánh của nó. Người ngồi thiền cũng thế, phải ngồi thiền siêng năng tinh tấn. Bất cứ bạn hành trì theo pháp môn nào, tu theo Mật tông, tu theo Thiền, tu theo Tịnh Độ mà nếu bạn không hành trì, giữ giới, ba bảy phẩm trợ đạo thì giống như xe không có xăng, xăng là Ba Bảy Phẩm Trợ Đạo, Bát Chánh Đạo, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, khi nói là lời yêu thương, đùm bọc, tha thứ, không có nhân ngã bỉ thử, không nói ra để châm chọc người này người kia.

Khi gieo cỏ trong mảnh đất tâm thì cỏ mọc rất nhanh, khi nói lời khiêu khích thì đã vọng tâm điên đảo huân tập, trở ngại trên con đường tu và người nào thấy câu nói không vừa ý nói lại một câu thì người đó cũng chạy theo vọng tưởng điên đảo luôn, tức là thấy người ta điên đảo rồi ta cũng theo. Cho nên là hành giả quyết tâm tu thì phải siêng năng tinh tấn hành trì.

Trong Bát Chánh Đạo từ chánh kiến, chánh tư duy, chánh niệm, chánh định,… vẫn là quan trọng là chánh tâm. Bạn phải có chánh tâm thì có chánh kiến, nếu không chánh tâm thì nói miệng thôi. Chánh tâm là gì? Thí dụ nghe nói một câu thì hiểu người đang nói tâm

thiện muốn bạn tinh tấn, vô thượng Bồ-đề, liễu nghĩa, thoát khỏi phiền não, sanh tử luân hồi, cho nên phương tiện nói thế nào cũng hiểu, giống như thuốc ông thầy thuốc đưa thì ta uống, dẫu là thuốc hơi đắng nhưng uống hết bệnh. Còn nếu khởi tâm lên câu chấp chữ nghĩa, phải như thế này như thế kia, tức là tự đóng khung, tự nhốt vào cái ngục tù trí tuệ, ngục tù ở trong thế gian, thế gian đặt ra nhiều ngục tù phải làm như thế này, phải đi như thế kia, đứng ăn như thế này thế kia… là con người đúng đắn.

Bạn sống ở Sài Gòn ăn thì có tô, chén, bàn, ghế, rồi có người bưng tới, có khăn chùi miệng, … những người sống ở Kon Tum ăn cũng sung sướng vậy họ ăn cái gì? Họ ăn con chuột ngâm ở trong nước muối, thế rồi cũng ngon, đâu có chén bát, họ thò tay bốc; rồi bây giờ bạn có: bàn, ghế, chén, bát, khăn chùi miệng, … rồi đem lên cái xứ Kon Tum bạn dùng trong bữa ăn thì bạn nghĩ sao? Người ta nói bạn điên hết rồi, không biết sống.

Đức Thế Tôn nói những người nào muốn tu hành thì cố gắng ăn chay, tại vì ta ăn sanh mạng chúng sanh thì cái nghiệp chướng phải đòi, bây giờ ai ăn thịt bạn thì bạn có giận không? Giận chứ, oán chứ phải không? Cái oán đó trùng trùng điệp điệp rồi kiếp sau sanh ra làm con vật cho chúng ăn lại, tại vì kiếp này ta ăn nó thì kiếp

sau nó ăn lại, thì những sanh diệt ấy từ đâu? Tại vì mê mờ không biết từ cái vọng tưởng điên đảo cho nên mới hành xử ra như thế, cho nên mới thấy căn, trần, thức là như thế đấy, tưởng rằng có thực, tưởng rằng cái biết ấy có thực nhưng những cái biết ấy đều là những cái điên đảo và vì những cái biết trong điên đảo ấy cho nên sanh tử luân hồi, tạo ra nghiệp, nghiệp lôi vì chúng ta là chủ nhân của nghiệp mà chúng ta cũng là thừa tự của nghiệp.

Câu hỏi: Con xin cúng dường đọc bài kệ của Ấm Quang: "bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa, nhẫn nhục điều mà người khác khó nhẫn được, làm những việc mà người khác khó làm được, thay người làm những việc cực nhọc, dành toàn cho người làm việc tốt đẹp, thường nghĩ đến lỗi của ta, lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người, lúc đi đứng nằm ngồi ăn mặc từ sáng đến tối từ tối đến sáng chỉ niệm Phật hiệu, không để gián đoạn hoặc niệm nho nhỏ, hay niệm thầm, ngoài việc niệm Phật đừng khởi một niệm nào khác, nếu khởi vọng niệm hãy tức thời bỏ ngay, thường có lòng hổ thẹn, thành tâm sám hối, nếu đã tu trì thì phải tự hiểu là công phu của ta hãy còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng khoa trương, chỉ nên chăm sóc việc nhà mình, đừng nên dính vào việc nhà người, chỉ nên nhìn những hình ảnh tốt đẹp, đừng nên để mắt tới những hình ảnh xấu xa bại hoại, hãy coi mọi người như Bồ Tát mà ta chỉ là kẻ phàm phu, nếu quả có thế tu hành được như vậy thì nhất định được vãn sanh về Tây Phương Cực Lạc".

Trả lời: Căn trần thức chỉ là như thế, Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan: "*Ngươi hãy nhìn hết các cái vật ở bên ngoài tức là các pháp ở bên ngoài có cái nào mà không*

có kiến tính không" tức là cái nào không có Phật tánh, có cái tánh biết không?

Thì ngài A Nan nói: "*Con nhìn thấy không có cái nào có kiến tính hết*". Đức Thế Tôn lại hỏi: "*Vậy thì ngươi hãy thử nhìn xem trong các pháp ấy có cái nào không có cái kiến tính không*"? Quán chiếu lại rồi ngài A Nan nói: "*Bạch Đức Thế Tôn con thấy không có cái nào mà không có kiến tính*".

Nghĩa là nếu mà nhìn cho kĩ thì cái nào cũng có kiến tính mà nếu không nhìn kĩ thì cái nào cũng không có kiến tính, giống như là ngài Hoa Đà hay là Lãng Ông là những vị thầy thuốc nổi tiếng khi bảo đệ tử là: "*Ngươi đi vào rừng tìm cho ta một cây nào không phải là cây thuốc"* thì ông ấy đi ra tìm hết rồi về nói với ông tổ thầy thuốc: "*Thưa thầy con tìm mãi mà không có cây nào không phải cây thuốc, cây nào cũng là cây thuốc hết*" rồi ông thầy ông nói: "*Thế thì ông đi ra ông kiếm cho tôi cái nào không phải là thuốc"* thì ông ấy đi về tay không, ông ấy nói: *"Cái nào cũng không phải là thuốc, nếu khi cần thì cái nào cũng là thuốc, mà nếu khi không cần thì không có cái nào là thuốc"*.

Cũng như thế, nếu chúng ta quyết tâm tu học thì cái nào cũng là pháp, mà nếu chúng ta không quyết tâm tu học

thì chẳng có cái nào là pháp. Kinh Duy Ma Cật nói không rời phiền não mà vào Niết-bàn, ở trong gia đình bạn sinh sống hằng ngày cha mẹ, anh chị em mắng chửi nhưng mà nếu chúng ta không có tu học thì những lời mắng chửi ấy là những lời phiền não không thể chịu được, bực tức, có nhiều khi giận dữ đâm chém nhau, đốt nhà đốt cửa cũng vì những câu nói ấy. Cho nên không phải là pháp, nhưng khi là người tu thì chính những lời mắng chửi cằn nhằn ấy lại là pháp vi diệu chúng ta quán chiếu ra được cái tâm của ta sanh diệt như thế nào, buồn vui như thế nào, giận dữ như thế nào, đó là cái pháp điều tâm.

Câu hỏi: Trong cái nghe có phải là lụy theo môn pháp Vipassana?

Trả lời: Thực tế ra cũng không phải như thế, Vipassana là quán chiếu nơi cái tâm sanh diệt theo cái duyên, nhưng mà ở đây thì nói rằng là trong kinh Pháp Cú trong phẩm Ngàn thì Đức Thế Tôn dạy cho ông Bahiya rằng: "*Trong cái thấy chỉ có cái thấy"*, tại sao vậy? Tại vì ông này còn chấp rằng có cái pháp mà nếu tu theo cái pháp ấy thì sẽ chứng đắc, cái điều quan trọng là ông ấy thấy có ngã, ngã sở, có cái pháp, chấp pháp và vì ông ấy chấp vào đấy nên Đức Thế Tôn mới nói rằng *trong cái thấy chỉ có cái thấy*, tức là cái đối tượng của cái sự thấy và

cái tánh thấy cái biết của cái thấy mà thôi, chứ thực sự ra trong cái ấy, cái là tánh biết của cái thấy không có, và cái nhãn cũng không có, nhãn căn cũng không có cũng chỉ là huyễn, chỉ là phương tiện để tánh biết biết được cái vật bên ngoài, cho nên cuối cùng chỉ còn lại cái đối tượng bên ngoài là cái thấy mà thôi. Mục đích câu nói là phá cái chấp của ông Bahiya chứ cái đấy không phải chân lý. Nếu bạn lấy cái đó là chân lý thì bạn mắc kẹt, nhìn ngón tay mà không thấy mặt trăng.

Cũng như vế đối đãi của ngài Thần Tú và ngài Huệ Năng, ngài Thần Tú nói rằng: "*Tâm giống như cái gương mà thân giống như cái đài, luôn luôn phải lau chùi thì mới hết bụi"*, tức là cái tâm của ta lăng xăng, ta phải lau chùi, cái thân của ta lăng xăng bê bối thì ta cũng phải lau chùi thường xuyên, lau chùi thường xuyên đó là cái chìa khóa, muốn làm thanh tịnh cái thân cái tâm thì phải lau chùi, phải quán chiếu, uốn nắn thường xuyên. Nhưng ngài Huệ Năng lại nói rằng: "*Tâm là không có, thân cũng không, bụi trần thì xưa nay không có một vật, thì lấy đâu ra bụi trần thì cần gì phải lau chùi"*.

Tại sao câu nói ấy lại nổi tiếng? Tại vì nó được nói sau bốn câu của ngài Thần Tú, nếu không có bốn câu của ngài Thần Tú thì bốn câu của ngài Huệ Năng cũng chưa

chắc đạt tới đỉnh cao trong thiền học, phải có bốn câu trước thì bốn câu sau có giá trị, tại vì đối chiếu lại bốn câu trước, phá chấp bốn câu trước. Bởi thế cho nên **bạn đọc kinh điển phải hiểu: thứ nhất là bối cảnh, thứ nhì là dụ ý của các chư Tổ**, nếu không hiểu được những điều ấy e rằng cũng không được lợi lạc.

Ở trong Tứ Diệu Đế thì Đức Thế Tôn nói *khổ tập diệt đạo*, có cái khổ, có cái vô thường và bất tịnh; nhưng ở trong kinh Niết Bàn thì Đức Thế Tôn lại nói rằng *thường lạc ngã tịnh*, hai cái ấy nó đối đãi với nhau, tại sao thế? Tại vì ở vào lúc ban đầu bạn ấy chấp rằng có cái pháp để tu, tức là đều có cái chữ có, thì Đức Thế Tôn mới nói cái ấy là vô thường, tại duyên sanh cho nên không có thực, mà sự đau khổ là do chấp cứng vào cái sự vô thường mà chấp là thường, cái không mà chấp là có, cho nên khi cái có ấy biến diệt, thay đổi thì cái đau khổ đến vì bạn chấp rằng có, thường như thế mà nay biến đổi cho nên ta đau khổ. Thí dụ như ta đang trẻ như thế này, đang đẹp như thế này mà họ nói rằng ta già, đau bệnh thì đâm ra buồn phiền, thì cái phiền não ấy không do cái sự già, mà phiền não mà do cái chấp, chấp rằng là ta trẻ ta đẹp mà bây giờ ta lại già bệnh xấu xí, cho nên phiền não từ cái chỗ ấy.

Nhưng khi con người ta tu một thời gian thì thấm hiểu được cái đạo lý cho nên Đức Thế Tôn dạy tiếp, tùy theo căn cơ chúng sanh mà Ngài giảng để trị bệnh cho thuốc. Nếu chúng ta chấp cứng rằng là ông Phật nói như thế là chân lý thì chúng ta mắc kẹt, mà nếu chúng ta không chấp vào những lời Đức Phật nói để mà tu học thì chúng ta cũng kẹt và chúng ta trở thành những con người phá pháp.

Đức Thế Tôn dạy phải bố thí để trừ cái tham tại vì tham là nói rằng có cái ngã, ngã sở, ái ngã, chính vì chuyện đó cho nên cứ đau khổ sanh tử luân hồi. Tức là buông xả hết, cho hết: cho của cải, thân mạng, cho luôn cái ngã, tức là buông xả hết, không còn cái gì trú ở đó nữa lúc bấy giờ chúng ta sẽ rớt vào trạng thái rỗng rang, thanh tịnh hoàn toàn. Cho nên cái pháp của Đức Phật dạy bạn càng thực hành bạn sẽ thấy càng vi diệu, càng bố thí mà không hề tiếc nữa thì đâu còn chấp, mà nếu không chấp thì đương nhiên có lợi lạc.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm chỉ cho chúng ta thấy căn, trần, thức để khi nào chúng ta hiểu rõ rồi quay trở lại thực hiện bát chánh đạo một cách rất thanh tịnh thù thắng. Thí dụ như chánh ngữ nếu nói theo cái nghĩa thông thường là nói lời yêu thương, nói lời đùm bọc mà cố gắng tập tành để nói thì làm sao nói được, nếu có một

người nào mắng chửi bạn vẫn nói lời yêu thương được không? Không. Bạn sẽ nổi sân mà nếu có nhẫn nhục thì lặng thinh hay là bạn cũng nói này nói kia không bao giờ từ trong cái tâm của ta nói ra lời yêu thương được, chỉ khi nào bạn quán chiếu được cái tâm biết nhãn căn, nhĩ căn, nhĩ thức, trần như thế nào, biết ở trong hay ở ngoài ở đâu mà ra, thì ngay lúc ấy dẫu có nghe lời chửi bạn vẫn dùng chánh ngữ, không gượng ép mà rất tha thứ từ bi tại vì quán chiếu được thực tướng của các pháp như thế, cho nên Bát Chánh Đạo để thực hiện không dễ, gượng ép là ức chế tâm và đưa tới tẩu hỏa nhập ma, là ma sự chứ không phải Phật sự.

BÀI 18: DIỆU TÂM THỰC TƯỚNG

Diệu tâm và Chân tâm là cốt lõi kinh Thủ Lăng Nghiêm và cũng là cốt lõi của con đường tu.

Chúng ta bố thí, in kinh có phước nhưng chưa thể thoát khỏi luân hồi sinh tử. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rằng: "*Nếu hành giả không thấy tánh thì giống như người lấy cát mong nấu thành cơm*".

Trong trái đất này, chúng ta thấy đủ thứ: nhà cửa, xe cộ, đàn ông, đàn bà… là sắc trần, theo khoa học chỉ có 118 nguyên tử, 118 nguyên tử ấy cũng chỉ là năng lượng, nói rằng chỉ là năng lượng thì không có ghét, thương mà chỉ là notron, electron.

Trong vòng năm sáu chục năm thì trái đất tăng lên hơn mấy tỷ người. Nói theo nhà Phật, hành giả tu tập giữ không có tánh dâm, người tu không đoạn được tánh dâm thì không thể đoạn được ba cõi sáu đường. Nếu không có tánh dâm thì nam nữ không ngủ chung thì con người không thể sinh ra. Nếu các con vật như chuột, rắn, mối, gián… có công phu tu học thì sau khi trả hết nghiệp thì làm sao đầu thai làm người. Như vậy có mâu thuẫn trong nhận thức, triết lý không?

Đoạn âm không bằng đoạn tâm, chặt bỏ cơ quan sinh dục con người thì không thể giải quyết dâm dục của con người. Dâm dục ấy từ căn trần thức, đoạn tâm dâm mới quan trọng, mới thoát khỏi ba cõi sinh tử. Tánh dâm làm nhiễu loạn người tu, nếu tu không đoạn tâm dâm, không đoạn được tánh dâm thì đừng mong ra khỏi ba cõi sáu đường sinh tử.

Nếu con người đoạn tâm dâm thì làm sao để con người sinh con đẻ cái. Và như vậy côn trùng, gián, chuột, mèo, chồn, rắn… hết nghiệp sẽ không có nơi (nam nữ giao hợp) gá vào để để tái sinh làm người. Như vậy nếu ta chấp cái dâm là có thực, là nguy hiểm, là phải đoạn thì ta rơi vào chấp có.

Trong Đại Trí Luận, Pháp sư Hỷ Căn và Pháp sư Ý Căn là hai vị thượng thủ. Hai vị ấy mang hai đặc thù khác nhau.

- Pháp sư Ý Căn cho rằng dâm nộ si là có thực tánh, cản trở con đường tu học của hành giả, Ngài khuyên các đệ tử luôn luôn quán chiếu và ngăn ngừa dâm nộ si khởi lên, thấy mặt mũi là phải đập tan nát, và đè xuống không cho bùng khởi lên.

- Pháp sư Hỷ Căn dạy tánh của dâm nộ si vốn bình đẳng, vốn thanh tịnh, chẳng qua do khởi niệm nên

phát sinh vọng tưởng điên đảo thì hà cớ gì phải sợ hãi.

- Hai bên có cuộc tranh luận. Cuối cùng đệ tử của Pháp sư Hỷ Căn luôn luôn quán chiếu thực tướng của tánh dâm nộ si, biết rằng tướng là như thế nhưng tánh là thanh tịnh, bình đẳng nên hoan hỷ và tu thành tựu.

Con người thì ai cũng có tánh dâm, nếu không thì như gỗ đá. Đức Thế Tôn và chư Tổ có nói: "*Gỗ đá thì không thành Phật*". Nói về lý, dâm là cái cản trở trên con đường tu học của hành giả, rất quan trọng để đoạn trừ. Người tu hành biết quán chiếu tánh dâm là năng lượng để quán chiếu thành trí tuệ. Năng lượng lửa nóng có thể pha trà, sưởi ấm mùa đông mà lửa cũng có thể đốt nhà, đốt rừng tùy bạn sử dụng thiện xảo. Con dao tự tánh vốn thanh tịnh không có ác ý, do tâm ý con người sử dụng để đâm nhau thì đó có phải lỗi con dao không?

Tánh dâm nếu biết sử dụng, biết chuyển hóa, nhìn thấy rõ thực tướng thì tánh dâm trở nên diệu dụng. Tánh dâm do duyên sanh và tự nhiên. Nếu ta nói rằng không phải do duyên sanh thì cũng không đúng, nếu không nhìn thấy một cô gái sexy (quyến rũ) thì chưa chắc đã khởi tâm tham đắm, ưa thích. Khi nhìn thấy cô gái sexy rồi cái thức vận động, con mắt nhìn là cái tâm khởi lên

dâm. Nếu hành giả quán chiếu thực tướng của các pháp, biết rất rõ thân chỉ là huyễn, là giả nhưng vẫn không lìa nó, vẫn biết cái tướng như thế và không chê bai.

Ngài Ikoto là Thiền sư nổi tiếng ở Nhật với danh hiệu Thiền sư điên vì Ngài không đi theo các truyền thống từ đời trước để lại đời sau. Ngài không có chùa, không có chỗ nào cố định và thường đi du hành. Một buổi nọ Ngài đi ngang qua rừng thấy người phụ nữ Nhật tắm không quần áo, thấy rất rõ thực tướng của các Pháp là như thế, Ngài lấy nón ra ngã đầu chào. Ngài nhìn chứ không tránh. Các đệ tử chất vấn Ngài là người tu hành sao nhìn người phụ nữ không quần áo, rồi lại còn nhìn chăm chú, và lấy nón dỡ ra chào. Nếu bạn nghe câu chuyện mà khởi lên một niệm tình ấy là điên đảo, cái chỗ ấy gọi là vọng. Khi chúng ta nghe câu chuyên mà khởi lên một niệm thì ngay lập tức niệm thiện, niệm ác, niệm khen chê khởi lên đều là sóng.

Người đệ tử hỏi tại sao Ngài là người tu hành nhìn như thế. Ngài nói: "*Này các đệ tử Chư Phật kể cả Đức Phật Thích Ca cũng từ chỗ ấy mà sinh ra"*. Thực tướng của các pháp là như thế, nếu không chấp, không vướng mắc thì là cái gì, kệ nó. Tức là chơn tâm thường trụ đã vắng lặng thì diệu tâm tự nhiên biến hiện của chơn tâm thường trụ và nhận thức các pháp như thế mà không

khởi lên một niệm và diệt một niệm. Tu hành nhìn rất rõ, biết rất rõ nhưng không chạy trốn. Nếu chạy trốn thì đoạn âm, chứ đầu thì vẫn nghĩ đến nên đoạn dâm là đoạn từ tâm. Thiền sư Ikito không phải ẩn ý tất cả mọi người đều sinh ra từ người đàn bà, chỉ có đàn bà mới có bầu và sinh con. Nếu ta nghĩ như thế thì ta đã khởi thức phân biệt, chạy theo cảnh và âm thanh va chạm nhĩ căn, tức là căn trần thức giao thoa và vọng tưởng điên đảo khởi lên.

Thiền sư nói: "*Chư Phật ba đời cũng từ chỗ ấy sinh ra*". Chỗ ấy là sự nhận biết chân thực của các pháp, không vướng mắc các pháp nào cả đó là: "*Ưng vô sở trụ*". Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, ngài Phú Lâu Na Di Đa La Di Tử nghe Đức Phật nói liền đứng dậy chắp tay cung kính: "*Đức Thế Tôn có oai đức lớn, khéo vì chúng sanh hiển bày nhất nghĩa đế của Như Lai. Thế Tôn thường khen con là bậc nhất trong những người thuyết pháp. Mà nay con nghe Pháp âm nhiệm màu của Như Lai cũng như người điếc cách xa trăm bước mà nghe tiếng muỗi bay vướng chẳng hề thấy, huống là được nghe Phật dù có chỉ rõ khiến con dứt lỗi lầm nhưng con còn chưa thấu suốt chỗ chẳng nghi hoặc của nghĩa này*".

Nói rằng tánh dâm là quan trọng, cản trở trên con đường tu học, rồi lại suy nghĩ cho kỹ nếu không có cái dâm thì làm sao có chuyện hành dâm để mà các loài côn trùng có chỗ gá sanh ra làm người. Phải có chuyện người nam nữ hành dâm thì mới sanh ra giống người và các sinh vật cá, chim, chồn cáo … mới có cơ hội đầu thai làm người.

Có một Thiền sư cất chòi dưới gốc cây tu, bà cụ già ở gần đó mộ đạo bảo cháu gái đem cơm cúng Dường cho sư mỗi ngày trong ba năm. Một hôm bà lão muốn xem ông sư tu thế nào, tu có thấy chân lý hay không. Bà bảo cháu gái lúc đó tuổi mười chín hai mươi: "*Ngày mai cháu đem cơm vào cho ông sư ấy thì vào ôm sư một cái coi ông sư phản ứng ra sao*". Cô gái không chịu, nói rằng: "*Ôm ông thầy tu thì có lợi lạc gì mà nhiều khi lại mang tộ"i*. Cô cháu không chịu làm, bà nói cô gái cứ làm để bà thử xem sao. Cô cháu nghe lời bà mang cơm đến cho ông sư và ôm chầm lấy vị sư . Vị sư nói thế này: **"***Như cây khô mọc trên tảng đá giữa mùa đông***"**. Ý nói cây đã khô sắp chết mà mọc trên tảng đá không có đất nước, không có nắng thì giữa mùa đông lạnh lẽo hoang tàn thì cây đó coi như chết. Nghĩa là ông không còn nhận thức được sự va chạm, tức là cái xúc không có hoạt động, ý cũng không có.

Bà lão nghe đứa cháu về nói như thế, bà đem lửa đốt chòi ông sư ấy. Bà nói: "*Tôi cúng dường cho thầy ba năm qua uổng cơm gạo, thầy tu kiểu gì mà chẳng có cảm xúc gì hết*". Vị sư này bỏ đi một thời gian thì quay lại tu ngay chỗ cũ. Bà già thấy làm lạ, bà đã đuổi đi rồi mà ông vẫn quay lại, cho nên lại tiếp tục cúng dường, chừng vài năm sau thì bà kêu đứa cháu gái thử ôm ông sư lần nữa. Vị sư nói: "*Chuyện này tôi biết, cô biết nhưng đừng cho bà già ấy biết*". Có nghĩa là bây giờ không còn cây khô mọc trên tảng đá giữa mùa đông mà chuyện này có tôi có cô nhưng không dính mắc nên không quan hệ gì đến bà già ấy. Bà già tượng trưng cho cái thức, khi căn trần giao thoa thức không dính mắc.

Ngài Huệ Năng cũng thế nghe có mấy câu "*Ưng vô sở trụ"* thì vui mừng thốt lên không ngờ cái tánh của ta đầy đủ hết mà ta không biết. Thế thì cái tánh ấy là chơn tâm hay diệu tâm?

Ngài Phú Lâu Na nghe Đức Phật dạy mà còn nói: "*Giống như người điếc cách xa trăm bước mà nghe tiếng muỗi bay thì làm sao nghe được*". Khi Phật nói: "*Ngũ ấm là Như lai tạng", "ngũ ấm là vô sanh*" thì Ngài Phú Lâu Na nói: "*Đức Phật nói thì con nghe vậy thôi, chứ con nghe không hiểu nổi*".

Ngài Phú Lâu Na nói tiếp: "*Hàng hữu lậu như A Nan tuy đã khai ngộ nhưng chưa dứt tập khí phiền não, chúng con là bậc vô lậu trong hồi này nay nghe pháp âm Như Lai còn mắc phải những điều nghi ngờ"*. Nếu tất cả các thứ căn trần ấm xứ giới của thế gian đều là Như Lai tạng, bản tánh vốn là trong sạch, tại sao bỗng dưng lại sanh ra các tướng hữu vi như núi, sông, đất đai … rồi thành rồi hoại, luân chuyển chẳng bao giờ ngừng, tức là phải có sự sanh diệt, bản thể gọi là Như Lai tạng ấy không sanh không diệt, là thanh tịnh, là trong sạch thì hà cớ gì mà lại thấy đất đai, nhà cửa, sông núi…

Ngài Phú Lâu Na thưa tiếp: "*Lại Như Lai nói địa thủy hỏa phong bản tánh là viên dung cùng khắp pháp giới trạc nhiên thường trụ. Thế Tôn! nếu tánh địa cùng khắp làm sao dung nạp được thủy, nếu tánh thủy cùng khắp thì hỏa chẳng thể sanh, sao lại nói thủy hỏa đều khắp hư không mà không làm mất nhau*". Có nghĩa nếu nói rằng tánh địa ở khắp mọi nơi thì chỗ nào nước có thể có được, nếu nói rằng tánh nước cùng khắp mọi nơi thì lửa ở đâu sanh ra, tại vì chỗ nào có nước thì không thể có lửa, vì hai cái đối kỵ nhau.

Ngài bạch Phật mở lòng từ bi khai thị cho tất cả chúng sanh. Bấy giờ Thế Tôn nói với Ngài Phú Lâu Na và hàng A La Hán rằng: "*Hôm nay Như Lai vì cả chúng*

trong Hội này hiển bày chơn tánh thắng nghĩa khiến hàng định tánh Thanh văn và A La Hán chưa được nhĩ không, và pháp ngã không". Tức còn chấp vào nhân ngã, chấp vào pháp thì những vị này nhờ cái này mà hướng về thượng thừa được chỗ chơn chánh. Phật bảo Phú Lâu Na: "*Như lời ngươi nói bản tánh trong sạch tại sao bỗng sanh ra núi sông đất đai, ngươi thường nghe Như Lai dạy rằng tánh giác diệu minh và bản giác minh diệu hay sao*".

Tức diệu thường minh mà chẳng lập sở minh, cũng chẳng phải bất minh nên nói là diệu minh, tức minh thường diệu mà chẳng bị kẹt nơi minh (không câu chấp) nên mới nói là minh diệu. Nếu chấp thật cho là giác minh thì lọt vào tình thức, nên lìa giác thì chẳng có minh thì đâu thể nào nói diệu, tại vì tánh giác là diệu minh, tự sáng, tự biết. Mà nếu lìa tánh giác ấy ra thì làm sao có cái minh, nếu không có cái minh thì đâu thể nói diệu, cho nên nếu chấp cho là giác minh thì lọt vào tình thức, do giác minh thành ra lỗi lầm.

Phật bảo: *ngươi nói giác minh là do tánh minh được gọi là giác hay cái giác bất minh gọi là minh giác*, tức do cái tánh tự nhiên mà sáng sủa thì gọi là giác hay vì bỏ đi cái vô minh thì gọi là giác. Vì cái tánh tự nhiên sáng hay bỏ đi cái bóng tối thì mới hiển lộ ra ánh sáng.

Ngài Phú Lâu Na nói: *Nếu cái bất minh gọi là giác thì chẳng có cái sở minh”*, tức cái thuộc về cái sáng. Phật lại bảo: “*Nếu chẳng có sở minh thì chẳng có minh giác, có sở thì chẳng phải là giác, không sở chẳng phải là minh, chẳng minh lại chẳng phải tánh trạng nhiên sáng tỏ của bản giác, vì tánh giác các minh vọng cho là minh giác, bổn giác chẳng phải sở minh, do chấp sự minh nên lập sở minh, sở minh đã vọng lập thì sinh ra cái năng minh hư vọng ở nơi ngươi”*. Có nghĩa là khởi lên tình thức vọng tưởng điên đảo cho nên sinh, các pháp tự tánh vốn là thanh tịnh nhưng khởi lên một niệm thì lập tức có nhà cửa, nam nữ tự nhiên vốn thanh tịnh nhưng khởi lên một niệm thì lập tức có dâm, nếu không khởi lên một niệm thì không có dâm khởi lên. Dâm không có thì làm sao có sanh sản, làm sao có con.

Cho nên Đức Thế Tôn mới vạch rõ, dâm là nộ si, dâm là do duyên sanh, dâm là như huyễn, đúng mà sai, sai mà đúng. Đức Thế Tôn mới nói: “*Đứa bé mới sanh ra thì tánh dâm có sẵn từ nơi tinh cha huyết mẹ kết hợp dâm dục mà có, cho nên ngay nơi đứa bé đã có tánh dâm, dù chưa qua giao thoa căn trần thức thì cũng đã có sẵn*”. Cho hai đứa bé chơi với nhau, ôm nhau, ca hát tuy không mặc gì nhưng chúng không khởi tánh dâm. Thế thì tại sao những đứa con trai con gái mười lăm

mười sáu tuổi nhìn thấy nhau liếc mắt là muốn lại gần, chạm tay, cảm giác như điện chạy. Huân tập nhiều thì tạo nghiệp và tạo ra ưa thích, những cái ưa thích ấy được huân tập nhiều thì khi chết thân trung ấm nhớ tới sự dâm ấy, ưa thích sự dâm ấy cho nên tìm những chỗ đang có nam nữ khác giống lao vào để gá vào thành ra mang cái thân, vì vậy không bao giờ thoát ra khỏi sinh tử luân hồi.

Đức Thế Tôn nói: "*Người không đoạn dâm được thì không thể nào tu hành được".* Thế thì dâm là chơn tánh hay diệu tâm, hay là huyễn. Lấy huyễn tu huyễn thì quá dễ. Còn nếu là diệu tâm tức là từ nơi cái chơn tâm biểu hiện qua cái vọng.

Đứa con trai con gái không ai dạy ưa thích dâm, nhưng tự nhiên biết hành dâm. Có cô Phật tử không biết nấu cơm bao giờ nhưng tự nhiên bằng cái diệu tâm mà biết loại gạo ấy cần bao nhiêu nước, gạo ấy phải nấu như thế nào. Nếu như ta nói cái ấy là do huân tập từ nhiều kiếp, thì cái ấy là cái gì, và không biết huân tập ở kiếp nào, thì hóa ra cái ấy là vô minh hay sao? Nếu nói được thì cái ấy không còn nữa, nếu chưa rõ đầu mối thì giống như cuộn chỉ rối. Đức Thế Tôn dạy trong Kinh Lăng Nghiêm: "*Mở cuộn chỉ rối không được bởi ví rối*

bồng bồng, không biết đầu đuôi nằm ở đâu, nên nói là vô thủy vô chung”.

Trong kinh Duy Ma Cật, ngài Di Lặc nói rằng đã được chư Phật thọ ký chỉ bày còn có một kiếp để thành Phật. Vậy căn cứ vào mốc nào để nói như thế, trong khi quá khứ đã qua và tương lai chưa tới, hiện tại thì không dừng. Ở trong kinh Duy Ma Cật ngài Di Lặc đại diện cho cái thức, cái biết của cái thức cho nên phương tiện nói còn có một kiếp. Do vậy, nếu nói rằng có cái này sinh ra thì cái kia là huyễn, nếu có huân tập thì có các nhân duyên thành tựu ra cái ấy thì cái ấy cũng là duyên sanh. Nếu là duyên sanh thì như huyễn không thực, ấy vậy cho nên ngài Pháp sư Hỷ Căn ở trong Đại Trí Độ Luận vạch rất rõ thực tướng các pháp là như thế không có gì phải sợ.

Ngài Duy Ma Cật cũng nói *phiền não là Bồ-đề*, không thể rời phiền não mà vào Niết-bàn, pháp bất nhị. Chúng ta nương vào đâu để tìm cái chơn tâm, cái vọng tâm. Chúng ta nương vào đâu để tìm ra cái gọi là diệu tâm, nói theo ngôn ngữ diệu tâm là biến tướng của chơn tâm, giống như mặt trăng ở dưới đáy hồ chúng ta nói mặt trăng ấy thực cũng sai, mặt trăng ấy là ảo thì cũng sai. Nếu không có nước, không có ánh sáng và không có mặt trăng ở bên trên thì làm gì thấy mặt trăng ở dưới

nước. Nếu nói rằng mặt trăng dưới nước là duyên sanh thì là huyễn, đó là dính mắc vào ngôn ngữ.

Đức Thế Tôn dạy: "*Nếu người tu hành không biết cái gì gọi là giác, không biết cái gì gọi là minh, không biết cái gì gọi là không giác, là vô minh thì tất cả những cái đó không đưa đến sự rõ ràng và như vậy như trong cái hư vọng*". Ví dụ bố thí mà không biết rõ bố thí để làm gì thì cũng chỉ được một chút xíu phước hữu lậu. Chư Phật cũng đã dạy bố thí càng nhiều thì kiếp sau giàu có, điều ấy không hề sai. Nhưng nói rằng bố thí để thoát ra khỏi sinh tử luân hồi thì không thể được. Nếu nói bố thí là một pháp tu thù thắng, cũng giống như các pháp khác thì mới vượt qua sông mê. Bố thí ấy là bố thí rốt ráo, bố thí ba la mật nghĩa là buông xả hết, buông xả kể cả ý niệm đang buông xả, không chấp vào ý niệm đang buông xả. Nếu còn thấy rằng có vật để bố thí, có người đang nhận, có người đang cho thì tất cả những việc ấy chỉ là hữu vi, không giải quyết được chuyện vô vi. Vô vi là mượn danh, pháp gọi là sanh tử, hữu vi thì cũng gọi là huyễn. Pháp là huyễn thì khổ tập diệt đạo cũng là huyễn hay sao?

Phật tử tu học thích nghe pháp, thích nói pháp có lợi lạc gì cho chuyện giải thoát không? Nghe một câu thì bạn nói lên mười câu, để chứng tỏ bạn biết hay không

biết và cái tâm ấy phát sinh ra như thế nào?. Nếu quán chiếu được tâm của ta trong từng sát-na sanh diệt thì thì tự nhiên tâm vắng bặt.

Khi ngài Văn Thù hỏi ngài Duy Ma Cật im lặng nói về cái tâm bất nhị, chân lý thì nói không được, nói chi là phương tiện, dễ bị cuốn vào ngôn ngữ. Khi nghe pháp thì bạn hãy lấy ý bỏ lời, nói đều bị giới hạn bởi phạm trù, hình tướng, âm thanh, ngôn ngữ, câu cú. Mỗi một người, mỗi một quốc gia đều có phạm trù riêng, dẫu là nói tiếng việt nhưng cũng là câu nói ấy mà người Việt sống ở Mỹ sẽ suy nghĩ khác, người Việt sống trong nước sẽ có suy nghĩ khác. Cũng câu nói ấy, người mới tu suy nghĩ khác, người tu lâu suy nghĩ khác. Cùng một câu mà ý mỗi người đã không giống nhau. Thế thì chơn tâm, diệu tâm, cái thức nằm chỗ nào? Khi nghe nói bạn khởi tâm lên ưa thích, khởi tâm hoan hỷ thì coi như cảm xúc vi tế đã làm chủ bạn rồi. Thế thì cái gọi là chơn tâm, diệu tâm nằm ở chỗ nào?

Đức Thế Tôn nói: "*Ở trong chẳng đồng vị, vọng chấp thành vị khác với cái vị này, do sự vị mà lập đồng"*. Tướng đồng dị đã sanh, từ đó lại lập ra cái đồng, chẳng đồng chẳng dị nhiễu loạn như thế, đối đãi nhau sinh ra mỏi mệt, lâu mỏi thành trần, tự hỗn tạp lẫn nhau do đó sanh ra trần lao phiền não, khởi dậy thành thế giới, tịch

lặng thì thành hư không, mà hư không thì là đồng, thế giới là dị, do đồng dị lập ra, chẳng đồng chẳng dị ấy là pháp hữu vi.

Tất cả thí dụ đều là pháp hữu vi để cho bạn dễ liễu tri. Cái vốn chẳng đồng dị của bản giác mới thật là pháp vô vi. Bản giác là tánh không, chẳng minh cũng chẳng vô minh. Bản giác tự nhiên là không, chẳng có minh, mà cũng chẳng có vô minh. Năng lượng là năng lượng chẳng dính mắc đến cái ác, cái thiện nhưng tùy theo nghiệp thức biến hiện nên vô minh bắt đầu, giống như người ảo thuật gia**.**

Khi một niệm vô minh móng khởi thì bản giác lìa tánh không sanh ra vọng minh. Giống như nước khi có gió thì khởi sanh ra sóng, tánh không cũng lìa bản giác mà sanh ra ám muội, bản giác sanh vọng minh thì phát ra thức, chỗ phong lập chẳng lay động của thức tinh tức là thủy, tánh không sanh ra ám muội kết tụ sanh ra sắc, tức là địa, trái đất. Địa và thủy nhiễu loạn nhau thành phong, tức là khí quyển, gió. Vì cái tánh không bị ám muội, cố chấp cái năng minh thành ra chướng ngại, tin vọng cho là bản giác là sở minh, năng sở nhiễu loạn, nên vọng có tánh biến hóa của hỏa, hỏa sưng lên nên có hơi thủy tỏa khắp cả mười phương hư không, hỏa bốc lên thủy chảy xuống và giao lộn vọng lập thì thủy ướt

thành biển cả, đất khô thành lục địa. Do nghĩa này, nên trong biển cả hỏa thường xuyên lên, trong lục địa sông ngòi thường chảy; thế thủy kém thế hỏa kết thành núi nên khi đập đá núi thì có tia lửa; thế thủy kém thế lửa thì mọc thành cỏ cây nên khi đốt cỏ cây thì thành đất, vắt ra thì có nước. Tứ đại giao lộn lẫn nhau, vọng sanh ra nhân quả, do nhân duyên này nên thế giới tương tục.

Nói rằng minh hay vô minh, diệu tâm hay chơn tâm thì e rằng cũng chỉ là hý luận. Lại nữa Phú Lâu Na, cái minh hư vọng chẳng phải là cái gì khác do giác minh mà thành lỗi lầm, sở minh đã vọng mà thành lý minh nên có ngành mé (giới hạn, chấp kiến). Vì vậy cho nên chẳng nghe chẳng ra ngoài tiếng, chẳng thấy vượt ra khỏi sắc, sáu thứ sắc thinh hương vị xúc pháp đã lập thì chia ra kiến văn giác tri, cộng nghiệp ràng buộc lẫn nhau có hợp có ly, thành ra do kiến chấp của sở minh khởi sắc tướng, do năng minh kiến chấp mà sinh ra tư tưởng và ý kiến khác với ta thì ghét, đồng với ta thì yêu, gieo cái yêu thành hạt giống thu nạp tư tưởng thành thai giao cấu phát sanh hấp dẫn cộng nghiệp có nhân duyên sanh ra bào thai. Các loại thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh thì theo cảm ứng mà thành. Noãn do tưởng niệm mà sanh. Thai do ái tình mà có. Thấp sanh do hợp mà cảm ứng. Hóa sanh do tách ly mà hiện. Tình tưởng hợp

ly thay đổi lẫn nhau nên các loài thọ nghiệp theo đó mà thăng trầm do nhân duyên này nên chúng sanh tương tục.

Các loài thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh không phải ở bên ngoài mà ở trong tâm thức. Nếu nói rằng vô minh thì cũng không đúng, nếu nói rằng chẳng phải vô minh thì cũng sai. Ở nơi ấy chỉ có nhận chân ra mà không có chấp rằng ta đang nhận chân, buông xả mà không thấy ta buông xả, nếu chấp rằng ta đang buông xả ấy cũng là kiến chấp, ngay nơi kiến chấp rớt vào trong huyễn sự.

Trong Đại Trí Độ Luận, Đức Nữ hỏi Đức Phật: "*Vô minh là gì*"? Đức Phật trả lời: "*Vô minh không từ đâu đến, không từ trong ra, không từ ngoài vào, không từ trên trời rớt xuống, không từ dưới đất chui lên nhưng chỗ nào có vô minh thì chỗ ấy có ái, ngã và hành cứ thế là thập nhị nhân duyên xoay và sinh tử luân hồi không thể nào thoát khỏi.*

Phật tử nghe pháp không hành trì thì không có lợi lạc, có giỏi lắm thì được như con kiến ở trong cánh cửa cổng của Tịnh xá Kỳ Viên. Ngài Xá Lợi Phất thấy con kiến nghe Đức Phật thuyết pháp mà rơi nước mắt vì nó

không tu, chỉ mê ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật nên trong vô lượng kiếp làm con kiến.

Ở trong duyên khởi của kinh Thủ Lăng Nghiêm, con gái Ma Đăng Già dùng pháp thuật để khuyến dụ ngài A Nan nhưng thật ra cái ẩn dụ ở trong kinh, con gái Ma Đăng Già nói về tánh dâm, là cái trần, đoạn dâm đoạn âm là như thế. Ngài A Nan tượng trưng cho đa văn tức là con người ham theo kinh điển đa văn, ham muốn biết nhiều thì chẳng khác nào như ngài A Nan cũng không được lợi lạc gì hết.

Ngài A Nan, cho tới khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn vẫn chưa chứng đắc trong khi con gái Ma Đăng Già mặc dù có tánh dâm quyến rũ ngài A Nan sắp mất giới thể (vì Ngài A Nan lúc đó chưa có chánh định) nhưng khi nàng được Đức Phật giáo hóa thì chứng đắc A La Hán. Như vậy, ngài A Nan tượng trưng cho đa văn mà không bằng con gái Ma Đăng Già có dâm tánh hay sao?

Tu hay không tu là ở chỗ hành trì. Chúng ta ham đa văn nghe kinh điển nhiều, chạy lăng xăng theo cảnh trần. Ma Đăng Già tượng trưng cho cảnh trần, Ngài A Nan tượng trưng cho đa văn. Ngài A Nan phải đợi đến sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn bị ngài Ca Diếp không cho tham gia trong đại hội Kết Tập Kinh Điển nếu chưa

chứng đắc A la Hán. Ngài A Nan cảm thấy hổ thẹn nên nỗ lực tu và chứng đắc sau khi Đức Phật nhập diệt, còn dâm nữ con gái Ma Đăng Già trong khi tánh dâm đầy dẫy đã chứng đắc A La Hán khi Đức Phật còn đang sanh tiền.

Người tu hành trước hết phải có tâm thành hành trì miên mật văn, tư, tu thì mới thành tựu. Qúy vị nghe pháp thích nghe nói hay mà không hành trì thì không có lợi lạc. Đức Thế Tôn chế giới luật cấm tu sĩ không được nói lăng nhăng nếu không đem lợi lạc người nghe. Đức Thế Tôn dạy khi gặp nhau bàn luận chánh pháp có lợi lạc cho người nghe. Các pháp chỉ là ngón tay, nếu không làm cho người ta lợi lạc thì tốt hơn không nói.

Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: Con nghe sư giảng và có hành trì có tư duy để tìm ra lỗi lầm để sửa đổi đi đứng nằm ngồi tập thở và thường xuyên nhắc nhớ quay lại chính ta, và con thấy an lạc, con nghĩ như vậy là tu. Sư cô nói tu như vậy chỉ có phước, xin Thầy chỉ dạy cách tu tập.

Trả lời: Hãy quán chiếu giữa con nhộng và con nhện: con nhộng cuốn cái kén lấy sợi làm tơ, con nhện giăng tơ. Thầy Tổ có dặn: các đệ tử hãy bắt chước làm con

nhện. Mặc dù tơ tằm rất tốt, rất quý nhưng để lấy tơ tằm thì người ta nhúng con nhộng tằm vào nước sôi để lấy sợi tơ dệt tơ lụa. Ngược lại con nhện sợi tơ rất mong manh, nhưng giăng tơ để làm phương tiện bẫy mồi các côn trùng dính vào để có thức ăn sinh sống.

Phật tử hành xử cũng như thế, tất cả chỉ là phương tiện. Trong kinh Duy Ma Cật, ngài Di Lặc nói rằng ta đã được chư Phật thọ ký chỉ còn một kiếp nữa là thành Phật. Thế thì lấy cái mốc điểm nào để nói còn một kiếp nữa Ngài thành tựu trong khi quá khứ đã qua, tương lai thì chưa đến. Qúy vị hãy tu học và sử dụng diệu tâm, đoạn dâm thì phải giữ giới, tu học thì phải hành trì giới luật, giảm sát sanh, thực hành quán chiếu trong chuyện quan hệ vợ chồng để thực hành từ bỏ dần.

Chúng sanh có hai loại: chúng sanh bên ngoài và chúng sanh bên trong.

Chúng sanh bên ngoài là những cái lăng xăng bên ngoài, có tương với chúng sanh bên trong là những niệm sanh diệt. Các pháp bên ngoài và các pháp bên trong đều là những năng lượng tương ưng với nhau như đài radio có sóng tương ưng thì phát thanh.

Pháp tu là thong dong tùy duyên, nếu gây ức chế thì thân tâm không lợi lạc.

Câu hỏi: Hành trì chú Lăng Nghiêm oai lực của chú để trừ ma chướng, có thể tu đắc đạo, Ma Đăng Già nghe chú tu đắc quả?

Trả lời: Sự tu tập tùy theo căn cơ, trì chú mà tâm còn khởi lên dâm thì không đạt được thù thắng. Có nhiều vị phát tâm trì chú Lăng Nghiêm mà không tịnh tâm giữ giới thì tâm dễ bị nhiễu loạn.

Khi ngồi thiền sẽ dễ bị dính mắc vào vọng tưởng chạy lăng xăng, không biết vọng tưởng ấy từ đâu ra, đôi lúc thấy ma, đôi lúc thấy Phật. Tu mà không biết chân tướng của vọng tưởng như thế nào thì dễ bị não loạn.

Trong tất cả các bài giảng đều hướng dẫn cách hành trì, giữ giới không sát sanh, không giết, phát khởi tâm từ. Giữ không trộm cắp, không lấy của không phải của ta. Không nói dối, để tâm không bị nhiễu loạn.

Người tu cần xem xét thói quen mê tín xem phong thủy khi xem nhà cửa hay xây cất.

Câu hỏi: Tại sao dâm tạo ra sinh tử luân hồi?

Trả lời: Bởi vì dâm tạo ra ái ngã, ái nhiễm và luôn huân tập trong tiềm thức nên tạo ra động lực thôi thúc nên khi chết thì lập tức thân trung ấm ao ước, khao khát có một

thân nên bị mê mờ mới có chuyện hành dâm, bất cứ chỗ nào cũng có sinh hoạt về dâm, kể cả con chó con mèo.

Trộm cắp có sinh tử không? Trộm cắp là thấy của, sinh ra tham, phát sinh ra cái ngã và ngã sở, ái ngã thì tham ái hành và thập nhị nhân duyên như thế cứ xoay. Khi nói rằng của ấy là của ta, thân này là của ta nên khi sắp chết sinh ra sợ hãi không thể kiểm soát được, không thể sinh ra định, cho nên thân trung ấm lập tức đi tìm thân khác để tái sanh.

Phật tử cố gắng giữ năm giới tu hành để có lợi lạc thành tựu. Khi thấy rõ thực tướng của các pháp thì không sinh ra phiền não, tâm thanh tịnh

BÀI 19: LỤC MỞ NHẤT TIÊU

Chúng tôi xin tóm tắt lại những bài đã nói về kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Do duyên sự khi ngài A Nan ngộ nạn Ma Đăng Già, vì không lo tu học mà chỉ lo đa văn nên không giữ được định, bị Ma Đăng Già dùng tà pháp quyến rũ. Khi Đức Thế Tôn đưa chú Thủ Lăng Nghiêm để cứu thì ngài A Nan quay trở về, rồi được Đức Thế Tôn chỉ cho biết như thế nào là căn, trần, thức, thất đại? Và cũng hỏi hai lăm vị ở trong đạo tràng bằng cách nào đã chứng đắc A La Hán. Hai lăm vị chứng đắc bằng các cách khác nhau: có người theo căn, người theo trần, người quán tưởng thức, người nhờ thất đại ... Gồm: lục căn + lục trần + lục thức = mười tám + thất đại = hai lăm, nên có con số hai lăm vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn đã chứng đắc Alahan, hai lăm cách khác nhau nhưng kết quả cuối cùng là liễu trừ kiết sử phiền não.

Chúng ta đã cũng học ngũ ấm Như Lai Tạng, không là duyên sanh, không là tự nhiên, ngũ ấm là biến tướng của chân tâm. Có danh từ: "ngũ ấm ma" là sao? Đó chỉ là do biến tướng, chỉ là danh từ, thực chất là thanh tịnh, là Như Lai Tạng. Vạn pháp thực tướng vốn là thanh tịnh. Do khởi lên một vọng là sinh ra đủ thứ như: cỏ,

cây, nhà, cửa ... còn vắng lặng thì không sinh ra cái gì, mà vào nơi chân không thường trụ.

Bài này chúng ta học về đề tài Lục Mở Nhất Tiêu. Lục mở là sáu căn của ta gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Con mắt nhìn là khởi lên cái ý, liền theo đó là tay, chân... cái thân hoạt động theo, cái miệng cũng nói, chân tay thì vung vẩy theo... các căn đều tương ưng, bị lôi kéo vào trong con mắt. Nghĩa là trong hai lăm vị A La Hán đã tu thuần thục nên các Ngài chỉ cần dựa vào một cái để thành tựu, vì khi quán chiếu được một cái thì năm cái kia cũng sụp đổ. Chúng ta đã biết lục thức là do lục căn và lục trần giao thoa, nên người tu không thể bỏ lục trần được.

Với lục căn chúng ta có thể chi phối nên dựa vào đó để tu. Ngài A Nan nói rằng: "*Chúng con từ vô thuỷ tới giờ đều vô minh, mặc dù có chút thiện căn từ kiếp trước nên kiếp này được thành đa văn, mang tiếng là xuất gia mà sự tu như người sốt rét cách nhật, lúc có lúc không. Nên xin sám hối và mong được Đức Thế Tôn chỉ dạy cho cái thắt kết của thân tâm hiện hữu, làm sao mở được để cho chúng sanh trong đời vị lai ra khỏi sanh tử luân hồi*".

Đức Thế Tôn thương xót A Nan nên chỉ dạy: "*Lành thay; A Nan, ngươi muốn biết cái cầu sinh vô minh là gốc kết thắt khiến ngươi lưu chuyển trong sanh tử chính là lục căn của ngươi chứ chẳng phải gì khác. Ngươi lại muốn biết quả vô thượng Bồ-đề khiến mau chứng quả, tự tại giải thoát tịch lập thường trụ ấy cũng chính là lục căn của ngươi cũng chẳng là gì khác*".

Nghĩa là lục căn tự tánh là thanh tịnh, không có thực. Nhưng khi tâm con người khởi lên ví dụ như ta nhìn là nhãn căn tương ưng với trần bên ngoài là nhãn thức xuất hiện vì có căn, có trần thì thức xuất hiện. Nhưng cái thức về hình ảnh đó đã sẵn có trong đầu chúng ta rồi. Cái thức đó khơi dậy những thức đã có, do chúng ta được nhồi sọ, huân tập để suy nghĩ, hành xử, nhận diện về mọi vật trong cuộc sống.

Câu chuyện về bông hồng: bông hồng, thực tế không phải là màu hồng mà là tất cả các màu trừ màu hồng, vì tia ánh sáng trắng có rất nhiều màu khi chiếu vào bông hồng thì lập tức bông hồng hấp thụ tất cả các màu, ngoại trừ có một màu không hấp thụ là màu hồng và màu hồng ấy phản chiếu vào võng mạc đằng sau cái tròng đen nơi con mắt, rồi từ nơi võng mạc dẫn lên nơi trung khu thị giác thần kinh là nơi ghi nhận các tín hiệu của con mắt. Khi mới sanh ra bố mẹ nói là màu hồng, lớn lên bạn bè

nói là màu hồng, đi học cô giáo nói là màu hồng, báo chí nói là màu hồng. Do chúng ta bị môi trường xung quanh gọi là màu hồng nên trong đầu cũng mặc định là màu hồng. Bông hồng đó, tự tánh vốn thanh tịnh. Căn trần tự tánh vốn là thanh tịnh, nhưng chúng ta khởi niệm nên gán ghép rồi gây nên phiền não.

Trong kinh Kalama Đức Thế Tôn dạy: *Đừng nghe cái gì thiên hạ nói, đừng nghe những gì kinh sách nói, đừng nghe những gì truyền từ đời này xuống đời kia, kể cả những điều ông Phật nói cũng đừng tin. Mà hãy thử nghiệm những điều ấy vào trong cuộc sống hàng ngày, nếu lợi lạc cho con đường tu học, làm cho cuộc sống được an lạc thì đó mới là chân lý.*

Câu chuyện vị Tăng leo cây: có các vị Tăng vào rừng tu học thường ngủ trên cây, nhưng vì các vị Tăng không

mặc đồ lót nên không trang nghiêm và bị dân khiếu nại. Nên Đức Thế Tôn mới chế luật nói các vị Tăng không được leo cây. Một lần có vị Tăng bị cọp rượt nhưng sợ phạm giới luật nên vừa chạy vừa la to Phật dạy Tăng không được leo cây, ta không được leo cây... nên đã bị cọp ăn thịt. Vì thế nên Đức Thế Tôn lại chế thêm luật là Tăng – Ni không được leo cây ngoại trừ khi bị cọp rượt.

Cái gọi là căn bản vô minh là gốc thắt kết khiến cho con người lưu chuyển trong vòng sinh tử chính là lục căn và khởi cái tâm muốn vô thượng Bồ-đề cũng là lục căn. Muốn làm ma cũng nơi lục căn, muốn làm Phật cũng do nơi lục căn. Câu chuyện Thiền sư người Nhật thấy người đàn bà Nhật đang tắm dưới sông. Khi đi ngang qua Thiền sư liền kính cẩn ngã nón chào, khi người đàn bà tắm quay lại ông ta nhìn thấy hết thân thể. Các đệ tử đi cùng khiếu nại là thầy dạy chúng con không nên mà sao thầy lại nhìn kỹ thế? Rồi lại còn ngã nón chào? Vị Thiền sư nói: "*Các ngươi không hiểu kể cả chư Phật cũng từ chỗ ấy mà ra*".

Đừng nghe âm thanh mà "tưởng" rồi bị dẫn dắt vào sinh tử. Có một thí nghiệm: mỗi lần cho ăn là reng tiếng chuông, sau đó chó không được ăn nữa mà đến bữa ăn thì chỉ nghe tiếng chuông reo nhưng chó vẫn tiết ra dịch vị trong bao tử như đang ăn. Nghĩa là nếu chúng ta được

huân tập thì cũng như vậy, nếu huân tập tính xấu thì sẽ khởi lên ô nhiễm và ngược lại. Người tu tập nên luôn làm những điều thiện, luôn tránh xa những điều ác, để rồi từ từ sẽ ngộ ra.

Ngài A Nan hỏi Phật: "*Tại sao khiến con bị sanh tử luân hồi cũng là lục căn mà khiến con giải thoát cũng là lục căn*"? Phật nói: "*Căn trần là gốc, thắt mở thì chẳng hai, tính thức hư vọng như hoa đốm trên không. A Nan do trần phát tri vì căn kiến tướng, kiến và tướng chẳng có tự tánh, như những cây sậy gác vào nhau cho nên ngươi nay thành tri kiến thành tri, tức là căn bản của vô minh, nếu đối với tri kiến chẳng trách là tri kiến ấy tức là Niết-bàn trong sạch vô lậu, làm sao trong đó có thể dung nạp vật gì khác*".

Nghĩa là căn, trần, thắt, mở cũng chẳng là hai. Căn với trần cùng gốc. Thắt hay mở cũng thế, nên tính thức hư vọng cũng giống như hoa đốm trên không. Con mắt đau thì thấy hoa đốm trên không. Vậy hoa đốm do con mắt có? Hay do trên không mà có? Nếu liễu tri mà thấy thực tướng của các pháp thì nói cái gì cũng đúng. Nếu không liễu tri thì không thấy được nên nói gì cũng sai. Nhìn thấy thực tướng của các pháp là không chấp, có dung nạp nhưng không chấp.

Bấy giờ Thế Tôn mới nói bài kệ: "*Chơn tánh hữu vi không, duyên sanh cố như huyễn, vô vi vô khởi diệt, bất thạch như không hoa, ngôn vọng hiện chư nhơn, vọng chơn đồng nhị vọng do vi chơn vi chơn, vân hà tiễn sở kiến*". Tất cả chỉ là danh từ mà nếu chấp thì mắc kẹt. Tánh hữu vi vốn là không, thực tướng là thanh tịnh, duyên sanh nên như huyễn. Vô vi không sanh diệt, nói vọng để lộ chơn ra, chứ vọng, chơn là hai. Trong kinh Duy Ma Cật nói: "*Pháp tối thượng thừa là pháp bất nhị*".

Tất cả chỉ là phương tiện để quán chiếu tâm. Nếu chấp là chân lý thì mắc kẹt, vọng chơn đều không có, như sóng và nước, về thực thể là một, về tướng là hai, vậy nói hai là sai, nói một là trật, bất khả tư nghì, thấy mà cảm nhận thôi.

Không hữu thảy đều sai, mê muội tức là vô minh, phát minh liền giải thoát, mở thắt theo thứ tự, lục mở thất tiêu, chọn căn nào viên thông. Nếu chấp là có tâm cũng kẹt mà chấp là vô tâm thì như gỗ đá. Chấp huyễn thành huyễn, chấp phi huyễn thành phi huyễn. Phi huyễn chẳng còn sanh thì pháp huyễn làm sao lặn. Ví dụ âm thanh ở trong đàn do đâu mà phát ra âm thanh? Do ngón tay đã điêu luyện, nhuần nhuyễn nên hay.

Người tu cũng vậy muốn nghe pháp phải siêng năng, tinh tấn mới hiểu được và phải thực hành.

Lục căn làm nhiễu loạn cũng lục căn mở không khởi tâm tạp niệm, thì thấy ngay thực tướng của các pháp. Cho nên vọng tức chơn, chơn tức vọng. Muốn làm ma cũng nơi lục căn, muốn làm Phật cũng nơi lục căn. Diệu tâm, chơn tâm nói không hết được, nhưng chữ diệu là chuyển thức thành trí, làm cho sáng tỏ mà thể nhập được vô thượng Bồ-đề.

Ngài A Nan và đại chúng nghe lời dạy của Đức Thế Tôn rất mừng nhưng tâm vẫn chưa thấu nghĩa được làm sao là lục mở nhất tiêu, xin Phật chỉ dạy. Phật lấy cái khăn bông của cõi trời dạ ma cúng Dường thắt một cái nút kết rồi hỏi ngài A Nan: "*Đây là cái gì*"? A Nan trả lời: "*Đó là cái nút kết*", rồi tháo ra kết lại cái nữa lại hỏi, thắt sáu lần đều hỏi và trả lời như vậy.

Phật nói: "*Các ngươi nói gì lạ vậy? Khi ta mới thắt cái khăn thì ngươi gọi là thắt kết. Khăn bông thì chỉ có một, tại sao ta thắt đến lần thứ nhì, lần thứ ba... ngươi vẫn gọi là thắt kết*. Ngài A Nan nói: "*Khăn dù chỉ có một, Như Lai thắt một lần thì gọi là cái thắt kết, nếu thắt một trăm lần thì gọi là một trăm cái kết, huống là khăn này chỉ có sáu không lên đến bảy, cũng không ở năm.*

Tại sao Như Lai chỉ cho cái đầu tiên được gọi là thắt kết còn cái thứ hai, thứ ba thì không thể gọi là thắt kết"? Phật bảo Ngài A Nan: "*Ngươi biết khăn bông này chỉ có một mà thắt sáu nút thì gọi là sáu kết. Vậy thì ngươi hãy xem xét kỹ, bản thể của khăn là đồng mà do thắt kết thành khác*".

Nghĩa là bản thể của lục căn là đồng như nhau, mắt, tai, mũi đều giống nhau. Nhưng mà do thắt kết mà thành. Vậy thắt kết là gì? Cái thắt đầu tiên thì gọi là kết thứ nhất cho đến cái thứ sáu vậy thì gọi cái kết thứ sáu là đầu có được không? Ngài A Nan bạch Thế Tôn: "*Sáu kết nếu còn thì phải gọi là cái thứ sáu, không thể gọi là cái thứ nhất. Dẫu cho con có biện tài cũng không thể nói lộn cái thứ nhất thành cái thứ sáu được*". Phật nói: "*Đúng thế; sáu kết chẳng đồng, chỉ do một khăn tạo ra, nhưng muốn cho sáu kết đảo lộn tên gọi thì chẳng thể được. Lục căn cũng như thế; trong rốt cuộc đồng, sanh rốt cuộc khác, người ắt chê sự khác nhau của sáu kết mà mong muốn thành đồng thì làm sao có được*".

Nghĩa là bản chất của các căn đều là thanh tịnh, nhưng khi kết ra thì lại khác, mắt, tai mũi, lưỡi đều khác, mà muốn cho sáu căn ấy giống hệt như nhau thì làm sao? Ngài A Nan nói: "*Thắt kết nếu còn thì thị phi móng khởi, tự sanh ra phân biệt kết này chẳng phải kết kia,*

kết kia chẳng phải kết này, nếu hôm nay giải toả hết thì thắt kết chẳng còn sanh nữa thì không có bỉ thử. Một còn không có, làm sao có sáu"? Nghĩa là nhãn căn thì không phải là nhĩ căn, là khởi lên sự phân biệt. Nếu hôm nay giải toả hết thì thắt kết chẳng còn sanh nữa thì không có bỉ thử. Một còn không có, làm sao có sáu.

Phật nói: "*Cái nghĩa lục mở nhất tiêu cũng như thế; Do tâm ngươi cuồng loạn từ vô thuỷ vọng sanh tri kiến sanh mãi không thôi, như con mắt ngó lâu mỏi mệt phát ra những cái lặng lẽ, trong cái lặng lẽ mà có hoa đốm là giả... Các tướng thế gian như núi, sông, sanh, tử, Niết-bàn đều là thứ hoa đốm điên đảo do mỏi mệt mà phát sinh*".

Ngài A Nan hỏi: "*Cái mỏi mệt này cũng như cái thắt kết kia thì làm sao mở*"? Như Lai cầm cái khăn kéo lên bên trái rồi hỏi: "*Thế này có mở được không*"? Ngài A Nan nói: "*Không*"; kéo bên phải cũng nói không; Phật bảo: "*Nếu ta lấy tay kéo hai bên không mở được thì ngươi có cách nào để mở*"? Bạch Thế Tôn: "*Nếu mở ngay trung tâm thì cái thắt kết nó tan rã ngay*". Tức là người tu nếu nhìn rõ trọng điểm ở chỗ nào, đập ngay chỗ ấy thì cái nhà sập ngay, nhà chính là nghiệp, thắt kết, nhà vọng tưởng điên đảo... sập ngay.

Phật nói: "*Đúng thế; đúng thế, muốn giải toả thắt kết thì phải mở nơi trung tâm thắt kết. A Nan, ta thuyết pháp từ nhân duyên ra, chẳng phải lấy tướng thu hoà hợp của thế gian. Như Lai phát minh pháp thế gian và xuất thế gian đều biết rõ bản nhân của nó là theo sở duyên gì mà ra, cho đến quá trình một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới, trước tất các thứ tồng thẳng, gai công, cò trắng, quạ đen đều rõ nguyên do. A Nan, Ta tuỳ ngươi cho chọn một căn nơi lục căn để giải toả được gốc căn thì tướng trần tự diệt, vọng tưởng liền tiêu, vậy chẳng phải chơn là gì*".

Nghĩa là đi tìm chơn tánh không tìm nổi, thì bây giờ học phép loại trừ tất cả vọng tưởng điên đảo, loại trừ tất cả nhiễm ô của căn trần thì tự nhiên chân nhơn hiển lộ. Đức Phật nói: "*A Nan, ta lại hỏi ngươi cái khăn sáu kết này cùng một lượt mở ra có được không*"? Ngài A Nan nói: "*Không; các kết này kết có thứ tự, mở cũng phải có thứ tự, mặc dù rằng sáu kết thì đồng một thể nhưng thắt thì cùng chẳng một thời*". Tức là khác thời gian, giống như quá khứ nhiều kiếp chúng ta đã tạo ra, chúng ta không thể mở cùng một lúc được. Phật nói: "*Giải toả lục căn cũng như vậy, căn này vừa giải toả được thì nhân ngã không, nếu tánh không sáng tỏ thì pháp ngã giải thoát, thành tựu giải thoát xong thì cả hai thứ*

không đều chẳng sanh, ấy gọi là tam ma địa, chứng vô sanh pháp nhẫn".

A Nan và đại chúng nghe Phật khai thị tuệ giác viên thông chẳng còn nghi hoặc chắp tay đảnh lễ nói rằng: "*Dù đã ngộ được nhất lục đều tiêu nhưng chưa thấu đạt nguồn gốc của viên thông chúng con bị trôi lăn nhiều kiếp, ngờ đâu được làm con Phật như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, nhân cơ hội này mà được thành đạo, được mật ngôn của Phật đồng với bổn ngộ của con thì mới tự rõ nghe và chưa, nghe chẳng có sai biệt. Xin Phật khai thị cho chúng con*".

Phật nói: *"Tuệ giác viên thông nghĩa là lục mở nhất tiêu và đắc vô sanh pháp nhẫn, do lục mở nên thân được vô ngại. Do nhất tiêu nên tâm được vô ngại, dù chưa đến nơi lục căn thanh tịnh nhưng nhỏ nhất là lục tiêu thì nhất diệt đã rõ ràng không nghi hoặc*". Nhưng ngài A Nan vẫn chưa ngộ được cái nguồn gốc của viên thông ở đâu? Chưa biết căn nào viên thông nhất trong sáu căn cho nên mới hỏi xin Đức Thế Tôn khai thị.

Trong hai lăm vị đại đệ tử chứng đắc A La Hán có một vị Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài nương nơi tánh nghe thù thắng, nên đã được ngài Văn Thù tán thán. Vì cái nghe không bị giới hạn bởi tường, bởi ánh sáng hay

phạm trù hay vị trí, con mắt chỉ nhìn được đằng trước mà không nhìn được đằng sau, chỉ nhìn được lúc sáng mà không nhìn được lúc tối. Nhưng lỗ tai thì sáng, tối đều nghe, có cách tường cũng nghe được. Nên cái tánh nghe rất là thù thắng, nên nói chỗ đó là chỗ viên thông. Lục nhập là gì? Ví dụ khi bạn đi vào chùa, vào chánh điện, vừa thấy con mắt là nhãn căn thấy tôn tượng của Phật ở trên cao thì thân bạn chắp tay lạy cùng với miệng niệm Phật rồi thân quỳ lạy với ý hoan hỷ, đó là một là sáu, hay sáu là một, để quí vị suy nghĩ?

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 20: GIỚI TỊNH LỤC CĂN

Lục mở nhất tiêu là sáu căn của ta: mắt, tai, mũi,… ngửi, xem, nghe… đó là sáu cái. Khi mở ra được tức là thông thoáng, không còn mắc kẹt nữa thì nhất tiêu chính là cái tâm cũng ra, không còn vướng mắc nữa, nhất đó là một, đó là cái tâm, còn sáu căn ví dụ như con mắt. Khi ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già, quay trở lại thì Đức Thế Tôn mới hỏi: "*Ông vì duyên cớ gì mà đi tu*"? Ngài A Nan mới thưa: "*Bạch Đức Thế Tôn, con vì thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp nên con khởi tâm ưa thích cho nên con đi tu*".

Ngài A Nan nói rằng: "*Con vì thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp*" thì Đức Thế Tôn mới hỏi: "*Ông lấy cái gì để thấy*" thì ngài A Nan mới nói: "*Con lấy con mắt để thấy*". Không có con mắt làm sao thấy, vậy con mắt tức là nhãn căn, tức là sáu cái cửa, chúng đều mắc kẹt, mũi, mắt, tai. Ví dụ tai ta nghe âm thanh, mà nếu ta nhận diện chỉ là âm thanh thì cái ấy là cái tánh nghe, còn ta khởi lên phân biệt, nghe có tiếng hát thì thích, thì vui, tiếng chê thì buồn; thì cái vui buồn đâu có phải lỗi của âm thanh. Con mắt cũng thế, nhìn lung tung, thế thì cái gì gọi là lung tung điên đảo - ở đâu ra?

Cho nên Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan: "*Ông lấy cái gì để thấy*" thì ngài A Nan nói: "*Con lấy mắt để thấy*" và "*ông lấy cái gì để khởi tâm ưa thích*" thì nói "*con khởi tâm*".

Đức Phật mới hỏi tâm và con mắt dính mắc ở chỗ nào, tại sao con mắt thấy thì cái tâm ưa thích. Đấy là cái cách tu. Nếu bạn nhận ra phiền não hay Bồ Đề cũng từ nơi mắt, nơi tâm. Chúng ta đã nhận ra con mắt ở đâu chưa? Cái tâm ở đâu chưa? Con mắt ở đâu? Chắc chắn có người nói con mắt ở trên mặt.

Khi Đức Thế Tôn hỏi thì ngài A Nan cũng nói con mắt ở trên mặt, con mắt của các vị khác cũng ở trên mặt, mà con mắt của Đức Như Lai cũng ở trên mặt tức là nói con mắt thấy nhưng bảy lần hỏi thì Đức Thế Tôn chỉ cho, cho nên cái thấy đó không nằm ở trong con mắt. Người chết con mắt vẫn còn, tại sao không thấy? Rồi người mù không có mắt nhưng tại sao lại thấy? Thế thì con mắt có phải là cái thấy hay không? Cái thấy là do con mắt hay là do cái thứ gì?

Lục là sáu, sáu cái căn, sáu cái căn là tai, mũi, mắt,… các cái thứ ấy mà thông thoáng tức là không còn vướng mắc. Con mắt thấy nhưng không khởi lên một niệm phân biệt, ưa thích hay là chê bai, biết cái pháp của thế

gian là như thế mà không trú vào đấy, không khởi phân biệt. Một niệm cũng không có sanh thì trí tuệ phát sinh, mà các chư Phật đều nhờ vào trí tuệ mà sanh ra và thành tựu.

Sáu cái căn thông thoáng thì cái tâm ưa thích như ngài A Nan nói là con thấy dùng con mắt để thấy, mắt đại diện cho một căn, thế thì sáu căn cũng thế, mắt mũi này kia cũng thế thôi, bạn cứ áp dụng như thế và sẽ suy ra.

Rồi nói nhất tiêu là cái gì, là một cái tâm, thế thì tâm ấy là tâm gì, chạy theo sáu căn. Khi khởi con mắt lên thì có tâm ưa thích, thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tức là dùng con mắt để thấy thì khởi cái tâm ưa thích thì cái tâm ấy là cái gì, tức là theo duyên. Có thấy cảnh thì tâm sanh, đó là tâm duyên sanh. Hễ tâm duyên sanh là tâm không có thực, nhưng cố chấp là thực thành thử ra sống trong điên đảo, mà sống trong điên đảo thì sao ra khỏi sanh tử luân hồi, ra khỏi ba cõi sáu đường?

Thủ Lăng Nghiêm nói là sáu mở thì nhất tiêu là như thế, tức là khi sáu cái cửa ấy mở, thông thoáng, thì tâm gọi là tâm bỉ thử, tâm này tâm kia gá nghĩa theo đấy thì cũng thông luôn. Thế thì bài này chúng ta học giới.

Ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói là dùng giới để mà tu. Phải có năm giới của người Phật tử giữ cho nghiêm túc, bốn giới trọng của người tu sĩ thì phải giữ cho đúng thì sẽ trong sáng, sẽ không có tạo ra ba cái thân - khẩu - ý, không tạo ra nghiệp nơi ba cái thân - khẩu - ý, đã không tạo ra nhân thì làm sao có cái gì sanh quả. Nếu tâm không duyên theo sắc, thanh, hương, vị, xúc thì ma sự làm sao có thể sanh khởi được.

Ví dụ nếu có tạp khí từ xưa đến nay thì rất là khó diệt trừ, thấy ai cũng chê bai, thấy ai cũng công kích, thấy ai cũng dốt hơn ta. Thế thì cái tạp khí đó làm sao trừ, thì phải nhất tâm trì tụng, *Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La vô thượng thần chú*, tức là chú Lăng Nghiêm. Chú này là do vô kiến đảnh tướng Như Lai từ nơi đỉnh đầu hiện ra vô vi tâm Phật, ngồi trên bửu liên hoa. Cái chú ấy có tác dụng gì? Cái chú ấy là hướng cho hành giả ngay lập tức quay trở lại cái tâm của ta, quán xét trong từng sát-na, sanh diệt cho nên chú này rất là quan trọng. Khi tụng chú này thì chư Thiên sẽ đến hộ trì cho người tụng chú.

Bây giờ chúng tôi cho một ví dụ, bạn sẽ thấy ngay cái diệu dụng của chú và cái tâm. Cũng câu chú ấy ngài Văn Thù đọc thì ngài A Nan trong lúc đang kề cận, dựa má, dựa vai với người đẹp, khi nghe câu chú ấy thì lập tức

tỉnh mộng ngay. Thế thì câu chú ấy có tác dụng rất vi diệu như thế, tức là khi cái tánh của ta khởi lên điên đảo thì lập tức với câu chú này thì quay trở lại với cái bản thể thanh tịnh, sống trong sự thanh tịnh thì sẽ không bị lôi kéo bởi ngoại cảnh, cho nên thần chú Lăng Nghiêm rất vi diệu ở chỗ này.

Chúng tôi chỉ nói tới cái dâm là một thí dụ, còn có những cái khác nữa thí dụ như mắt, tai, mũi,… các thứ mà đều bị sắc thinh, hương, vị, xúc quyến rũ, thì những cái ấy vẫn có thể dùng chú Lăng Nghiêm để trì tụng, và thường thường ở trong chùa thì các Tăng Ni ngày nào cũng trì tụng chú Lăng Nghiêm tại vì chú Lăng Nghiêm soi về cái tâm, chỉ cho hành giả biết cái tâm là cái gì, ở chỗ nào? Nếu hành giả không chạy theo cảnh bên ngoài thì đương nhiên là quay trở về sống với cái bản thể thanh tịnh của ta.

Câu hỏi ở đây là tại sao ngài A Nan nghe câu thần chú ấy thoát khỏi nạn Ma Đăng Già, nhưng phải đợi đến lúc Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi mà ngài A Nan vẫn chưa chứng đắc, phải đợi đến ngài Ca Diếp đuổi ra khỏi kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất, thì mới cố gắng tu thì chứng đắc A La Hán? Ngược lại Ma Đăng Già nghe câu thần chú này mất hẳn lòng yêu mến với A Nan mà chứng đắc A La Hán. Nàng này là một dâm nữ không

có biết gì về tu hành nhưng nhờ thần lực của thần chú này mà được chứng. Cho nên Phật khuyên là hàng thanh văn cầu tối thượng thừa nhất định thành Phật thì đâu có cái gì ngăn ngại. Nếu người đời muốn ngồi đạo tràng thì trước hết phải giữ giới trong sạch, nếu không giữ giới trong sạch thì không thể thành tựu. Cho nên người nào muốn tu học thì phải giữ giới thanh tịnh và tịnh chú Lăng Nghiêm. Chú Lăng Nghiêm có tác dụng chuyển hóa cái tâm dâm, để chuyển biến thành ra trí tuệ, người nào có hành trì thì có lợi lạc. Ngài A Nan sau khi được chú Lăng Nghiêm lại không để ý. Trong khi đó dâm nữ Ma Đăng Già nghe câu chú ấy, chú tâm vào đấy và chứng đắc A La Hán.

Thế thì người đa văn có lợi lạc gì? Đa văn như ngài A Nan còn chưa thấy cái diệu dụng của chú này, cho nên cũng vẫn còn lang thang, đi học tiếp, kiếm cái này cái kia học. Cũng giống như chúng ta đi hết đạo tràng này đến đạo tràng kia, tưởng rằng có một đạo tràng nào đó có một triết lý, giáo lý nào đó vi diệu, chỉ cần nghe xong là hoát nhiên đại ngộ thì những người ấy giống như trong kinh Pháp Hoa, anh chàng Cùng Tử có viên ngọc trong chéo áo mà đi ăn xin.

Ta có trí tuệ mà cứ chạy hết đạo tràng này đến đạo tràng khác, nói rằng cái đạo tràng này không có trí tuệ,

nói không hay, đi đến cái đạo tràng khác người ta nói cũng không hay, ta chạy vòng vòng giống như anh chàng Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa có viên ngọc trong chéo áo mà đi ăn xin.

Thế tại sao ta lại nói rằng lời nói của bậc thánh hiền, hay là lời nói của chư Phật làm cho ta nghe không lọt lỗ tai? Tức là ngay nơi lục căn, mắt tai mũi, lỗ tai nghe âm thanh nhưng khởi tâm, khởi tiềm thức lên có đúng có sai, có ưa có ghét, có phân biệt. Âm thanh thì tự tánh vốn là thanh tịnh. Bản chất của các pháp vốn là bình đẳng, không cao không thấp, vốn là thanh tịnh, hà cớ gì người nghe khởi tâm ưa thích hay là ghét bỏ, khởi tâm buồn phiền hay hoan hỷ. Ở chỗ nào sinh ra mấy cái thứ ma quỷ ấy?

Khi ngài Cấp Cô Độc bàn giao tịnh xá cho ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất đến nơi quán chiếu thấy con kiến ngay trước cửa, ngài rớt nước mắt. Ngài Cấp Cô Độc hỏi duyên cớ thì ngài Xá Lợi Phất nói: "*Không! Tịnh xá ông xây cho Đức Thế Tôn tuyệt vời, không có điểm nào chê được hết nhưng ta khóc vì ta thấy có một con kiến ở ngay cái cổng. Trong vô lượng kiếp, chỗ nào có Đức Phật ra đời, đều đầu thai đến để xem, vì mê thích ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của chư Phật cho nên cứ đến xem. Nhưng Phật nói gì thì nghe*

nhưng không lấy cái tâm ra để suy tư và cũng không có hành trì đúng như lời Phật dạy, tức là chỉ đến mà xem thôi, chỉ văn thôi chứ không tu, không tư, cho nên trong vô lượng kiếp vẫn chỉ là con kiến".

Chúng ta thử quán chiếu lấy cái tâm thành thật, lấy trực tâm để quán chiếu ta. Chúng ta đã tu học như thế nào. Ở trong đạo tràng này rất nhiều vị lăng xăng chẳng khác nào là anh chàng Cùng Tử có viên ngọc trong chéo áo mà đi ăn xin.

Tự tánh các pháp vốn là bình đẳng, có cái nào hay có cái nào dở, tự tánh vốn là thanh tịnh thì có cái nào dơ uế đâu mà tại sao ta khởi lên cái tình niệm chê cái này chê cái kia, thích bên đây nghe bên kia rồi chê dở đủ thứ. Ở trong đạo tràng cũng có những đạo tràng chỉ tụng kinh thôi, chỉ nghe chuông thôi nhưng bạn có biết rằng chuông cũng là một pháp hay không? Nếu bạn học cho tới ngày hôm nay thì đã biết âm thanh, âm thanh tức là trần, cái lỗ tai tức là nhĩ căn, tạo ra cái biết của cái nghe tức là nhĩ thức. Thế thì những cái ấy là ở đâu mà ra? Cái âm thanh là âm thanh mà tại sao ta lại khởi nên cái niệm là âm thanh đó dở, âm thanh kia hay rồi lại buồn phiền, rồi lại hoan hỷ hoặc là ưa thích hay là ghét bỏ. Thế thì những cái tạp niệm ở đâu lăng xăng, ở đâu mà ra? Do cái âm thanh ra hay do cái lỗ tai, hay do cái nhĩ thức?

Nhĩ thức không phải là cái tánh biết thực sự, chỉ là cái biến hiện ra mà thôi, là cái thức chứ không phải là cái diệu tâm từ nơi chân tâm biến hiện ra.

Cái thức giống như là một loại tiền trần. Khi bạn dẹp tan cái thức, bằng các phương tiện chẳng hạn như là niệm Phật, trì chú, ngồi thiền, chỉ đè được cái tiền trần ấy thôi chứ chưa thể nhập được với cái chơn như thanh tịnh tức là cái tánh rỗng rang, cái tánh luân chuyển rỗng rang của vũ trụ, bạn chưa thể nhập được với cái đạo.

Đạo Phật, đạo Hồi, đạo Thiên Chúa,… tất cả cũng chỉ là phương tiện để dẫn dắt con người. Giáo lý các nơi cũng chỉ có một thôi, đó là dẫn dắt con người để nhìn thấy đạo vũ trụ. Đạo vũ trụ không nói một lời nhưng vận chuyển theo đúng quy luật, thế thì lỗ tai bạn nghe, cái âm thanh thì âm thanh, hà cớ gì khởi lên cái niệm ưa thích hay là ghét. Thế thì phiền não ở đâu mà sanh ra. Cho nên ở bài trước chúng ta học tới đề tài lục mở nhất tiêu, sáu cái căn được thông thoáng thì cái tâm dính mắc cũng được thông thoáng luôn.

Khi Đức Phật hỏi ngài A Nan: "*Ông vì duyên cớ gì đi tu*" thì ngài A Nan nói: "*Con vì thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp nên con khởi tâm ưa thích mà đi tu*" thì Đức Phật hỏi tiếp: "*Thế thì*

ông lấy cái gì để thấy và cái tâm ưa thích đó nằm ở đâu". Hỏi tới hỏi lui ngài A Nan đều trả lời sai và cũng không lấy cái trực tâm ra để trả lời. Ngài A Nan làm cái việc ấy không phải vì ngài A Nan không biết, thực sự ra nếu bạn ngồi lại quán chiếu bạn sẽ biết là ngài A Nan biết đấy chứ, chứ không phải không biết. Ngài A Nan hỏi như thế là thị hiện ra như thế, hỏi như thế để hỏi thay cho chúng ta.

Chúng ta là những người con của Phật, ở trong cái thời Mạt Pháp lăng xăng điên đảo, chạy hết chỗ này đến chỗ kia, nói là cái giáo lý này không hay, giáo lý kia hay thì ngay lập tức chúng ta đã phát hiện ra cái gọi là tâm phân biệt. Và ở trong cái tâm phân biệt ấy có một cái nguy hiểm là cái ngã. Cái ngã, ái ngã và nhiễm vào trong đó là thập nhị nhân duyên xoay. Cũng như thế, khi chúng ta nói rằng cái chúng tôi nghe là hay, cái điều này là dở thì lập tức có ngã, ngã sở, và hễ có ngã, ngã sở thì đương nhiên là ái ngã, tham ái và cứ như thế là sanh tử luân hồi. Thế nên nếu chúng ta tu sáu căn tức là mắt tai mũi, lúc nào cũng thấy như thị, tức là thấy rõ ràng thực tướng của các pháp là như thế, không khởi lên một niệm, không chạy theo và cũng không thối lui, thì tất cả những cái ấy là không bị ảnh hưởng nơi trần.

Bản thể của các pháp đều là thanh tịnh. Một cô con gái hay là một người đàn ông cũng giống như nhau. Trong bài trước chúng tôi có nhắc nhở bạn nghe câu chuyện, chắc bạn còn nhớ câu chuyện của Thiền sư Ikoto. Thiền sư thấy cô con gái ở chùa đi tắm thì Thiền sư giở nón chào, đứng đối diện mà không có né tránh. Đệ tử hỏi: "*Tại sao thầy lại làm như thế, thầy nhìn chằm chặp vào cô con gái đang ở truồng, nhìn từ đầu đến chân, như vậy là sao*" thì Thiền sư nói rằng "*Các ngươi không biết, chư Phật ba đời kể cả Đức Phật Thích Ca cũng từ cái chỗ đó mà ra*".

Thế thì chỗ đó là gì? Chỗ đó là nhìn rõ thực tướng của các pháp mà không dính mắc, chứ không phải là bạn nói rằng nhìn cô con gái ở truồng là nhìn cái chỗ đó. Chỗ đó là chỗ nào? Khởi lên vọng tình điên đảo phải không? Nghe giảng sư nói rằng nhìn vào chỗ đó là lập tức cái tâm ta khởi lên cái niệm là cái chỗ đó là cái chỗ đó, thế thì trật lất rồi, sai bét rồi, mà cái chỗ đó tức là nhìn vào thực tướng của các pháp, biết rõ như thế nhưng không khởi một niệm, cho nên không chạy theo, cái tâm không phát sinh, tâm điên đảo không phát sinh căn trần giao thoa. Căn đã thanh tịnh rồi thì trần thì mặc kệ trần, không có dính mắc nữa, tức là tu cái căn, khi cái căn đã được thanh tịnh rồi thì không chạy theo cảnh.

Nếu mà cái lỗ tai không chạy theo cảnh thì không khởi phiền não. Con mắt mà không chạy theo cảnh thì không ưa, không thích, không ghét, không thương. Cái mũi cũng thế, nếu tu thuần thục thì ngửi mùi nào cũng giống như mùi đó, mùi sầu riêng cũng giống như mùi cầu tiêu, không có sự phân biệt sai khác, biết là có khác nhưng không chạy theo, tức là không khởi lên cái niệm ưa thích hay cái niệm ghét. Cái mùi sầu riêng với cái mùi cầu tiêu giống nhau không thưa bạn? Giống chứ, nhưng mà có nhiều người thích ăn sầu riêng lắm, tại sao thế? Rồi có những người nói với chúng tôi thèm ăn sầu riêng nhưng mà có điều không có tiền ăn sầu riêng. Ở nhà quê đó, nghèo lắm làm gì có tiền ăn sầu riêng nhưng mà thèm lắm, thế thì người ta mua mít ướt người ta ăn ở trong cầu tiêu, tức là vẫn có cái mùi ấy, cái mùi của cầu tiêu và cái vị thơm thơm của mít ướt cho nên mới có sự hỗn hợp giữa mít ướt và cái cầu tiêu, giống y như là sầu riêng. Khi nói như thế mà khởi tâm lên ủa sao kỳ như vậy là rớt rồi, tức là bị gạt rồi, bị căn trần thức đánh lừa, nghe mà khởi lên niệm tức là bị gạt, bị căn trần thức gạt.

Tất cả những bài học chỉ là ngón tay và bây giờ đánh thẳng ngay vào trọng điểm, thử một cái thì bạn có khởi không? Cũng như khi nghe nói là Thiền sư Ikoto nhìn

thấy người đàn bà ở truồng, lập tức bạn khởi lên niệm ở truồng là như thế nào, là không mặc quần áo, rồi đứng như thế nào, rồi chỗ ấy là chỗ nào, bạn cứ tưởng tượng, tức là tưởng tri, sống ở trong tưởng tri tức là sống trong thế giới tưởng tượng, chứ không có thực, cho nên bạn bị vọng tình điên đảo, ba cõi sáu đường lăn trôi không bao giờ ra khỏi.

Khi nào liễu tri? Khi biết thực tướng của các pháp thì mới thoát ra, thấy như thế thì không chạy theo nữa. Còn nghe nói người đàn bà ấy đi xuống tắm ở truồng, rồi cái ông Thiền sư dòm từ trên xuống dưới, rồi ông ấy nói từ chỗ ấy mà sinh ra, thế rồi nhiều người bắt đầu trong đầu nghĩ chỗ ấy là chỗ nào, chỗ đó đó là trật lất hết rồi, tức là bạn đang bị gạt để cho bạn khởi lên cái niệm, để biết cái niệm ấy là từ ở đâu mà ra. Nếu bạn nào phát hiện ra cái niệm ấy từ đâu là bạn đã thành công, còn nếu bạn không biết rằng cái niệm ấy ở đâu ra mà chỉ biết theo cái tiềm thức tức là khởi lên ưa thì nói ưa, ghét thì nói ghét thế thì chạy theo cảnh rồi, tâm phân biệt, tâm đối đãi.

Thế thì tu là làm sao? Tu là phải giữ sáu căn (lục căn). Cách nào để giữ? Đức Thế Tôn dạy rất rõ là phải niệm chú, phải giữ trong sạch, năm giới của người Phật tử luôn luôn phải giữ. Sát là một, trộm cắp là hai, dâm là

ba, nói láo là bốn, uống rượu say sưa, ma túy là năm giới cấm của người Phật tử. Thế thì năm giới cấm đó hành trì luôn luôn cẩn mật thì lâu ngày sẽ thanh tịnh thôi, sáu cái căn thanh tịnh, thông thoáng và phải quyết tâm tu.

Thế thì tại sao ngài A Nan cũng được câu chú ấy mà khi đi về lại đạo tràng vẫn là còn thắc mắc. Trong khi đó Ma Đăng Già cũng nghe câu chú ấy nhưng mà sau khi nghe Phật khai thị rồi tu tập thì chứng đắc A La Hán. Có nghĩa là đa văn thì cũng chỉ đến thế thôi, còn người quyết tâm tu thì người ta chứng đắc mau lắm. Cho nên phải khởi cái tâm ham chứng đắc, lo hành trì chứ còn bây giờ mà bạn chỉ thích tới nghe, nghe xong rồi đi về, rồi quên thì giống như con kiến ở vườn Kỳ Viên, trong vô lượng kiếp cũng đến chỗ nào có Đức Phật thì đến

xem chứ cũng không có lấy cái tâm ra để suy nghĩ và không có tu, thành thử ra chỉ như thế mà thôi, làm con kiến mãi, chẳng được cái gì hết.

Đức Thế Tôn dạy là trong thời Mạt Pháp muốn diệt được tâm tham, tâm dâm thì phải giữ giới trong sạch, tắm rửa sạch sẽ, sống thời hành đạo, bớt ngủ thì Đức Thế Tôn sẽ đến để mà xoa đảnh an ủi. Trong này nói rất rõ, Đức Phật nói: "*A Nan, trong đời Mạt Pháp, những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni tâm diệt tham dâm, giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ-tát, khi ra vào nơi đạo tràng đều tắm rửa sạch sẽ, sống thời hành đạo, chẳng ngủ đến hai mốt ngày, Ta tự hiện thân trước người ấy xoa đảnh an ủi khiến được khai ngộ* " Đức Thế Tôn nói rõ như thế. Bây giờ, **thứ nhất là diệt cái tâm dâm, thứ nhì là giữ giới trong sạch, thứ ba là phát nguyện Bồ-tát**. Tiếp theo là tắm rửa sạch sẽ, bớt ngủ và nếu không ngủ hai mốt ngày thì Đức Phật sẽ hiện ra xoa đảnh an ủi.

Nào bây giờ bạn hãy hành trì hai mốt ngày bạn sẽ thấy Đức Phật tới để mà xoa đầu, để báo cho bạn biết là phải khởi cái tâm thành, giữ giới thanh tịnh. Chỉ có ba tuần thôi là được gặp Phật, thời gian rất ngắn nhưng hai mốt ngày hành trì sạch sẽ, tâm không khởi lên niệm phiền não, giữ giới trong sạch, năm giới của người Phật tử cứ giữ cho trong sạch, không sát, không nói láo,

không trộm cắp. Không khởi lên niệm, thân-khẩu-ý đều trong sạch. Sống thời đều hành, hai mốt ngày không ngủ thì tự nhiên Phật hiện ra, khiến cho được khai ngộ.

Phật lại bảo ngài A Nan nếu người đời Mạt Pháp muốn lập đạo tràng phải lấy phân mịn lại chỗ trắng tuyết sương hòa với đất vàng, mười thứ thảo mộc thơm như chim đàn trầm hương để làm đạo tràng, v.v.

Ngài A Nan đảnh lễ nơi chân Phật tức là cúi đầu sát với chân Phật, rồi khóc và thưa: "*Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật*". Ỷ lại nơi lòng thương của Phật cũng giống như trong đạo tràng, người nào cũng theo Phật hết, người nào cũng nói là thôi chuyện của con để Phật lo, con không cần lo, con không cần tu, Phật tu giùm con. Thành thử ra đến đạo tràng nghe thôi chứ không cần tu. Tại vì chúng ta đều có quan niệm, mọi người đều nói là thôi con nghe được rồi, con thành tín được rồi. Có phải vậy không? Chắc vậy, thành thử ra bạn mới đi đến hết đạo tràng này, đạo tràng kia, lăng xăng rồi lên nói, làm đủ mọi thứ, tại vì cái chuyện tu để Phật tu được rồi, bạn không cần tu, Phật tu giùm bạn phải không?

A Nan đảnh lễ chân Phật và thưa rằng: "*Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật, tham cầu đa*

văn, chưa chứng quả vô vi nên bị kẹt vào tà thuật của bọn Phạm Thiên. Tâm dùng rõ ràng nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp Văn Thù khiến được giải thoát".

Văn Thù là căn bản trí, nhờ nhìn thấy được căn bản trí nên thoát ra khỏi những cái lục căn, bị nhiễu. Dù thần nhờ sức thần chú của Như Lai nhưng còn chưa nghe được chú ấy, tức là khi ngài Văn Thù tụng thần chú ấy thì lập tức ngài A Nan liễu tri, nghe rõ nhưng có điều không nhớ. Thực sự thì ngài A Nan có nhớ không? Đức Thế Tôn nói một lần là nhớ thôi nhưng ngài A Nan hỏi để ngày hôm nay chúng ta có được câu thần chú này. Nếu ngài không hỏi thì làm sao ngày hôm nay chúng ta có được câu thần chú này. Ngài nói là có thầm nghe nhưng chưa hiểu vậy xin Đức Thế Tôn từ bi tuyên thuyết lại, tức là nói lại cho nghe và cho những người đời sau còn trong luân hồi nhờ cái mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát, thì ngay lúc bấy giờ Đức Thế Tôn mới tuyên thuyết thần chú Lăng Nghiêm. Đức Thế Tôn đã dạy là khi nào bạn trì tụng thì chư Thiên sẽ đến để hộ trì. Các chư Thiên đều phát nguyện, các vị Bồ-tát đều phát nguyện những người trì chú Lăng Nghiêm thì các vị ấy sẽ đến hộ trì và làm cho hành giả được sáng suốt và tâm sẽ định.

Khi bạn tụng chú này thì tự nhiên tâm sẽ thanh tịnh, trong sạch. Đức Phật cũng dạy: "*Nếu chúng sanh trong các khắp thế giới thì theo Phật hiện trong nước hoặc lấy lá, giấy, vải trắng để ghi chép chú này đựng trong túi nhỏ, nếu người ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình"*. Nếu người nào thấy dài mà không tụng được thì viết ra rồi bỏ vào trong gói gì nhỏ nhỏ cũng được rồi đeo trên người, để cho nhớ, chẳng bị các thứ gì độc hại hết. Còn ngươi nào luôn luôn trì tụng thì sẽ được trí tuệ tại vì không bị nhiễu loạn bởi cảnh, các căn đều được thông thoáng, ma quỷ không dám đến, không dám cám dỗ. Ngũ ấm ma cũng là một thứ ma, Ma Đăng Già cũng là một thứ ma, tâm điên đảo cũng là một thứ ma, cứng đầu cũng là một thứ ma, nói không nghe cũng là một thứ ma,… cái nào cũng là ma hết. Rồi khi người ta khen thì lỗ mũi nở ra cũng là một thứ ma, đều là ma chướng. Cho nên người nào quyết tâm tu học thì hằng ngày trì chú này, hơi dài nhưng mà chịu khó mỗi ngày mỗi kỳ, được rất là nhiều lợi lạc.

Năm giới của người Phật tử luôn luôn phải giữ tại vì bạn trì chú này mà bạn phạm giới là sẽ phản nghiệp lại, sẽ làm cho bạn điên đảo. Cho nên trì chú thì phải giữ giới, giới thanh tịnh sẽ hỗ trợ và như vậy thì sáu căn sẽ

được thông thoáng. Mà sáu căn thông thoáng thì sẽ thấy rõ được thực tướng của các pháp, sẽ không vướng mắc.

Các vị Kim-cang lúc bấy giờ cũng đảnh lễ Phật và cũng hộ trì cho người nào tụng niệm chú này như là Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương… các quỷ vương, thần sư, ma, điện quang tuần, ma quỷ…. đều hộ trì. Nghe câu thần chú này là hộ trì, phát nguyện là bằng mọi cách phải hộ trì. Còn nếu những người nào xâm phạm người trì chú này thì con ma hứa là nếu bất cứ con ma nào đến làm quấy nhiễu người tu mà trì chú này thì sẽ bị con ma này đập nát đầu ra.

Chú là gì? Chú tức tâm, tâm là chú. Tại sao thế? Tại vì pháp là bất di, chân lý là bất di. Hễ chú là có phương tiện, có thù thắng dẫn bạn ra khỏi mê lạc. Cho nên tâm là chú, chú là tâm. Cái diệu dụng là ở chỗ này. Người mà muốn nhờ Phật lực của tâm chú thì trước tiên là phải giữ giới trong sạch, tắm rửa sạch sẽ, không khởi lên một niêm. Trong hai mươi mốt ngày, ăn thì ăn nhưng không có ngủ, nên ăn chay và triệt những chuyện nam nữ, tham đắm, dâm dục bỏ đi, hai mốt ngày tu học đàng hoàng. Cả đời người bây giờ chỉ có hai mốt ngày mà không giữ được hay sao? Sau khi giữ được hai mươi mốt ngày thì luôn luôn trì chú giữ tâm thanh tịnh, tắm rửa sạch sẽ thì bạn sẽ thấy nhiệm mầu, vô cùng vi diệu.

Thế thì sự diệu dụng của tự tánh tức là tâm chú đấy là tự hiện, tất cả đều được thành tựu như lời chư Thiên nói. Tại sao? Vì các chư Thiên, chư Hộ Pháp, các vị Bồ-tát, Kim-cang, Tạng vương đều phát nguyện hộ trì cho những người nào tụng chú này và giữ đúng quy luật tức là giữ giới thanh tịnh, bớt ăn bớt ngủ và luôn trì chú này. Cho nên chúng tôi khích tấn bạn nên giữ năm giới, hai mươi mốt ngày không ngủ và chịu khó trì chú này thì sẽ được hoan lạc, tâm sẽ khai mở và nhìn thấy rõ thực tướng của các pháp, không có bị đắm chìm vào trong đấy nữa.

Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: Thầy có thể chỉ cho con cách trì chú như thế nào, ta trì chú nhanh hay tốc độ bình thường, rõ ràng từng câu?

Trả lời: Lành thay, lành thay!

Khi ngài Văn Thù đem câu thần chú này đọc thì ngài A Nan đang mê mẩn ở trong cái dâm thì tự nhiên liễu tri ra, rồi tỉnh ngộ. Diệu dụng của nó vô cùng. Thế thì khi chúng ta hành trì thì trong kinh cũng đã dạy chúng ta rất rõ. Thứ nhất giữ giới thanh tịnh, năm giới cấm của người Phật tử thì chúng ta phải giữ cho đúng. Thứ nhì

chúng ta phải bớt ăn, bớt ngủ. Nếu không ngủ trong hai mươi mốt ngày thì rất thù thắng, trong kinh có nói như thế. Và khi trì chú thì lấy cái tâm, tâm tức chú, chú tức tâm. Chúng ta tụng để tâm chúng ta nghe cái chú ấy để thanh tịnh. Thế thì khi tụng, bạn tùy theo người, có những người thì tụng nhanh mới không buồn ngủ, có những người thì tụng chầm chậm. Nhưng chúng tôi khuyên là tụng vừa phải thôi, không nên nhanh quá mà cũng không nên chậm quá, tại vì cái tâm của ta hay nghiêng theo âm thanh ấy mà nếu được lợi lạc thì đó là mục đích chính của việc trì chú. Thế thì bạn làm được không? Chủ yếu là giữ giới thanh tịnh, ăn chay, không ngủ, rồi trì chú hằng ngày, trì chú hai mươi mốt ngày thì bạn sẽ thấy sự diệu dụng.

Câu hỏi: Vì sao chú Lăng Nghiêm không được phổ biến trong Phật giáo Nam Tông. Vậy kinh chú Lăng Nghiêm bắt đầu từ thời kì nào mà Phật giáo Nam Tông không sử dụng?

Trả lời: Nếu mà nói rằng cái nào của Phật nói hay cái nào không phải của Phật nói thì e rằng tâm của người ấy cũng thật chính chấp. Tại vì các pháp vốn là bình đẳng, phương tiện là phương tiện, chân lý là chân lý, chân lý là bất di, chỗ nào đưa tới, thanh tịnh thì đều có tác dụng thù thắng như nhau.

Vào thời Đức Thế Tôn thì những lời dạy, kinh điển của Đức Thế Tôn chỉ là những truyền khẩu rồi sau đó bốn trăm – năm trăm năm sau mới viết lại, cho nên nói rằng cái này do Phật nói hay cái kia không do Phật nói, cái này là Nam Tông hay cái kia Bắc Tông thì tạo ra cái tâm phân biệt, ngay ở chỗ cái tâm phân biệt là đã rớt rồi. Người tu khởi lên tâm phân biệt thì vọng tưởng điên đảo. Ở trong kinh Kalama Đức Thế Tôn có dạy thế này: "*Đừng nghe những gì mà thiên hạ nói, đừng nghe những gì mà nhiều thế hệ nói, cũng đừng nghe những gì mà sách vở nói, cũng đừng nghe những gì mà đa số mọi người nói*" mà Đức Thế Tôn dạy là kể cả những điều mà Phật nói cũng đừng có tin, nhưng hễ áp dụng những điều ấy vào trong đời sống thực tế và trên con đường tu học của ta nếu có được lợi lạc thì ấy là chân lý. Cho nên nếu bạn áp dụng chú Lăng Nghiêm mà tìm được sự an tịnh, tìm được sự lợi lạc trên con đường tu học đó là chân lý, cần gì phải ai nói, cần gì người ta làm hay không làm. Đâu phải người ta sát sanh thì bạn bắt chước sát sanh. Cho nên ta phải tự quán chiếu, ta tu thì ta được, không thể nào người khác ăn mà ta no được. Chúng tôi chỉ có lời khuyên như vậy thôi.

Trong kinh Pháp Dịch Đức Thế Tôn đã nói sau này kinh Thủ Lăng Nghiêm là kinh sẽ bị người ta sửa đổi và sẽ

làm mất tại vì lúc bấy giờ con người ta tham đắm ngũ dục cho nên Mạt Pháp, thành thử ra người ta sẽ bỏ nó trước và nếu người ta bỏ nó trước là coi như là Mạt Pháp rồi.

Câu hỏi: Tại sao là hai mốt ngày mà không phải là bảy hay mười bốn, hay hai mốt ngày còn có mật ý gì nữa?

Trả lời: Khi Đức Thế Tôn truyền y bát lại cho ngài Ca-diếp. Sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, ngài A Nan đến hỏi ngài Ca-diếp: "*Thưa sư huynh, ngoài y bát ra Đức Thế Tôn còn dạy cho bí mật gì nữa cho sư huynh*". Thế thì ngay cái lúc mới hỏi như thế thì ngài Ca-diếp mới nói với ngài A Nan "*A Nan*" gọi ngài A Nan, ngài A Nan đáp: "*Dạ*", thì ngài Ca-diếp mới nói: "*Cây phướn trước chùa ngã*". Bạn có hiểu không?

Chú đều có nghĩa nếu biết được ngôn ngữ, tại sao các thầy chỉ đọc âm mà không giải nghĩa. Quý thầy cũng đều giải nghĩa, đó là lý do mà tại sao chúng tôi không đi vào câu chú. Lý do là tại vì tất cả chỉ là phương tiện để cho cái tâm được thanh tịnh, trở về với cái bản thể thanh tịnh của ta. Thì khi tụng với một cái tâm hoàn toàn tin vào đấy, chú tâm vào đấy đương nhiên đạt được cái chỗ thanh tịnh, làm mãi trở thành thanh tịnh tự nhiên, mục đích chính là giữ cái sự thanh tịnh. Nơi

thanh tịnh thì thông với tất cả vũ trụ, chư Phật tâm cũng thanh tịnh thôi.

Sáu căn là mắt, tai, mũi,… Tức là cái ý của bạn, cái tâm của bạn phan duyên, chạy theo lời, âm thanh. Nghe thì nghe, hà cớ gì cái tâm của ta lại chạy theo lời nói, như vậy là bị gạt rồi, không quán chiếu cái tâm, thế thì những bài học trong kinh Thủ Lăng Nghiêm để làm gì?

Suy tư và hành trì quan trọng lắm. Cho nên nhiều lúc nói lung tung, nói này nói kia để thử xem và khi nói xong rồi là để ý người này, người kia hoảng hốt, tâm ấy là gì? Tâm phan duyên. Thế thì học mà không hành thì giống như muỗng múc canh, chẳng có được lợi lạc gì hết. Siêng năng đến đạo tràng mà không được lợi lạc, ra về tay không mà trong khi đó bày ở trên bàn đầy đủ các món ăn, món ăn ngon, món ăn đủ các thứ để cho bạn mà bạn không ăn, rồi bạn ra về tay không.

Câu hỏi: Đọc chú bắt ấn và đọc chú không bắt ấn khác nhau thế nào?

Trả lời: Cái đó từ từ chúng tôi sẽ hướng dẫn cho bạn trì chú ra làm sao, bắt ấn như thế nào và ấn đó có ý nghĩa nào. Ấn có nhiều tác dụng lắm chứ không phải là không đâu, không có đơn giản, không có ấn nào giống ấn nào hết. Và mỗi một câu chú đều có sự diệu dụng của nó và

có một cách bắt ấn. Có những câu chú có tới cả chục cách bắt ấn khác nhau nhưng mà không có cái nào giống cái nào.

Bạn trong đạo tràng này có bạn nào biết ngôn ngữ ra dấu cho người điếc họ không nghe được âm thanh. Cho nên có một người họ học được cái khóa ra dấu, lấy tay múa múa vậy đó, rồi tự nhiên người bị điếc người ta xem người ta biết được chữ đó là chữ gì. Bạn có biết cái khóa đó không, đó gọi là ngôn ngữ bằng tay. Tức là cái tay ra dấu, mà những dấu bằng tay đều có thành ra lời. Người điếc xem cái dấu tay là biết cái câu nói gì. Người ta có quy ước với nhau hết. Người nào học cái đó thì đều biết cũng giống như bạn đánh cái chữ lên là kính mời là phải đánh y như thế mới biết là kính mời, nào thế thì đều có quy ước.

Trong bài này chúng ta chỉ học bước đầu là buông, giữ được tâm thanh tịnh thì phải trì chú Lăng Nghiêm. Muốn trì chú Lăng Nghiêm thì phải giữ giới, giữ giới trong đó năm giới cấm của người Phật tử là phải ăn chay, không nói láo, không trộm cắp, hành dâm, uống rượu, ma túy - năm cái đó phải giữ, sát là phải giữ thì khi trì chú mới có hiệu lực, còn sử dụng ma túy rồi hành dâm, không sạch sẽ thì bị phản ngược trở lại thì đừng có trách tại sao có nhiều người nói trì chú thì phát điên,

tại sao vậy? Tại vì ăn mặn, uống rượu thì nói trì chú sao được, hút thuốc lá cũng không được luôn. Thuốc lá là một trong những cái làm cho say sưa, phải bỏ.

Câu hỏi: Có cách nào đọc chú Thủ Lăng Nghiêm mau thuộc không?

Trả lời: Có chứ! Cứ từ từ chúng tôi sẽ hướng dẫn bạn, chỉ có môt cách tốt nhất là bạn cứ đọc, đọc mãi rồi cũng thuộc nằm lòng. Mà bạn thấy ngày nào cũng tụng chú Lăng Nghiêm thì tự nhiên là nhớ thôi. Một năm tụng ba trăm sáu mươi lăm lần thì làm sao không nhớ, phải không? Tự nhiên nhớ thôi, thấy dài mà không dài đâu. Đường đi tu học còn dài hơn câu chú ấy nhiều, câu chú ấy có bao nhiêu, đường đi còn mấy chục năm ấy mà.

Câu hỏi: Vừa trì chú Đại Bi vừa trì chú Lăng Nghiêm có được không?

Trả lời: Thì tốt thôi, không sao hết. Khi bạn trì chú Đại Bi thì ma quỷ chạy, còn trì chú Lăng Nghiêm thì ma quỷ trong tâm cũng chạy, thành thử ma quỷ bên ngoài chạy mà quỷ trong tâm cũng chạy, như vậy rất lợi lạc cho bạn.

Câu hỏi: Con cũng có một câu hỏi này cũng về cái giới nhưng không vào cái giới khi trì chú Lăng Nghiêm vì

thực sự ra con cũng chưa đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm. Chỉ về cái giới, thường nói về cái Giới Định Tuệ thì thường người ta nói: có giới sinh định và định sinh tuệ, nhưng thực sự ra có nhất thiết khi trì giới xong thì sinh định hoặc là khi có định rồi mới có huệ. Theo con biết thì thời Lục Tổ, khi ngài cùng sống với mẹ khi nghe một câu kinh thì ngài có sự ngộ đạo thì không biết là thời kỳ đó thì Ngài đã giữ giới chưa, và khi Ngài nghe câu đó Ngài đã đến trong chùa để gặp cụ Tổ trong vài tháng và sau đó được cụ Tổ truyền cho y bát, thì trong một đêm như thế thì Ngài đại ngộ và khi mà Ngài lúc đi ẩn ở trong đội thợ săn thì Ngài lại tự biết được phải giữ cái giới, tức là nấu thịt và rau thì Ngài chỉ ăn rau mà không ăn thịt. Con nghĩ là không biết ta có nhất thiết cứ phải giữ giới trước xong rồi mới có định có huệ hay là khi mà ta có trí tuệ, theo con nghĩ là Ngài Lục Tổ đã có trí tuệ rồi thì Ngài mới nghe một câu nói thì Ngài mới có sự đại ngộ và Ngài mới có giữ giới về sau thì con mới có thắc mắc như vậy. Vậy thì có nhất thiết ta phải có giới trước rồi mới có huệ không ạ?

Trả lời: Lành thay, lành thay. Nếu là hành giả theo Phật thì mục đích cuối cùng cũng là để tới trí tuệ, tức là lấy trí tuệ làm chính. Nhưng muốn có trí tuệ thì có nhiều cách để có, nhưng Đức Thế Tôn dạy cho một công thức,

công thức này rất dễ hiểu và dễ thực hành, ai thực hành cũng được. Đức Thế Tôn nói Giới, Định, Tuệ ba cái đó sinh ra. Hễ giữ giới nghiêm trì thì tâm được hoan hỉ, sung mãn rồi không có vướng mắc, không có phiền não. Mà hễ không có phiền não nữa thì được định, rồi từ chỗ định không giống như là vọng tưởng điên đảo, bị ngưng thì tự nhiên chân tâm hiển lộ nghĩa là tuệ hiển lộ.

Nói theo công thức như thế thì chúng ta có một ấn tượng là giới sanh định, định sanh tuệ, như thế thì đúng đấy, nhưng chưa được hoàn hảo. Tại sao thế? Tại vì ba mắt xích ấy đều hỗ tương cho nhau, có giới thì mới có định, có định thì mới có tuệ nhưng mà có tuệ rồi mới biết có giới nào để mà giữ và phạm giới như thế nào. Khi ta khởi lên cái tâm sát thì cái tâm sát ấy lập tức làm cho tâm điên đảo, làm ta không được thanh tịnh.

Cho nên giới định tuệ như ba mắt xích. Có định mới giữ được giới, có tuệ mới biết cái giới như thế nào, phạm hay không phạm. Không phạm và lúc nào phạm thì tự nhiên cái tuệ cho thấy. Cho nên tất cả đều là mắt xích, nói ba nhưng thực sự cũng là một chứ không chia rẽ đâu.

Tốt hơn là bạn cứ theo công thức của Đức Thế Tôn dạy là giữ giới, giữ giới cho thật kỹ, nghiêm trì, thân khẩu ý

đều giữ giới chứ không phải chỉ có cái thân đâu, khẩu cũng thế, giới sát thì cũng không nói. Thí dụ như bạn mắng chửi người ta bạn nói cái đó không có phạm giới sát à? Người ta nghe buồn, người ta tự tử thế có phải giới sát không? Cho nên cái giới quan trọng ở chỗ đó. Khi người tu hành theo Phật thì mở miệng ra phải nói lời từ ái, không bao giờ nói lời châm chọc, không nói lời chê ai hết mà cũng không nói lời khen ai hết, đều là nói lời từ ái thôi, bình thản, như vậy là tâm bất diệt.

Thế cho nên càng tu là càng không muốn nói nữa ngoại trừ những vị nào đã phát tâm là muốn hoằng pháp cho đại chúng được lợi lạc, tuy nhiên chỉ nói thôi, nói vì cái duyên sự ấy nên mới nói chứ không tha thiết nói, cũng không có mong cầu, đừng nói cái gì hết.

Phương tiện tùy theo cái sanh mà nói, cho nên bạn thấy kinh Thủ Lăng Nghiêm, mười chín bài trước rất khó hiểu tại vì theo kinh văn. Như vậy những gì chúng ta học thì phải hành trì, nếu không hành trì thì sẽ không được lợi lạc giống như là xem hát xiệt, không ích lợi gì hết.

Sanh tử rất nhanh, đứt một hơi thở là xong mà nếu không tu, không hành trì thì lỡ chết rồi đầu thai làm cái gì lung tung hết. Cẩn thận không khéo đầu thai làm con

vô số chân thì giống như là hoàng hậu của vua Lương Võ Đế sau khi chết đầu thai làm rắn. Nhất là con rắn xấu xí nữa thì kinh khủng không? Cho nên tốt hơn hết là nên tu.

Muốn thì tu sáu căn, mà muốn tu được sáu căn thì phải tu đàng hoàng, tu giữ giới. Giới tịnh thì lục căn thông, lục căn thông thì nhất mới tiêu, tâm điên đảo ngưng thì trước hết là phải giữ giới. Người Phật tử giữ năm giới cấm đều phải kèm theo thân, khẩu, ý. Thân không phạm giới, ý không phạm giới, khẩu cũng không phạm giới, chứ không phải nói khẩu là không giết chóc người ta rồi nói vô tội vạ là không được, khẩu cũng là một thứ vũ khí giết người, làm cho người ta buồn phiền quá người ta tự tử cũng là giết người, gây ân oán nhiều cũng là nơi cái khẩu mà ra, *há khẩu thì thần khí tán, động lưỡi thì thì thị phi sanh*. Đã là người tu không những làm lợi cho ta mà cũng làm lợi cho người.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

LUẬN GIẢI VỀ TÂM
TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 4

Giới Tịnh Nhất Tiêu
Vạn Xứ Vô Sanh

TUỆ TÂM THIỀN THƯ QUÁN

Website: www.tuetam.info
Facebook: Tuệ Tâm Thiền Thư Quán
Email: tuetamthienthuquan@yahoo.com

Lotus Wisdom Publishing Co. 2023